Thu Giang NGUYỄN DUY CẦN

ÓC SÁNG SUỐT



Phương pháp tự rèn luyện cho mình một khối óc sáng suốt để có thể tự lập và định đoạt lấy cuộc sống của mình



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

ÓC SÁNG SUỐT

Tiểu dẫn

Người xưa có nói: Một thân thể không đau, một tinh thần không loạn, đó là chân hạnh phúc của con người.

Sự thật dĩ nhiên như vậy. Thiếu một trong hai điều kiện trên đây thì không thể bàn đến hạnh phúc được. Vả lại, có được một thân thể tráng kiện mà không có tinh thần sáng suốt thì có xứng đáng gọi là người chưa? Đối với con người mà có một điều kiện vật chất thôi, không đủ.

Có một định luật về sinh lý mà không một ai tránh khỏi là: bất kí một cơ quan nào thiếu tập luyện, thiếu hoạt động sẽ trở thành phế vật. Mà khối óc ta cũng là một cơ quan như các cơ quan khác có làm cách gì tránh khỏi được cái công lệ tự nhiên ấy. Nếu không tập luyện, nhứt là không hoạt động, lâu ngày rồi nó cũng sẽ thành phế vật không sai.

Nhưng bảo rằng không hoạt động có quá đáng không? Vậy chớ ai là người không tư tưởng, không phán đoán? Vậy chớ hằng ngày ta không thấy họ bàn bạc cãi lẫy nhau đến đánh đập nhau, tương tàn tướng sát nhau sao? Có lẽ họ tư tưởng nhiều hơn họ ăn, ngủ, thở, hát… nữa kia. Thế mà bảo khối óc họ thiếu hoạt động là nghĩa lý gì? Không. Muôn vàn lần không. Nào ai dám bảo là họ không tư tưởng. Nhưng có điều là họ tư tưởng theo kẻ khác, họ tư tưởng theo giai cấp họ, họ tư tưởng theo sách vở, theo báo chí, theo radio, theo đảng phái hay theo tôn giáo họ. Họ đâu có tư tưởng. Hiện thời thuật nhồi sọ đã đến một trình độ cực kỳ tinh vi, người ta chỉ còn là một bộ máy mặc tình ai sai-sử dụng cách nào cũng được. Cái hiểm tượng há không phải là một ác mộng cho cả thảy chúng ta ngày nay sao?

Nếu ta nhận cho cái định nghĩa về con người của Pascal là đúng[1], thì để cho khối óc ta thành phế vật hay không săn sóc đến sự huấn luyện nó là một việc hết sức ô nhục cho cái nhân phẩm mình.

Có được một khối óc sáng suốt là có được một lợi khí chắc chắn để gìn giữ địa vị ưu thắng trên trường đời, luôn cả cái phẩm cách con người của mình. Thật vậy, một kẻ mà khối óc u mê tăm tối, hỗn độn mù mờ chắc chắn sẽ không làm nên trò trống gì nếu không đi làm tay sai cho kẻ khác, hay sống nhờ nơi kẻ khác họ dìu dắt nâng đỡ cho.

Cũng là “đầu đen máu đỏ” như ai, thế sao lại phải ỷ lại vào kẻ khác họ “nâng niu ẵm bế” mình như một đứa bé lên hai trong khi mình cũng có đủ điều kiện tinh thần vật chất như họ? Vậy, tập luyện cho mình có một khối óc sáng suốt để có thể tự lập và định đoạt lấy mạng vận của mình đâu phải chỉ để mưu hạnh phúc cho mình mà thôi đâu, mà đó là cả một vấn đề nhân phẩm của mình nữa.

Giờ muốn có được một khối óc sáng suốt, ta phải làm thế nào?

Có thể trông cậy nơi giáo dục ở nhà trường không? Chắc chắn là không thể hoàn toàn trông cậy nơi đó được. Có nhiều duyên cớ mà có lẽ duyên cớ nầy là quan trọng nhứt: chương trình quá nặng nề mà thời gian để tiêu hóa rất ngắn ngủi. Trong ba bốn năm mà bắt đầu óc phải chứa đựng không biết bao nhiêu điều mà có lẽ suốt đời ta, nếu thật thông minh, cũng không đủ để tiêu hóa. Ta nên nhớ: một sự hiểu biết gì mà không phải tự mình tìm ra, không phải là hiểu biết. Huống chi, bắt người ta phải thâu nhận những điều người ta chưa muốn thâu nhận để thi cử thì cái biết ấy hoàn toàn không ích lợi gì cho khối óc thông minh của mình cả. Đó chẳng qua là một sự nhồi sọ mà thôi. Những cấp bằng ấy là những cấp bằng trí nhớ, một lối trí nhớ cơ giới (mémoire mécanique) không thể hoàn toàn đảm bảo sự thông minh trí thức của họ được như có nhiều người lầm tưởng. Phần đông những kẻ có cấp bằng trung học hay đại học mà làm nên một kỳ công đại nghiệp gì đều nhờ cái học tiếp tục của họ sau khi ra trường. Những thí sinh qua khỏi cuộc thi rồi, không bao lâu họ sẽ trả lại nhà trường cả và chỉ giữ lại một ít

hiểu biết vụn vặt, những cái hiểu biết ngoài da hết sức dở dang, chỉ đủ làm một phận sự thơ lại trong các công sở mà phận sự không cần đến thông minh, chỉ biết cúi đầu làm theo những gì mà bề trên đã sẵn sàng vạch trước. Một anh tú tài vừa tách ghế nhà trường có thể có một cái biết của một nhà thông thái, nhưng mà là một thứ biết không ra hồn: cái gì cũng biết mà không có một thứ gì thật biết. Phải nói: người ta "ăn nhiều quá", nhưng "chưa kịp tiêu". Vấn đề văn hóa là một vấn đề thời gian. Bỏ thời gian thì công trình văn hóa phải dở dang hư hỏng cũng như phải có thời gian hoa mới có thể nở, trái mới có thể chín, cây mới có thể mọc… vậy. Bởi thế nói đến công trình văn hóa ở nhà trường thật khó mà trông mong một cách ổn thỏa được.

Những phương pháp giáo dục ở nhà trường, đứng về phương diện trí dục đành là khuyết điểm rồi, nhưng về phương diện đức dục và cách thức cư xử ở đời thì hoàn toàn lại càng khuyết điểm hơn nữa. Thanh niên ra đời, sau khi rời bỏ nhà trường, thật bỡ ngỡ lạ thường… Bởi vậy, như tôi đã nói ở trên, phần nhiều những kẻ lập nên kỳ công đại nghiệp gì ở đời đều nhờ nơi công phu tự học cả. Muốn được thế họ phải trải qua không biết bao nhiêu gian lao khổ cực để tìm lấy cho mình một lề lối, một kỷ luật để tự dìu dắt trên con đường tu tập. Nhưng tiếc thay, đâu phải hojluoon luôn đều được may mắn cả đâu: một phần đông vì thiếu thời giờ bởi vấn đề sinh kế mà phải "bán đồ nhi phế", hoặc thiếu tài liệu vì thời cuộc mà phải đành buông trôi ý chí của mình…

Quyển sách nầy viết ra đây là vì những bạn trẻ ấy.

Đây là tinh hoa của rất nhiều bộ sách về phép huấn luyện trí não của các bực vĩ nhân hiền triết đông-tây mà tôi đã đọc qua và tóm tắt cho các bạn, luôn cả những kinh nghiệm của tôi trong thời gian tự học… Cốt cầu được đơn giản và rõ ràng, bao giờ tôi cũng nhắm về thực tiễn hơn là lý thuyết suông.

Người ta thường dung cái danh từ "đa văn quảng kiến" để chỉ những bực tài hoa xuất thế đâu phải là không có lý do. Nhãn quan và thính quan là nguồn gốc của một phần rất lớn trong sự hiểu biết của ta. Kẻ nào khéo điêu luyện giác quan thì kinh nghiệm của họ về việc đời càng thêm phong phú và sâu rộng. Trái lại có nhiều kẻ đi trên đường đời như người mơ ngủ: họ có mắt nhưng không biết xem, họ có tai nhưng không biết nghe… Những người như thế chắc chắn khối óc họ luôn luôn lù mù, tinh thần họ luôn luôn tăm tối có khác nào kẻ đui người điếc đâu.

Nhưng quan sát mà được tinh vi đúng đắn là nhờ khéo biết tập trung tư tưởng. Thiếu tập trung tinh thần thì các quan năng đặc biệt như trí nhơ, trí phán đoán hay suy luận đều không thể phát triển được. Trong phép điêu luyện tinh thần, phải lấy nó làm gốc. Bởi vậy, trong quyển nầy tôi đã phải dành cho nó và thuật quan sát một địa vị tương đương và quan trọng nhất.

Trong khi quan sát, ta còn phải để ý đặc biệt về yếu tố này: trí tưởng tượng. Sỡ dĩ trong khi quan sát mà thường bị sai lầm là vì nhận xét không tinh và vì óc tưởng tượng quá mạnh nhưng không qui củ. Trong khi quan sát không gì nguy bằng để cho trí tưởng tượng chen vào, nó thường làm cho ta thấy sự vật, không phải y như sự vật ấy đã xảy ra, mà là theo ý của ta muốn cho sự vật ấy phải xảy ra như thế nào. Trái lại, nếu biết huấn luyện nó cho có qui củ thì trí tưởng tượng sẽ là một lợi khí giúp ta tìm chân lý một cách hết sức đắc lực. Những bực thông thái đã phát minh được những gì đều nhờ biết dùng trí tưởng tượng tạo ức thuyết để dẫn đường trong con đường tìm chân lý. Thiếu trí tưởng tượng, là thiếu một cơ năng quí báu nhứt của tinh thần. Nó là tinh lực của tư tưởng. Thiếu nó, con người không sáng tạo được gì cả mà đời sống cũng không còn gì là hứng thú.

Biết quan sát cho tinh, biết tưởng tượng cho đúng cũng chưa đủ gọi là sáng suốt. Tư tưởng mà đúng đắn, trước hết là nhờ tư tưởng có trật tự và có một trí nhớ trung thành. Thiếu sự tổ chức tư tưởng thì

không thể nào có được trí nhớ trung thành, mà không có trí nhớ trung thành thì chắc chắn không làm gì tư tưởng cho có đầu đuôi minh bạch được. Trí nhớ đây, không còn là một thứ trí nhớ cơ giới nữa, mà là một thứ trí nhớ của tinh thần hoạt động điều hòa.

Vì những lẽ nói trên, tôi chia công phu huấn luyện tinh thần làm năm phần, sắp theo thứ tự sau đây:

1. Thuật quan sát;
2. Thuật tập trung tinh thần;
3. Thuật tưởng tượng;
4. Thuật tổ chức tư tưởng;
5. Thuật nhớ lâu;

Một chương trình như thế tuy đơn giản thật nhưng cũng có thể tạm gọi là vừa đủ cho các bạn muốn đào tạo cho mình một khối óc sáng suốt, hoặc không được thế, thì ít ra cũng không đến nỗi mù mờ như xưa nữa.

Những bạn nào muốn lên một từng cao hơn, hãy đọc tiếp quyển sách kế tiếp của nó, quyển THUẬT TƯ TƯỞNG.

Ta có thể gọi quyển này là quyển nhập môn cho Thuật Tư Tưởng cũng nên.

Đọc xong quyển này, các bạn nếu thực hành ngay từng nguyên tắc, chắc chắn cuộc đời bạn sẽ thấy đổi mới, tinh thần bạn sẽ thấy minh mẫn hơn xưa nhiều. Và được bấy nhiêu cũng đã nhiều rồi…

Nguyễn Duy Cần

Chương I. TƯ TƯỞNG – TINH THẦN[2]

I. TƯ TƯỞNG LÀ GÌ?

TRƯỚC khi bàn qua những phương pháp tư tưởng cần định nghĩa tư tưởng là gì?

Tư tưởng là một chữ khó định nghĩa, vì nó có cái nghĩa vừa rộng rãi, vừa thay đổi. Thử lấy một vài trường hợp đặc biệt mà người ta thường đem chữ ấy ra dùng:

1. Người ta hay dũng chữ "tư tưởng" để chỉ "bất kỳ là thứ gì thoáng qua trong đầu óc". Cái định nghĩa này thật hàm hồ… là vì, sự thật, phàm tư tưởng một điều gì, tức là để tâm đến điều ấy, tuy rằng để tâm một cách sơ sài hay sâu rộng cũng vậy.
2. Tư tưởng cũng dùng để chỉ "những ý nghĩ ở ngoài sự nhận thức của giác quan". Ta tư tưởng những vật gì ta không thể thấy, nghe, hay rờ rẫm được.
3. Tư tưởng lại cũng dùng để chỉ "những ý kiến căn cứ đàng hoàng trên một số bằng cớ chắc chắn", về định nghĩa này, có 2 loại như sau đây, cần phải để ý phân biệt:

1. có khi ta chỉ nhận suông một ý kiến nào, không cần đòi hỏi hay tìm kiếm những lý lẽ hay bằng cứ để làm cơ sở cho ý kiến ấy.
2. có khi trái lại, ta chỉ nhận một ý kiến, khi nào ta tìm thấy nó có cơ sở vững vàng, bằng cứ chắc chắn. Lối này, là lối tư tưởng chính đính (pensée réfléchie). Chỉ có lối tư tưởng này là có giá trị thôi. Cho nên nó là trụ cột của quyển sách này vậy.

Sau đây, ta thử phân tích rộng ra, những lối tư tưởng trên đây cho dễ hiểu hơn.

1. Tư tưởng lông bông, không phải là tư tưởng.
   Những cảm xúc thoáng qua, những ký ức mơ màng, những mộng tưởng bâng quơ lảng vảng trong đầu óc những khí nhàn rồi… đó là lối tư tưởng mà ta không nên vì nó đỡ phải mất thời giờ vô ích. Trái lại, tư tưởng đính chính là một sự liên lạc chặc chẽ, chớ không phải là một sự tiếp tục hoang mang những ý nghĩ không đầu đuôi, không dính líu với nhau đâu. Bắt đầu từ ý này sang ý kia, bắt từ ý kia sáng ý nọ không dính dấp gì với nhau cả, đó không phải là tư tưởng đính chính. Tư tưởng là khi nào mỗi ý nghĩ đều để lại một dư nghĩa, dùng làm chỗ nối cho một ý nghĩa khác theo sau và cuồn cuộn như dòng nước chảy…
2. Tư tưởng dùng để chỉ vào "những sự vật ở ngoài nhận thức của giác quan" cũng chưa phải là tư tưởng hoàn toàn được.
   Một người kia thuật cho ta nghe một câu chuyện. Nếu ta hỏi họ có thật nghe thấy chuyện ấy như thế không, thì có khi người đó sẽ trả lời: đó toàn là sự ước định mà thôi: "Tôi nghĩ nó như thế…" Đây, người ấy không tư tưởng theo quan sát mà một phần do nơi sự "sáng tạo" mà ra. Những việc người ấy thuật cho ta nghe có thể hữu lý lắm, cái này ăn chịu với cái kia, chằng chịt ráo riết như sự thật vậy. Lối tư tưởng này, nếu được liên lạc nhau, cũng có phần na ná với lối tư tưởng chính đính. Thường lối tư tưởng này để chỉ có những người có óc luận lý họ bày ra được thôi. Đó là lối tưởng tượng đi tiền đạo cho lối tư tưởng chính đính sẽ bàn sau nầy.
3. Lối tư tưởng "chỉ nhận suông một ý kiến, mà không tìm coi nó có cơ sở hay bằng cứ chắc chắn không", cũng không phải là tư tưởng hoàn toàn.
   Khi ta nói: "Người ta tin rằng trái đất hình giẹp" hoặc: "Tôi tưởng anh không có ở nhà"… v.v.,

đó là ta đã tỏ ra một "ý kiến". Ta tuy đã quả quyết, đã chứng minh một việc, những tư tưởng lối này có thể là những ức thuyết chưa kiểm tra, ngẫu nhiên phát sanh ra trong đầu óc ta. Ta cũng không lo tìm kiếm những lý lẽ, những bằng cứ để làm cơ sở cho nó. Ta chỉ thu nhặt nó, vô tâm đem sáp nhập nó vào tâm trí ta một cách thờ ơ lơ đễnh… Lối tư tưởng này là lối tư tưởng theo tập quán, theo giáo dục, hòa lẫn với dục vọng bồng bột của ta. Ta gọi là "thành kiến" vì nó không căn cứ vào một lẽ hiển nhiên nào cả.

Trái lại, "tư tưởng chính đính" là "kết quả của một sự khám xét chặt chẽ, dày dặn, tinh mật một ý kiến nào; và có thêm rất nhiều bằng cứ, lý lẽ chính đính làm cơ sở cho nó".Tỉ như trước kia, người ta đều tin rằng "trái đất hình giẹp"… Người ta tin suông như thế…

Đến sau Christophe Colomb cho nó là hình tròn. Ở đây không còn phải là một lối tin tưởng suông như trước nữa, trái lại, nó là kết quả của một quan sát rất chu đáo những sự thực đã xảy ra: ông đã suy đi xét lại sự hiển nhiên trước mắt ông cho đến khi ông không thấy còn chỗ nào nghi ngờ nữa, bấy giờ ông mới quả quyết tin là nó là thế ấy.

Hoài nghi đối với bất kỳ là cái chi do cựu lệ truyền lại, ông không chịu thối lui trước sự khó nhọc để quan sát, để kiểm tra những điều ông nghe thấy, ông tìm kiếm đủ bằng cứ để chứng minh điều ông suy nghĩ, chừng ấy mới chịu tin ý kiến mình là phải. Dầu kiết luận của ông có sai lầm đi nữa, ý kiến của ông đã nhận là một ý kiến rất khác xa ý kiến kia của những người "tin suông" trước ông: ý kiến ông là kết quả của lối "tư tưởng chính đính".

Tóm lại, "tư tưởng chính đính" là tư tưởng có bằng cứ chắc chắn, không phải lối tư tưởng vu vơ, bổng lổng thêu lêu, không gốc rễ.

II. ĐIÊU LUYỆN TINH THẦN

MUỐN có được một tư tưởng chính đính, điều kiện đầu tiên là phải có một tinh thần đầy đủ, một trí tuệ hoạt bát.

A. “Trí tuệ” là gì? Là sự tổng hợp của 3 quan năng này: Giác cảm, Trí Nhớ và Trí Phán Đoán.

1. Giác cảm đứng đầu. Nhờ có mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi…, ta mới biết được hình trạng cùng vị trí tương quan của mọi vật. Nếu ngũ quan của ta khéo điêu luyện thì sự hiểu biết của ta về ngoại giới sẽ đặng dồi dào phong phú hơn. Nếu rủi mà tai ta lảng, mắt ta mờ… lại là một cái cớ ta cần phải chuyên tâm huấn luyện nó hơn ai cả thảy, để bù vào chỗ thiếu sót của ta. Vậy, sự hiểu biết của ta về sự đời, nếu không có mắt thấy, tai nghe… ta sẽ tưởng tượng nó sẽ ra như thế nào? Huống chi có mắt mà không biết xem, có tai mà không biết lóng, thời có hơn gì kẻ đui người điếc bao nhiêu. Vậy bước đường đầu để điêu luyện trí tuệ là phải tập quan sát.
2. Nhưng, nếu những cảm giác ấy như cái bóng phớt qua tường, không để lại một chút ấn tượng gì cả, thì những cảm giác ấy có ích gì cho ta không? May thay, trí não ta, tạo hóa sanh ra tự nhiên có được cái tính ghi nhớ, dẫu không thèm muốn nhớ. Cái đó, ta gọi là “ký ức”: Ký ức được vững vàng phong phú bao nhiêu, thì đời sống tinh thần của ta được dồi dào ý vị bấy nhiêu: ta sở dĩ hiểu được hiện tại và lo liệu được tương lai, vẫn nhờ nơii tài liệu của cảm giác đã qua mà ta còn khăng khăng nơi lòng. Trí Nhớ mà được dẻo dai, trung thành rất cần thiết cho sự phát triển của Trí Tuệ. Vậy, bước đường kế đó, là phải tập Trí Nhớ cho dẻo dai.
3. Có cảm giác, có trí nhớ, nhưng không biết dùng nó cho trúng thời trúng tiết theo những trường hợp bất ngờ trong đời sống hằng ngày của ta, thì những cảm giác và trí nhớ ấy cũng không ích lợi gì cho ta cả. Phải biết sắp đặt lại những tư tưởng của mình cho có trật tự, nhiên hậu mới có thể suy luận một cách sáng suốt và đích xác được. Có suy luận được một cách sáng suốt và đích xác mới có thể phán đoán không sai sót. Không có Trí Phán Đoán thì không tìm thấy được cái trật tự, cái liên lạc trong mớ tư tưởng hỗn độn của mình. Vậy, thiếu Trí Phán Đoán thì giàu cảm giác, giàu trí nhớ bao nhiêu cũng thành ra vô dụng.

B. “Tinh thần” là gì? Là sự tổng hợp của Tình cảm, Trí tệ và Ý chí.

Lấy tình cảm để làm nguyên động lực cho Trí tuệ, dụng Ý chí để đem Trí tuệ dìu dắt lại Tình cảm… đó là căn bản của sự đào luyện Tinh thần.

Tinh thần cần phải tự do mới được hoàn toàn phát triển đặng. Đành rằng nói đến Tinh thần tự do là đã nói dư tiếng, vì đã gọi là tinh thần thì bản thể nó là tự do rồi. Tinh thần không tự do, không còn gọi là “tinh thần” nữa. Tuy nhiên, tinh thần loài người bị dục vọng mờ ám, làm cho nó mất cả sự tự do hoạt động, nên phải nói đến tự do, tức là giải phóng nó ra khỏi cái vòng hắc ám của Dốt nát và Dục vọng.

Điêu luyện tinh thần, tức là giải thoát Tinh thần. Tinh thần mà bị Dục vọng làm mờ ám, thì tư tưởng phải sai ngoa thiên lệch. Tinh thần được giải thoát, tư tưởng mới sáng suốt đúng đắn. Cho nên điêu luyện tinh thần, mà không giải thoát nó, lại còn đem nó làm tôi tớ cho một khuôn mẫu nào, xiềng trói nó vào một tôn chỉ hay chủ nghĩa nào, là đã đi sai cả tôn chỉ của ta rồi.

Bị giam hãm trong cảnh đói lạnh, lầm than khổ sở mấy muôn đời, trí thức loài người lần lần giải phóng ra khỏi cảnh lù mù của sự Dốt nát và Ich kỷ. Người cổ lỗ, trí tưởng tượng của họ hẹp hòi nô lệ bao nhiêu còn người văn minh ngày nay, trí tuệ của họ rộng rãi tự do bao nhiêu, đủ cho ta thấy rằng “tự

do tinh thần" không phải là một việc an bài của Tạo hóa, mà là một chinh phục cao quí nhất của loài người. Tất cả danh dự con người là nơi đó.

C. Tinh thần tư tưởng con người sở dĩ không đặng tự do, vì 3 nguyên nhân sau này:

1. bị nô lệ lấy những cảm giác ngoại giới nó lôi cuốn tinh thần ta như chiếc ghe không lái, trôi giạt tha hồ theo luồng sóng…;
2. bị nô lệ lấy dục vọng bên trong, làm cho tinh thần ta mờ ám hỗn độn, hành động ta vô tâm như bộ máy;
3. bị nô lệ lấy cái bã của danh từ.

Giải thoát tinh thần tư tưởng là giải thoát nó ra khỏi ba loại xiềng xích nầy vậy.

Giờ, thử bàn rộng ra những ba nguyên nhân đã nói trên:

1. Cảm giác bên ngoài:

Những việc xảy ra chung quanh ta hằng ngày thật hết sức phức tạp. Nó dồn dập như sóng bể, lớp sau theo lớp trước… khiến cho tinh thần ta tản mát đảo điên không khác nào con thuyền trôi chơi vơi trên mặt bể. Thử lấy ngay đời sống hằng ngày của một người mà ta thường gọi là trí thức, ta sẽ thấy rõ ràng sự tản mác tinh thần hơn. Sáng sớm dậy, nếu không phải bị radio nhồi cho một mớ tin tức lặt vặt không đâu, thì lại có báo chí họ cung phụng cho. Rồi đến phiên đi làm… nơi công sở hay hãng buôn để làm cho một công việc như bộ máy, không cần phải dùng đến trí phán đoán gì cả. Đến trưa hay tối về nhà, thì sống cái đời sống bằng phẳng tầm thường của gia đình: vợ chồng, anh em, bè bạn xúm nhau bàn bàn tán tán những cẩu chuyện nhảm… bên Tây bên Tàu, chuyện giặc giả, chuyện nhà người. Khó mà thoát khỏi cái nạn báo chí kích thích bốn phương: kẻ nói nọ, người nói kia, những tin tức không thực, những lý lẽ vụng về, những lập luận hấp tấp… bấu xé đầu óc, làm cho tinh thần mình như chiếc lá khô quây cuồng theo con gió trốt. Tinh thần không tập trung được… cho nên không có cái gì mình nhận thức rõ rệt được, hay suy nghĩ đính chính được.

Sống giữa luồng sóng gió, mà tự mình không có một phương hướng nào nhất định, thì sự nhận thức của mình về mọi vật chung quanh không khác nào một cái bóng phớt ngang tường, không để lại được chút gì là dấu vết cả. Hơn nữa, phần đông con người chỉ biết chiều theo dục vọng để suy nghĩ, chớ không chịu nhọc công tìm hiểu sự vật theo cái thực diện của nó. Một mặt thì bị trôi giạt theo làn sóng của cảm giác bên ngoài; một mặt lại bị sự nung nấu của tình dục bên trong, thảo nào tinh thần ta không như chiêc thuyền bị thả trôi theo dòng nước.

Muốn cho tinh thần khỏi bị lôi cuốn tha hồ theo những cảm giác bên ngoài, ta phải biết "Quan Sát". Có biết quan sát, thì minh fmowis thoát khỏi cái ách hỗn độn của cảm xúc bên ngoài, mình mới làm chủ được nó một cách vững vàng.

2. Trí thức loài người đời xưa, không phải để dùng vào sự Hiểu Biết, mà chỉ để dùng tự vệ, tranh đấu với những nguy hiểm rình rập quanh mình hằng giờ. Hành động của họ chỉ là một phản động như bộ máy, hễ ngộ lấy một cảm xúc nào thì nó tung ra như cái "ruột gà"[3] không suy nghĩ, không dè dặt gì cả. Tinh thần trí não họ như của đứa trẻ thơ, mừng giận thương vui đều phát hiện liền bằng những cử động sát một bên với xúc động. Hay nói một cách khác cho dễ hiểu hơn: giữa cái "cảm xúc" và "cử động" không có cái gì chen ngăn cả. Hễ giận thì thét, thích thì cười, thuận thì sướng, nghịch thì khổ. Lần lần, trí khôn mới phát hiện ra, chen ngăn giữa "cảm xúc" và "cử động". Bấy giờ con người thông

minh, biết lấy Ý chí mà "cưỡng lại sự phản động quá vội vàng" kia lại, nghĩa là sau khi "cảm xúc", thay vì "cử động" liền, họ biết suy nghĩ cân nhắc lợi hại rồi mới "hành động". Đó là bắt đầu phát sanh ra sự "suy nghĩ", trí khôn ngoan biết tư tưởng.

Tuy nhiên, cái gốc "hung hăng" của ông cha ta, đã di truyền lại cho ta tự mấy ngàn đời, ẩn núp nơi đáy lòng, là một mối tai hại, làm cho sự giải phóng tinh thần rất khó khăn hết sức. Tiếp theo, là cái tính tự đắc điên cuồng… Người cổ lỗ sợ chê thích khen: dư luận đối với họ có một thế lực phi thường. Sỡ dĩ họ dám hy sinh cả đời sống họ, chịu lắm sự khổ cực mà không nao lòng, chỉ vì một cái tính "hiếu danh". Than ôi! Đó là tình trạng trí thức của người cổ lỗ, sống toàn trong thiên tính, thế nhưng, người bây giờ phần đông tự gọi là văn minh tiến bộ hơn nhiều, trong cách hành động suy nghĩ hằng ngày cũng đâu có xa cho mấy. Người bây giờ, suy được cái vỏ ngoài là văn minh, nhưng thật sự bên trong hãy còn mang lấy cái di tính của người bản khai: thích khen sợ chê, tự đắc, hiếu danh… ai ai cũng muốn thiên hạ phục mình, nên không chịu nhọc công suy nghĩ chính đính chi cho mất thời giờ, họ thích hoạt động mau lẹ, quyết đoán một cách cẩu thả. Sự phản động của họ đối với những kích động của ngoại giới rất lẹ như bộ máy, không có chút dấu vết gì là tư tưởng cả. Lý luận của họ là lối lý luận của tình cảm, của dục vọng. Lại nữa, đầu óc bạc nhược, không đủ sức tập trung tư tưởng vào một vấn đề nào cho ráo riết, họ để tha hồ bên trong dục vọng làm chủ, bên ngoài giác cảm lôi cuốn, tinh thần bị rời rạt, đảo điên như ngọn đền chon dưới gió.

Trái lại, kẻ biết tự chủ lấy tình dục bên trong, giác cảm bên ngoài, là kẻ biết vận dụng tư tưởng để vào một việc gì mà không xao lãng.

Napoléon là tiêu biểu hạng người này, De Pradt nói đến ông như vầy: "Trong khi ông chú ý vào một việc nào, thì ngoài việc ấy, ông không còn biết có cái gì khác nữa: chính là một cuộc săn đuổi mà không còn có cái chi đổi hướng được nữa…" "Trong lúc ông đang làm bộ Dân luật (Code civil), những tin may mắn hoặc rủi ro của trận giặc Égypte đưa đến cho ông hằng ngày, cũng không làm cho ông xao lãng ra ngoài công việc ông đang làm…Sức chú ý của ông thật là bền vững, mãnh liệt hết sức". Nước ta, có Phạm Ngũ Lão, trong khi ông ấy đang suy nghĩ về một vấn đề gì, ông không hay có đạo binh của Hưng đạo vương đi qua, đến có tên lính cầm giáo đâm vào đùi mà ông cũng không để ý tới…Câu chuyện có không chẳng rõ, nhưng ý vị của câu chuyện thật hay: những bực vĩ nhân sở dĩ khác người là chỗ đó. Théodule Ribot nói: "Sỡ dĩ có thể phân biệt được trình độ tiến hóa của loài thú và loài người là nhờ căn cứ nơi sự Chú ý…" "Chú ý là khí cụ duy nhứt để giải thoát tinh thần vậy."

3. Danh từ là cái dấu hiệu con người bày ra, để trao đổi ý kiến với nhau. Cái hay của nó không biết nói sao là cùng: nhờ nó ta giải thoái được sự hỗn độn của nội tâm, vừa lại giải thoát được sự loạn tạp của ngoại cảnh. Danh từ mà được rõ ràng tinh tế chừng nào, là bằng cứ con người được tiến bộ chừng nấy. Bởi thế, Jules Payot nói: "Tư tưởng và Lợi nói, là một sự giải phóng". Thiếu danh từ, tư tưởng con người sẽ hoang mang mờ tỏ: không ai có thể hiểu mình, mà mình cũng không thể hiểu ai, cùng nhau sống chung mà không khác nào một mình lẻ loi trong chốn rừng sâu, giữa loài hoa cỏ. Trí thức con người như bị chôn chặt trong vòng tăm tối.

Tuy nhiên, đã có hay thì cũng phải có dở. Nếu danh từ giúp cho tinh thần ta giải thoát ra khỏi cái vòng hỗn độn của nội giới, cái loạn tạp của ngoại cảnh, có khi nó cũng nô lệ tinh thần ta lại một cách gắt gao nếu ta để cho nó hội hợp với tánh lười biếng, kiêu căng và hung dữ của ta. Thật vậy, phải chi tiếng nói của ta không biểu diễn được một cách rõ ràng sự vật, cũng không hại gì mấy. Trái lại, có khi nó phản cái sứ mạng nó đi: có nhiều tiếng, nếu đọc lên nghe kêu vang như sấm nổ, mà thực sự thì trống rỗng như cái thùng không. Người ta dùng nó không đúng với cái nghĩa của nó. Có khi vì muốn lừa gạt, nhồi sọ kẻ khác, người ta đem nó dùng vào những chỗ không nên dùng, làm cho con người suy nghĩ sai

hẳn với sự thật. Hơn nữa, quen suy nghĩ theo danh từ ấy muốn ám chỉ nữa. Có nhiều kẻ dùng toàn lời là lời, tuyệt không có hàm một ý tứ nào là đúng đắn cả. Tôi thấy có nhiều nhà văn, viết báo viết sách, bàn đến Tự Do, Bình Đẳng, Giáo Dục, Chân Lý, v.v…, nhưng chính họ không biết rõ thế nào là Tự Do, Bình Đẳng, Giáo Dục, Chân Lý… Cũng như có lắm nhà thi sĩ (!) tả những cảnh "tuyết rơi mai rụng", mà chính họ từ nhỏ đến lớn chưa từng thấy tuyết ra thế nào cả… Cách giáo dục ở nhà trường, cốt sao cho học sinh học cho được nhiều sách mà không thiết gì đến sự thật, đào tạo cho chúng ta ngày nay một lũ người "ngụy trí thức" (esprits faux), "bác học nửa mùa" (demi-savants) rất tai hại cho xã hội ngày nay không biết bao nhiêu mà kể. Chữ nghĩa của bọn nầy thì nhiều lắm, họ biết đủ thứ…nhưng chỉ để mà nói, mà viết… chớ dùng vào những việc thực tế trong đời, họ là bọn người không dùng vào đâu được cả. Bọn nầy, nếu chính phủ không dùng, thì họ không còn biết cách nào xoay trở mà sống được cả: họ không nuôi sống nổi họ bằng một anh thợ máy. Thế là họ đâm ra làm cách mạng: bất kỳ là chủ nghĩa xã hội quá khích nào đều được họ làm tên lính tiền phong trung thành và nhiệt liệt hơn hết. Chính hạng người này là lũ người đem những chủ nghĩa không tưởng rỗng tuếch về xã hội, dắt dẫn quần chúng vào những cái hố sâu không đáy của sự lầm than, của chiến tranh và trộm cướp. Danh từ mà dùng không đúng với sự thật của nó, Leibnitz gọi là "danh từ rơm" (la paille des mots)[4]. J. Payot gọi nó là "giấy bạc giả", chỉ có hình sắc mà không có thực giá. Ông lại nói: "Nguy hiểm thay cho những xứ dân quyền, chỗ mà thiên hạ đều lấy cái tài miệng lưỡi làm cái phẩm giá duy nhứt của nhà dẫn đạo, chỗ mà ai ai cũng tin tưởng rằng "với ba tấc lưỡi khôn khéo, có thể xoay chuyển cả cuộc diện của xã hội như chơi". Người ta, thay vì dùng lời nói để khêu gợi tư tưởng, họ dùng để khêu gợi dục vọng và nịnh nọt dân chúng. "Dân chúng họ thích những lời nói rườm rà, kích thích tình cảm hơn là tìm sự thật trong đó. Vì thế, những nhà chánh trị, những nhà làm báo hay dùng những danh từ trống rỗng mà kêu to để kích thích dục vọng của quần chúng một cách rất hiệu quả. Họ có kể gì đến tinh thần của quần chúng, họ chỉ làm sao thỏa được lòng tham muốn của họ thôi và lấy quần chúng làm nấc thang để đưa họ lên địa vị cao sang quyền quí của họ ao ước là đủ rồi."[5]

Danh từ, không phải tự nhiên thuộc về khách quan. Hồi nguyên thủy, người ta dùng lời nói để "ra lệnh", "dọa hẩm", hoặc để tự vệ hay than thở, cầu xin… Bởi vậy, danh từ ban sơ thuần thuộc về chủ quan, thuần nhuộm màu của dục vọng. Về sau, lần lần Lý trí nẩy nở, những danh từ ấy được cởi bớt lần cái màu chủ quan đi, biến thành những danh từ khách quan. Đó là con đường tiến hóa của nhân loại vậy.

Ngày nay, thay vì dùng tiếng nói để chỉ sự thật của mỗi sự mỗi vật, người ta thay đổi xác thể của nó đi: họ đem nó hòa lẫn với quyền lợi, với tính tự đắc, lòng yếm ố cùng thiên kiến… Té ra, danh từ ngày nay lại thối về nguồn gốc của nó tự ngàn xưa: tư tưởng con người cũng theo cái chiều đó mà thối hóa.

Đó là tư cách rất trái ngược với tư cách nhà khoa học chân chính. Nhà khoa học ức chế cả sự ưa thích riêng của mình, không bao giờ chịu dùng đến lý luận của dục vọng (logique passionnelle), rất nhẫn nại dò xét sự thật một cách chu đáo, tìm đủ bằng cớ rồi mới chịu tin, nhất là không bao giờ vội vàng trong sự phán đoán. Trái lại, các nhà làm báo, các nhà chính trị, những bọn mị dân chủ nghĩa… họ làm cho danh từ biến thể, cốt dùng lời nói để lôi cuốn, phấn khởi quần chúng (passionner la foule), đào tạo những hạng người hung hăng đầy dục vọng để làm tay sai cho họ.

Vậy, ta cần phải biết suy nghĩ lấy một mình, biết "làm thinh" khi nào không biết và nhứt là phải coi chừng đừng để bị lôi cuốn theo những danh từ "hổ đầu xà vĩ" "to vóc mà trống ruột", nghĩa là "biết xem sự hùng biện như một sự thiếu lễ đối với kẻ nghe nó". Tại sao dùng sự hùng biện là thiếu lễ đối với kẻ nghe mình? J.Payot trả lời: "Hùng biện là cốt làm cho đê mê óc phê bình đi. Dùng sự hùng biện để dẫn dụ người nào, là tỏ ra mình khinh khi người đó đến bực."[6]

Tóm lại, muốn tư tưởng cho đúng, phải có một tinh thần độc lập, tự do. Muốn có được một tinh thần độc lập và tự do, phải giải phóng cho nó ra khỏi ba cái xiềng xích đã nói trên, là

1. Những cảm giác hoang mang loạn tạp bên ngoài;
2. Những dục vọng hỗn độn bên trong;
3. Những danh từ "hữu danh vô thực".

Giải phóng tinh thần khỏi bị lôi cuốn theo những cảm giác lung tung bên ngoài, chính là cách làm cho sự hỗn độn ấy thành ra trật tự: lượt bỏ những cảm giác vô ích và đem cái phụ mà tùng cái chánh. Đem cái hỗn độn về trật tự, là công phu của quan sát, sẽ bàn ở chương sau.

Chương II. THUẬT QUAN SÁT

Tập quan sát là mở cửa cho con đường tiến hóa của tri thức. Vì nhờ nó mà ta làm chủ được những cảm giác ngoại giới không để nó lôi cuốn ta và làm hỗn độn tinh thần trí não ta.

Ta hãy tập tánh đừng ỷ lại vào ai cả, bất kỳ là sách vở hay kinh điển nào. Phải bổn thân xem xét và hiểu biết sự vật bằng những giác quan và óc suy nghiệm của mình thôi. Tinh thần mình có tiêu được cùng không cũng gốc nơi đó. Nhờ vậy, mình mới có được lòng tự tin, quả quyết và ảnh hưởng lây đến kẻ khác được. Bất kỳ là trong giới nào: chính trị, văn chương, nghệ thuật, khoa học hay thương mại… chỉ có những kẻ nào biết quan sát, và suy nghĩ đúng đắn là đứng trên hết mà thôi.

Mỗi vật, đối với sự kích động các vật khác chung quanh nó, đều có một lối phản động riêng. Như loại kim gặp nóng thì mềm, loại nước gặp lửa thì lên hơi… Đó là cách phản động của mỗi vật đối với những mối kích động chung quanh: hễ yếu thì bị mạnh lấn một cách chắc chắn.

Nhưng mà, ta không phải giống hẳn như một thể. Ta không phải loài vật vô tri vô giác: ta sống, ta cảm, ta suy nghĩ. Ta có thể thoát ra khỏi được cái quyền chi phối của sự vật. Ta thắng được ngoại vật và làm chủ muôn loài. Nhờ giác quan, ta biết và tránh trước được những họa hại rình rập ta. Cách ta đối phó với sự vật chung quanh, không phải giống như bộ máy nữa, mà là một cách phản động đầy ý thức.

Vả lại, ta không phải sống độc lập: sự sống của ta cùng vạn vật quan hệ liên lạc với nhau rất mật thiết. Vậy, ta phải biết một cách rạch ròi những điều quan hệ chung quanh ta, để cùng sống đừng lỗi nhịp. Nếu bỏ giác quan ra, ta lấy gì cùng nó tiếp xúc? Đừng sống một cách vô tâm, sống như kẻ đui mù điếc lác. “có mắt không biết ngó, có tai không biết nghe”… sống như người phế nhân nữa.

Sự quen thuộc thường làm cho ta không thấy đặng những cái hay đẹp của chỗ ta ở hằng ngày. Kẻ ngoại bang đến xứ ta,thấy biết bao nhiêu là việc lạ mà chính ta không dè. Ta phải phản động ngay với những thái độ tiêu cực ấy: hãy xem xét chung quanh ta với cặp mắt của người xứ lạ. Ta sẽ thấy, đời ta sẽ đổi khác với nhiều tư tưởng mà xưa nay ta chưa từng có.[7]

Thành kiến, cũng làm cho tai ta lãng, mắt ta lờ. Khoa học dạy ta: nước lạnh đặc lại thì bớt thể vóc của nó đi.

Ta tin như vậy, nhưng có mấy ai chịu để ý quan sát tại sao mấy thùng nước đầy bể đi khi nước đặc lại không?

Ta phải để cho trí thức ta bao giờ cũng tỉnh mỉnh. Đừng để cho những thành kiến, những thói quen ấy làm cho đê mê.

Chẳng phải tập cho giác quan ta luôn luôn tỉnh táo mà thôi, ta cần phải làm cho nó biết khao khát sự nhận thức mới đặng.

Biết quan sát tức là biết cật vấn, bất kỳ đối với người hay vật. Đừng để trong trí rằng dưới đời không còn có gì mới lạ cả, và cái chi gọi là mới lạ, đều đã có nói rồi, không cần phải quan sát thêm làm gì nữa…

Không! Bất kỳ là sự gì, vật gì đối với ta, phải là một sự vật mới lạ để nghiên cứu, để học hỏi.

Người ta phần nhiều sở dĩ không thể quan sát được là tại, hoặc vì tinh thần quá tản mát đó đây, hoặc vì quá tập trung vào một ý tưởng nhứt định.

1. Tinh thần tản mát

Ấy là cái khuyết điểm của trẻ con, của thanh niên và những người nhạy cảm. Họ tò mò lắm, cái gì cũng xem, cái gì cũng ngó, nhưng mà sự chú ý của họ rất dao động, rất nông nổi, chỉ có phớt qua sự vật thôi, như con bướm lượn trên các đoá hoa… Quá tò mò, mãi đi tìm cái lạ, thế mà cặp mắt không chịu đi sâu vào một vật nào cả. Mấy người ấy họ đi trong con đường đời cũng như đi qua một đám sương mù. Họ có thể là người đã từng du lịch cùng năm châu bốn bể nhưng chỉ nhớ được có những chuyện không đâu, mờ mờ tỏ tỏ.

Không phải họ là kẻ mơ màng ủ rủ đâu, có khi họ đứng suốt giờ xem một cuộc ẩu đả ngoài đường, nhưng một khi đã xem rồi, họ không còn nhớ rõ cái gì nữa cả.

Ở cao đẳng học viện Genève, có một cái cửa sổ lớn, ngang nhà người gác cửa. Chỗ ấy, sinh viên hàng ngày qua qua lại lại không biết mấy chục lần. Ngày kia ông Claparède muốn thí nghiệm óc quan sát của học trò, bèn mở cuộc chất vấn các anh ấy về cái cửa sổ đó. Một phần đông quả quyết rằng cái cửa sổ ấy không có. Chỉ có một phần ít nói có thôi. Mà phần ấy là bao nhiêu? Cả thảy là 54 cậu sinh viên, mà hết 44 cậu không thấy có. Gần cửa sổ ấy lại là chỗ dán các tờ yết thị của nhà trường[8] nữa.

2. Chú ý thái quá

Trái lại, nhiều kẻ vì quá mê say hoặc quá chuyên chú vào một lo nghĩ gì, nên sống trong đời như người mù quáng. Ngoài ý nghĩ của họ đang đeo đuổi, họ không nghe thấy gì cả. Ấy là cái khuyết điểm của người già, của kẻ si tình, nhiệt vọng, của kẻ nhà nghề quá chuyên môn, của những người quá thiên vị chức vụ. Anh tình nhân chỉ thấy có người mình thương. Người thích sưu tập đi đâu chỉ thu có những đồ họ thích sưu tập. Người làm tiền bất kỳ ở trường hợp nào cũng chỉ thấy có cách làm tiền. Còn người thầy thuốc thì thấy cái chi cũng là bệnh cả… Người ta thường thuật những cái đãng trí lạ lùng của nhiều ông thông thái, đi ngoài đường không thèm ngó đến chiếc xe hơi đang chạy vào mình họ.

Thái quá như bất cập, cũng đều không nên bắt chước. Thật là nhà thông thái, phải biết để tinh thần tiếp xúc với toàn thể sự sống. Người thông thái là người biết hơn ai tất cả rằng trong đời thảy đều chằng chịt với nhau một cách rất mật thiết, và, lắm khi những điều họ phát minh ra được, chính là do nơi một sự quan sát không ăn chịu gì đến cái điều họ đang đeo đuổi nghiên cứu kia.

Phải mở rộng giác quan, cho rộng đường nhận thức.

A. LỢI ÍCH CỦA QUAN SÁT

Những kẻ sống như đui như điếc, thật là nhiều. Những kẻ sống hẫng hờ đối với những việc quan trọng đến đời sống của mình, cũng thật là nhiều. Họ không quan sát cái gì cả. Gặp phải việc bất đắc dĩ phải ngó thì ngó vậy thôi, rồi thì tinh thần trí não họ, lẳng lặng trôi xui đi vào cõi không không… Đời sống họ là một đời sống không hoạt động. Họ chỉ sống trong mộng, gặp phải thực sự thì họ bị thất bại ngay.

Trái lại, những kẻ biết điêu luyện giác quan, tập quan sát, chuyện gì quan hệ đến đời sống của họ hay của người, họ cũng ham để ý nghiên cứu cho tới nơi tới chốn, thì hành động họ dễ dàng và nếu rủi có thất bại, thì thất bại ấy là bài học thêm của họ. Quan sát giúp họ thấy được những chỗ liên lạc quan hệ, những chỗ đồng, dị trong các sự vật, mà xưa nay họ không nhận thấy được.

Chỉ vì thiếu quan sát, hay quan sát sơ sót, vụng về mà sự suy nghĩ phán đoán của ta phải sai lầm, gây cho ta biết bao điều hối hận. Có nhiều người ngoại quốc đến xứ ta, không phân biệt được người Nam và người Bắc. Thật sự, họ khác nhau xa, cả vật chất lẫn tinh thần. Người Trung Hoa cũng có nhiều người giống người Trung Hoa, người Pháp cũng có nhiều người giống người Pháp. Người Quảng Đông không giống người Phúc Kiến, Bắc Kinh.

Người Việt miền Nam với người Việt ở miền Bắc cũng như con một nhà, thế mà mỗi người một vẻ. Người ta ở đời thường hay lấy chung mà phê phán lắm. Họ hay "vơ đũa cả nắm", không hay rằng sự vật phân phiền, ở đời không bao giờ có được "2 hột cát giống nhau nơi bãi sa mạc". Nếu họ chịu chú ý quan sát kỹ càng một chút, họ sẽ có nhiều cái phán đoán đúng với sự thật hơn. Đứng về mặt thực dụng, cũng như đứng về mặt lý thuyết, có được những suy nghĩ phán đoán đúng thì còn gì khẩn yếu hơn? Nhà trí thức mà thiếu óc thực dụng là tại họ chỉ dùng đến sách vở mà không chịu trực tiếp với thật sự bằng quan sát.

Khoa học: Quan sát đối với khoa học thật là quan trọng vô cùng. Phần nhiều, những phát minh về khoa học đều nhờ quan sát mà ra. Denis Papin, nấu nước thấy khói bưng nấp lên rất mạnh đến đỗi ông ta không còn làm cách nào giữ nó lại nổi. Nhân đó ông tìm ra nguyên tắc của máy hơi nước. Ta không thể kể ra hết những gương quan sát như thế, tưởng chừng như không còn ai là không biết.

Mỹ thuật: Bất kỳ là nhà mỹ thuật của Á Đông hay của Âu Tây đều phải là nhà quan sát tinh tế. Người ta thường tưởng lầm rằng các họa sĩ Á Đông vẽ không cần đến sự thật, nên không cần quan sát. Nói như thế là không rõ mỹ thuật của Á Đông chút nào vậy. Tuy nét vẽ của nhà họa sĩ Á Đông không tỉ mỉ như nét vẽ của nhà họa sĩ Âu Tây, nhưng không bao giờ tưởng tượng mà vẽ bao giờ. Tuy là một nét vẽ đơn sơ, nhưng là kết tinh của nhiều công phu quan sát mà đúc nên. Nhà họa sĩ Nhật Foujita cắt nghĩa công phu của một bức tranh "Đêm trăng nơi rừng trúc" cho tôi nghe như vầy: "Ngài có biết nhà họa sĩ tạo bức tranh này tốn bao nhiêu công phu trong đó không? Ba năm trường, hễ đến đêm trăng là họa sĩ ra rừng trúc ngồi thiền định, đem cả tinh thần ý chí thâu cả bức tranh thiên nhiên vào trong tâm trí. Đến khi nội tâm cùng ngoại cảnh hòa hiệp làm một rồi, tinh thần diêu động lên, liền chấp bút phóng ra như thế. Suốt đời họa sĩ chỉ không bao giờ vẽ lại một bức thứ hai."

Còn nói gì nhà họa sĩ Âu Tây. Đối với họ, quan sát là cả sự sống của nghệ thuật họ.

Người viết tiểu sử nhà họa sĩ Whistler thuật rằng:"Tôi không bao giờ quên được bài học quan sát của ông cho tôi một buổi chiều kia. Chúng tôi đi dọc theo nhà thương Chelsca. Đột nhiên, ông ngừng lại và chỉ cho tôi xem đàng xa một nhóm nhà và một cái quán cũ yến sáng giọi ra khung cửa sổ nhấp

nhem trong đám sương chiều. Ông bảo: “Kìa, cảnh đẹp làm sao!”

Ông không có đem theo giấy bút gì cả nên tôi lấy bút giấy của tôi đưa ông. Ông xua tay bảo:”Không không, để yên đấy.” Ngắm một hồi lâu,ông bèn xoay lưng đi luôn không ngó lại nữa. Ông nói với tôi: “Bây giờ ta hãy ôn lại cái bài vừa mới học thử xem.” Rồi cũng như trả lời bài thuộc lòng, ông tả cái cảnh ông vừa mới ngắm đó. Đi một khoảng xa, một cảnh khác rất đẹp hiện lên. Tôi nói: “Kìa, thêm một cảnh đẹp nữa!” Ông nói: “Không, không! Đừng bao giờ hai cảnh một lượt!” Ít ngày sau, trong họa thất của ông, tôi thấy thêm được một bức tranh tuyệt đẹp của cái cảnh mà chúng tôi đã được ngắm buổi chiều hôm nọ.”

Rembrandt[9] đến năm 24 tuổi, chưa vẽ thuộc lòng được. Ông bền chí kiên gan luyện tập hằng ngày: đến sau, ngắm những bức tranh của ông, người ta không phân biệt được cái nào ông vẽ thuộc lòng, cái nào ông vẽ có kiểu trước mặt.

Nghề nghiệp: Làm nghề gì bất kỳ, nghề thầy thuốc, nghề kỹ sư, nghề giáo sư, nghề luật sư, nghề thợ máy, nghề buôn bán… đều phải lấy Quan Sát làm căn bản.

Nghề thầy thuốc cần phải quan sát cho lẹ làng và chắc chắn để quyết định, không khác nào nhà cầm binh ra trận mạc. Sơ sót một chút, có thể giết mạng người trong nháy mắt.

Các nghề khác, quan sát có thể dần dà, nhưng cũng không thể thiếu được, vì đối với ông kỹ sư một quan sát sơ sài cẩu thả, lắm khi gây ra tai nạn ghê gớm cho cả nhân dân một thành cũng không chừng. Thậm chí, một bà nội trợ mà thiếu quan sát, thử hỏi bà sẽ làm hại cho gia đình bà bao nhiêu? Công việc trị gia không khác nào công việc ở ngoài công sở: Con mắt không tinh, con đòi thằng ở sẽ lường hết cơm tiền.

Có một bà kia đi vô nhà hàng mua một cái áo thêu. Người bán hàng đưa ra đồ rẻ tiền. Bà xem rồi bỏ đi không chịu. Người bán để ý quan sát thấy bà không biết phân biệt thứ nào thêu bằng tay với thứ nào thêu bằng máy, mới đem ra một bó khác cũng vậy, nhưng hễ mỗi lần mở ra, là mỗi lần người ấy lên giá. Người bán thấy rằng hễ giá càng lên cao thì bà nọ càng vừa ý hơn. Rốt lại, bà nọ mua một cái, giá 80 quan, một thứ với cái ban đầu người bán hàng chỉ thách có 15 quan thôi. Đó là vì không biết quan sát, mà bà nầy bị lường 65 quan một cách vô lối vậy.

B. QUAN SÁT LÀ LỰA CHỌN

Bác sĩ Toulouse nói: “Quan sát là lựa chọn.”

Đúng như thế. Trong mớ cảm giác hỗn tạp của ta, ta cần phải kiểm tra lại, lượt bỏ những cái nào không quan hệ đến vấn đề ta đang đeo đuổi, và phải biết chọn lựa cái nào chánh cái nào phụ mà dùng. Tỉ như ta đang cầm tay bánh xe hơi đi trên một con đường chật. Những giác quan của ta bấy giờ chỉ đưa lại cho ta những cảm giác nào có ích cho ta trong sự điều khiển chiếc xe, ngoài ra đều bị loại ra khỏi trí thức. Có khi ta gặp người quen chào ta, mà ta đâu có thấy. Một cách hữu tâm, ta chỉ chọn lựa những cái chi cần yếu cho ta thôi. Ta chỉ để ý đến cái thắng xe, cái còi xe, tay bánh, và coi chừng những trở ngại trước đầu xe. Tai ta chỉ lóng nghe tiếng còi xe khác có thể trong góc đường đi ra, mắt ta chỉ trông chừng những người đi đường có bỏ lề mà đi càn ra giữa lộ chăng… Những cảm giác khác, ta bỏ cả ra ngoài. Nhà họa sĩ, cũng thế. Họ bỏ cả những cảm giác do lỗ tai họ đưa lại, và chỉ chú ý về những cảm giác của con mắt thôi: nào là đường thẳng, đường cong, hình tròn, hình méo hoặc màu sắc đậm lợt v.v… Đến như về phần làm việc bằng trí thức, như viết một bài báo hay một quyển sách nào, người ta có thể thu cả tinh thần vô công việc đang làm, sự hoạt động về giác quan đều ngưng lại. Cũng như khi ta đang đeo đuổi theo một ý nghĩ nào, chung quanh ta bấy giờ đối với ta dường như không có gì cả. Càng chăm chú vào một công việc gì, người ta lại càng không để tâm đến những cảm xúc của giác quan.

Quan sát, tức là biết lựa chọn những cảm giác nào có ích cho ta, những cái vô ích đều phải biết bỏ ra ngoài vòng của trí thức. Nếu bất kỳ cảm giác nào cũng nhận thức cả, thì chỉ làm cho tâm trí ta càng thêm hỗn độn mịt mờ.

Trong đời sống hàng ngày, biết bao cảm giác không có ích cho ta, đều bị loại ra khỏi trí thức, nhưng được giữ lại tiềm thức. Nếu có thời giờ, ta cũng nên học âm nhạc để tập giác quan của lỗ tai, học vẽ để tập giác quan của đôi mắt. Mỗi một giác quan mà được tinh sắc thêm lên là một điều kiện tăng tiến trí lực. Sự giáo dục giác quan và giáo dục trí thức phải cùng đi chung với nhau luôn mới đặng.

C. GIÁC CẢM VÀ TÌNH CẢM

Những giác cảm do sự nhận thức các sự vật chung quanh ta, không phải chỉ toàn là những kích động vật chất mà thôi: một buổi chiều trời vừng ác lặn, mặt hồ phản ảnh bóng trăng trong hoặc đám sương mù bên sườn núi, ngọn gió mát thổi bên mình… ảnh hưởng, khêu gợi tâm hồn ta một mối tình. Một lời nói vô tình của cha, thầy có thể làm cho ta rủn chí ngã lòng; một gương xấu cũng có thể làm cho ta sa ngã; một lời hay gợi cho ta biết bao sức mạnh cho tinh thần. Biết đâu, đọc mấy hàng nầy, nếu bạn nghiền ngẫm cho sâu xa, có thể thay đổi cả cuộc đời bạn, hoặc bây giờ, hoặc trong một thời gian sau nầy bạn mới ngụ ý đến, cũng không chừng. Vậy, trong các giác cảm, ta phải khéo lọc lừa, chọn lấy những cái nào giúp ích được cho ta theo chỗ muốn biết của ta, còn thì, hãy lượt bỏ đi tất cả. Đừng để cho những cảm giác vô ích, không trật tự làm hỗn độn đầu óc của ta, vì nó sẽ làm cho ta không thấy gì là sáng suốt được cả.

Muốn tuyển chọn trong mớ giác cảm lung tung những thứ cần dùng cho bạn, trước hết phải hiểu nó cho thật rành.

D. ĐẲNG CẤP CỦA CÁC GIÁC QUAN

Đành rằng, tất cả các giác quan đều công cộng giúp cho sự phát triển tinh thần trí thức, nhưng công dụng của mỗi giác quan không phải là đồng nhau.

Như giác quan của lưỡi và mũi, giới hạn nó có ngăn và rất hẹp, lại hay lẫn lộn với nhau. Ta thường nói: "Món nầy ăn có mùi bông lý". Cái *vị* và cái *khí,* thường hòa lẫn với nhau làm cho ta khó phân biệt. Hai giác quan ấy không có tánh cách độc lập: tỉ như ăn cam hoặc ăn xoài mà uống rượu, thì vị của rượu thấy đã thay đổi rồi. Giác cảm về mùi thơm cũng hay biến đổi nữa. Vậy, ta phải để ý cho kỹ, lo luyện tập hai giác quan này cho tinh hơn mới khỏi có sự lầm lẫn với nhau, đó là chỗ tôi muốn nói: phải hiểu mỗi cảm giác cho thật rành, vì lắm khi chúng nó trà trộn lẫn lộn nhau mà ta không dè, như đã thấy ở trên.

Tập rờ mó, rất có ích. Nó giúp cho phần trí thức ta rất nhiều. Nó giúp ta gần với sự thật nhiều hơn các giác quan khác. Nếu chỉ xem qua mà không rờ mó đến, sự biết của ta còn thiếu sót rất nhiều về phần tinh vi. Phải tập rờ mó, tập bàn tay của ta cho lanh lẹ, hoạt bát như tập trí não ta vậy. Làm việc bằng tay, người ta cho là cách làm việc bằng óc đó, vì chỗ quan hệ của nó đối với não cân rất mật thiết. Người mù, họ dùng sự rờ mó, mà biết được sự vật một cách tinh vi, lắm khi kẻ có mắt không bằng. Tập luyện giác quan của bàn tay, rất cần thiết cho sự giải phóng tinh thần trí thức. Bàn tay, là não cân thứ hai.[10]

Kế bàn tay, là con mắt và lỗ tai. Không cần nói, các bạn cũng đủ hiểu nó quan hệ cho sự hiểu biết của ta về ngoại giới như thế nào rồi. Nhờ nó, ta đi vào được tới cõi siêu việt của tinh thần, là nghệ thuật.

E. ĐIÊU LUYỆN GIÁC QUAN

Theo lẽ, thì ta nên luyện tập chung các giác quan, vì như khi ta muốn hồi tưởng lại một cuộc du lịch nào, ta nhớ tất cả những cảm giác của hết thảy các giác quan: nào những điều ta thấy, nghe, ngửi, đụng… Nhưng, về phần thực tế, ta cần phải điêu luyện riêng từng giác quan mới đặng. Điêu luyện riêng từng giác quan là phương pháp nền tảng của Trí dục.

Nếu rủi, một trong các giác quan thiếu sót, thì những giác quan khác lại được nhạy cảm thêm lên.

Bà Laura Bridgman đã câm, điếc và đui, trái lại, xúc giác của bà rất tinh đến có thể nhận biết, cách một năm, một bàn tay mà bà đã có dịp nắm đến một lần. Bà Julia Brace, cũng một bệnh như bà Laura, nhưng có thể với khứu giác đặc biệt của bà, chỉ ngửi mùi áo đã giặt rồi, bà biết phân biệt là của người nào trong cả trăm người cùng ở chung một bệnh viện với bà.

Trong đời sống hằng ngày cũng vậy: cũng có giác quan nầy thay vào cho giác quan kia. Nhưng, theo lệ chung, thì những giác quan đều tương trợ nhau. Thử lấy một cắc bạc mà mình ngờ là giả ra quan sát. Nếu với con mắt, ta không nhận ra được sự giả mạo, bấy giờ ta dùng đến lỗ tai. Ta dằn nó, để so sánh với tiếng bạc thiệt mà trước kia ta đã có nghe rồi. Nhưng không phải vì thế, mà những giác quan đều cần phải điêu luyện một lượt ngang bằng nhau. Nguyên tắc có thể gồm trong câu nầy: “Điêu luyện thì điêu luyện riêng ra từng bộ; mà dùng thì dùng chung một lượt.”

F. PHƯƠNG PHÁP QUAN SÁT

Quan sát cần phải có phương pháp, có nguyên tắc.

Sau đây, bàn qua những nguyên tắc để quan sát cho có trật tự.

Sự vật trong đời, dẫu phiên phức bực nào cũng có thể phân chia chủng loại nó được cả. Làm thế, tuy giản lược, mất sự tinh vi đi, nhưng rất tiện lợi cho ta có được một tổng quan niệm về sự vật. Cũng như trước khi ta đi vào một xứ nào, một thành nào hay một hội triển lãm nào, ta cần phải xem trước bản họa đồ, biết qua toàn cảnh nó, để nhận biết được lề lối và sự liên lạc nó như thế nào, nhiên hậu mới có thể đi vào nó mà không phải bị bơ vơ vì sự phức tạp của nó. Thấy được toàn cảnh, là để nhận thấy cái "đơn nhất trong cái phức tạp".

Sự vật có thể phân làm 4 loại, đại khái như vầy:

1. Vật thể hay là vật ngoại giới, và những tính chất của nó;
2. Tinh thần và những trạng thái của nó (tư tưởng và tình cảm);
3. Sự giống nhau và khác nhau.
4. Sự tiếp xúc và sự cộng đồng sinh tồn hoặc ngẫu nhiên, hoặc có nguyên nhân (nhân và quả).

Bản phân loại trên nầy giúp ta thấy rõ ràng đại thể các sự vật giữa những luồng xúc động hỗn loạn bên ngoài và bên trong, nhân đấy ta mới có thể phân chia sự quan sát của ta có trật tự đặng.

Giờ, ta hãy xem xét lại từng bộ phận.

1.[11] Vật ngoại giới

Muốn quan sát được tinh vi, không sơ sót, ta cần phải có một phương pháp rạch ròi. Toàn những nhà có tài quan sát đều làm việc có phương pháp hẳn hòi:

Như ta đã thấy trước đây: Quan sát là chọn lựa giác quan con người. Nếu muốn cho nó được linh hoạt đến cực điểm, phải biết cách tăng gia sự nhận thức. W.James nói: "Muốn tăng gia sự nhận thức nào, phải khéo gợi trước cho cái cảm giác ấy, một cách rõ rệt hơn." Chính là cái "ca" của người con gái đợi tình nhân: một tiếng gõ nhẹ nơi cửa sổ, rất nhỏ đến không ai có thể nghe đặng, thế mà cô gái nhận được rất rõ ràng, vì cô đã trụ cả tinh thần cô vào cái tiếng gõ đã hò hẹn trước kia nơi cửa sổ. Cả thảy giác quan cô đều loại hẳn ra ngoái trí thức, cô chỉ đợi nó đến thật mà thôi. Cho nên lỗ tai cô linh thính hơn tất cả các giác quan khác.

Biết cách tăng gia sự nhận thức, rất có lợi cho ta trong những trường hợp nầy:

1. khi nào ta gặp phải những nhận thức rất lẹ;
2. hoặc khi nào ta gặp phải những nhận thức đồng thời, tỉ như: tìm người quen trong đám đông, hoặc tìm một vật nào lộn xộn trong một đống đồ, hoặc phân biệt tiếng nói của người quen trong đám tiếng nói ồn ào…

Ta hãy tưởng tượng cái hình ảnh của người ma ta muốn tìm, rồi sẽ ngó vào đám đông, nếu gặp người ấy, cái hình ảnh trong trí ta và người đó hiệp lại làm một: ta thấy người đó liền. Tìm một vật nào lộn xộn trong một đống đồ cùng một thế. Ví như ta tìm cây viết máy của ta. Ta hãy tưởng tượng thấy trước hình dạng nó một cách cho rõ ràng, rồi ta hãy chú ý nhìn vào đống đó, ta cứ việc bươi móc, đổ lộn mặc tình, hễ cây viết của ta hiện ra, thì cái hình ảnh của nó trong đầu ta liền chụp ngay nó: ta thấy nó liền. Trong khi ấy, ta không thấy gì khác hơn cây viết của ta. W.James gọi "lối nhận thức bằng tưởng tượng" đó là "tiền nhận thức" (préperception). Ông lại nói: "Thường ta chỉ nhận thức được những cái gì ta đã nhận thức trước" "Bởi vậy, muốn cho ta chú ý đến một vật nào và nhận thức được nó một cách đầy đủ, chẳng những vật ấy phải có mặt trước giác quan ta, mà nó cần phải có mặt sẵn trong trí tưởng tượng của ta."

Bất kỳ là ở vào giới nào, về văn chương hay nghệ thuật cũng một thế. Ta cần có những nhà phê bình chân chính họ vạch cho ta thấy những chỗ hay chỗ dở, những cái đặc sắc trong tác phẩm, nhiên hậu ta mới để ý đến những điều mà ta không thấy được. Phương pháp nầy các nhà trinh thám hay dùng,ta gọi là ức thuyết.

Nhân theo những điều ta thấy trên đây, phương pháp quan sát có thể tóm lại trong câu châm ngôn này:

"Xem tất cả một lượt, thì không thấy được cái gì rõ cả", nghĩa là:

"Chỉ làm một việc thôi, và làm cho tới nơi tới chốn."

Dùng Bản đồ:

Đem cái mật pháp trên đây để quan sát, thần diệu nhứt là dùng đến bản đồ.

Quan sát, phải đi từng giác quan một. Phải biết loại ra tất cả các giác quan khác, chỉ dùng một giác quan thôi, và nhứt là khi dùng đến một giác quan nào, phải biết dùng nó cho có trật tự. Trật tự ấy, tự mình đặt ra thành một kỷ luật bất di bất dịch. Rồi thì lâu ngày thành thói quen, hễ quan sát, ta quan sát một cách châu đáo như một cái máy.

Tỉ như dùng đến thính quan để nghe một điệu nhạc. Ta phải tuần tự để ý quan sát:

cái phẩm (qualité), nghĩa là để ý nhận xem sự êm ái, dịu dàng hay gắt gỏng… Rồi để ý đến

cái độ (intensité) của nó; kế

cái lượng (quantité) của nó.

Tập quen như thế, mỗi khi ta nghe một bản nhạc nào, tai ta liền phân biệt rất rõ tiếng trong tiếng đục, tiếng mạnh tiếng yếu, tiếng mau tiếng chậm, tiếng dịu tiếng gắt, tiếng cứng tiếng mềm, mỗi lần ta sẽ nhận được rất tinh.

Bất kỳ là làm một nghề nghiệp nào, ta phải lập sẵn một bản quan sát riêng cho ta. Tỉ như ta làm thầy thuốc. Khi xem bệnh cũng phải biết cách xem xét cho có trật tự. Dưới đây một "bản đồ" mẫu, để làm tỉ dụ:

Bản xem bệnh:

I. Lai lịch: Tên…họ…?
Người xứ nào…?
Làm nghề gì…?
Đàn bà hay đàn ông?
Già hay trẻ?
Giàu hay nghèo?
II. Tiền chứng: (chứng bệnh đã đau lúc trước)
Đau lâu mau?
Đau nhiều ít?
III. Hiện chứng:
1. Lai lịch: Đau hồi nào? Khởi lúc nào?
2. Lúc mới khởi, phát ra như thế nào? Phát lên một cách đột ngột hay phát lên một cách từ từ.
3. Hiện ra những chứng gì?
4. Những trạng chứng biến đổi lúc sơ khơi tới bây giờ như thế nào?
Bệnh tình lúc bây giờ:
1) Bộ tiêu hóa:
Ăn được không?
Lưỡi thế nào?
Xem cổ họng có gì không?
Ăn uống có tiêu hóa không?
Có bợn dạ, buồn mửa không?
Có đau bụng không?
Đi xong thế nào?
Có thường không?
Có bón không?
2) Bộ hô hấp
Thở có khó không?

Có ho không?
Khạc có đàm không?
Án chẩn (palpation)
° phía trước ngực
° phía sau lưng
Thính chẩn
3) Bộ tuần hoàn:
Có hồi hộp không?
Thính chẩn?
Mạch chạy như thế nào?
4) Bộ sinh dục:
Nước tiểu như thế nào? Nhiều ít?
Có chất lòng trắng trứng gà không?
Có chất đường không?
Có hay đi tiểu lúc ban đêm không?
Đàn ông: có bị di tinh, mộng tinh không?
Đàn bà: kinh nguyệt như thế nào?
°Trồi hay sụt?
°Nhiều hay ít?
5) Bộ thần kinh:
Ngủ có yên không?
Ngủ nhiều hay ít? Mệt hay khỏe?
Sau ót có cứng không? v.v…

Ta có thể, mỗi người tùy theo trường hợp, tùy theo nghề nghiệp tạo lấy cho mình một bản đồ kiểu như trên đây để dùng trong sự quan sát hằng ngày về nghề nghiệp của mình. Được thế, thì sự quan sát của ta sẽ được châu đáo, khó lòng bỏ sót được. Những nhà trinh thám đại tài, thoáng qua là thấy được nhiều điều mà con mắt người thường không thể thấy được. Nhờ đâu mà được vậy? Nhờ họ có bản đồ, cách quan sát của họ có qui mô, có phương pháp lắm. Họ không xem xét một cách hỗn độn, vì nếu “xem tất cả, thì không thấy gì ráo”. Họ xem từng phương diện, mỗi phương diện họ xem xét một cách rất châu đáo, nghĩa là họ “chỉ làm một việc thôi, và làm hết sức tận tình”.

Napoléon 1er, ở tại đồn Boulogne, để ý thấy quân lính trong 10 người, hết 7, 8 hay lấy tay rờ sau cổ. Ông hỏi các vị quan võ, thảy đều đồng thanh bảo rằng đó là một việc ngẫu nhiên, vì không có tên lính nào phàn nàn cái chi cả. Mà các tên lính cũng không ai than phiền gì cả. Napoléon không hỏi nữa.

Sáng ngày ông lấy một bộ nhung phục của quân lính bận vào và đi bộ một quãng đường, bấy giờ ông thí nghiệm được cái ức thuyết của ông bữa trước. Trước mặt các võ quan, ông tháo cổ áo quân lính và chỉ cho họ thấy những cái thẹo, sau ót của các tên lính… Các võ quan đều sửng sốt.

Napoléon có khối óc quan sát rất tinh. Binh lính hằng vạn, thế mà thoáng qua, khi ông điểm binh, một cái nút áo thiếu, hay một cái áo gài không kín, bất kỳ là một sơ sót nào ông cũng nhận thấy. Phần đông thấy cách làm việc của ông đều khiếp đảm và thán phục vô cùng, nhưng không ai biết nhờ đâu mà ông có được một tài năng đặc biệt như thế. Chỉ có Roederer là thấy được thôi. Ông ấy nói: “Sở dĩ Napoléon có được một khiếu thông minh hoạt bát như thế là nhờ ông “dẫu đi điểm binh, cũng dùng đến những bản đồ.” Ông dò xét người luôn luôn theo một trật tự bất di bất dịch, tỉ mỉ từ kẻ tóc chân tơ, bởi vậy không có một mảy gì sót được với ông cả. Là một nhà tâm lý rất sành sỏi, ông biết đầu óc ông

cũng như đầu óc của mọi người, nghĩa là “chỉ có thể chăm chú vào một việc thôi” nếu muốn làm công việc ấy một cách có hiệu quả. Cho nên ông dùng đến phương pháp bản đồ. Chỉ thoáng qua là ông thấy đủ tất cả mọi chi tiết.

Nhưng cái mà ta gọi là “ngó thoáng qua” chính là một sự chú ý từng chi tiết, theo một trật tự không thay đổi.

2. Tinh thần hay là nội tâm sinh hoạt

Giờ ta hãy bàn qua giới tinh thần, nghĩa là những trạng thái của ý thức và tình cảm.

Về địa phạn nầy, sự quan sát bắt đầu thấy có sự khó khăn. Phải cần có trí minh mẫn, có tuệ giác mới được. Phải biết phân biệt trên nét mặt người những dấu hiệu của thất tình để rõ tánh tình họ. Ở đời, loại quan sát nầy rất có ích cho mọi người, bất kỳ là ở một địa vị nào.

Ta chớ quá tin người bằng một căn cứ cẩu thả bên ngoài, vì có khi:

Ngoài thì thơn thớt nói cười
Mà trong nham hiểm giết người không dao.

Căn cứ vào gương mặt mà định tánh tình người, thường dễ làm cho ta lầm lạc. Có người gương mặt coi thì hiền hậu dễ thương mà lòng xấu xa đê tiện. Bởi vậy, La Fontaine mới khuyên ta: "Suốt đời, chớ nên xem gương mặt mà phê bình."

Đó là tại mình thiếu quan sát. Thật sự, dẫu là người khôn khéo đến bực nào, cũng không sao thoát khỏi cặp mắt tinh vi của nhà quan sát.

Tuy nhiên, nếu trong lúc quan sát ta đang bị phải một cảm động hay một thành kiến gì, thì sự nhận thức của ta, dẫu là một nhận thức hết sức đơn sơ, sẽ bị mờ ám rối loạn đi. Ta bấy giờ cũng như một người mất búa của Liệt Tử.

"Có người kia làm mất cái búa, nghi cho đứa con người nhà bên xóm lấy. Bấy giờ anh ta trông dáng điệu đứa nhỏ rõ ràng là đứa ăn trộm búa, nhìn từ vẻ mặt, từ hành động, mỗi mỗi cũng rõ là đứa ăn trộm búa. Được vài hôm, người ấy tìm lại đặng cái búa bỏ lộn trong khạp cây… Bấy giờ anh ta trông đứa bé từ vẻ mặt, từ dáng cử động không còn thấy một tí nào là giống đứa ăn trộm búa nữa."

Trong khi quan sát ta cần phải tránh xa định kiến mà hầu hết chúng ta đều vô tình bị nó sai sử.[12]

Nếu biết tránh xa cái nguyên nhân lầm lạc ấy trước đi rồi, thì sau mới có thể quan sát đặng một cách chắc chắn, khỏi sợ sai lầm.

Mỗi bắp thịt trên mặt có thể là tiêu biểu của một loại tình. Ta nên để ý nghiên cứu về khoa Diện-tướng-học[13], một khoa học rất bổ ích cho đời sống hàng ngày của ta. Không có một tình cảm nào mà nhà quan sát sành sõi không nhận được trên nét mặt của kẻ khác.

Tuy vậy, muốn hiểu biết người, trước cần phải hiểu biết mình, nghĩa là trước khi quan sát tình cảm tính tình kẻ khác, phải tập quan sát tình cảm tính tình của ta trước đã. Nhưng, biết mình rất khó. Nội tâm quan sát rất là phiền phức. "Thường ta sống trong *vọng ước* hơn là trong hiện tại. Ta thấy có hiếm kẻ vui đùa trong những cuộc truy hoan xã hội, kỳ thật họ có vui trong hiện tại đó không? Những nét mặt hân hoan, những tiếng cười như pháo nổ chung quanh họ chỉ là cái triệu chứng vui vẻ mà họ *mong đợi* đến cho tâm hồn họ. Kỳ thật, họ đến với xã hội là để cho ra vẻ có hạnh phúc, chớ không phải thật có hạnh phúc".

Sự mong đợi ấy, chính là nguyên nhân của những hành động sai lầm của ta. Anh tự đắc đi đến đâu, cũng tưởng thiên hạ đều chăm chú vào mình, trầm trồ khen ngợi mình. Trái lại, anh đa cảm, nhút nhát, tưởng ai cũng để ý nhạo báng mình. Họ không thể thấy gì ngoài ý nghĩ mà họ mong đợi sẽ đến cho họ. Nghi ngờ người ta sẽ chê bai nhạo báng, thì thấy chung quanh mình toàn là những cử chỉ khinh bạc chế giễu. Tin người ta ai ai cũng kính phục mình, thì thấy chung quanh mình toàn là những cử chỉ sùng bái tôn trọng.

Nội tâm quan sát rất khó, một phần lớn do nơi lòng tự ái của ta. Không có được mấy kẻ biết tự nhận cái lỗi lầm hèn yếu của mình. Mỗi một người của chúng ta đều có một ông luật sư ở trong. Ta viện đủ lý lẽ để chứng minh những việc ta làm là phải cả, dầu là một việc hết sức ngu xuẩn đến một đứa trẻ cũng nhận thấy. Lẽ thì không ai biết ta bằng ta, dầu là bạn thân nhất của ta cũng vậy. Nhưng mà không, tính tự ái của ta nó đến làm cho ta không thấy rõ được cái người của ta nữa.

Chỉ có những kẻ được sống may mắn gần những người bạn chân thật ngay thẳng, nhứt là được có một bà mẹ sáng suốt hiền lành chỉ bảo cho những tánh hư tật xấu của mình, là có thể mong mỏi quan sát được một cách sáng suốt nội tâm của mình thôi. Trước hết mình phải là người hết sức thành thật đối với mình, biêt bỏ bản ngã ra ngoài, và chỉ biết tôn thờ chân lý mà thôi, bấy giờ mới có thể bắt đầu đi vào con đường nội tâm quan sát.

Chỉ có quan sát được tinh vi những tình cảm, những dục vọng của ta, ta mới hiểu biết được tình cảm dục vọng của kẻ khác, vì "bản sắc loài người đều giống nhau" cả. Có trải qua cái đau khổ cay đắng của ái tình mới thấu được nỗi đoạn trường của người chung cuộc:

"Đoạn trường ai có qua cầu mới hay."

Tình cảm và tư tưởng là một thế giới động chuyển không ngớt. Để mắt mà quan sát, nếu muốn tránh sự hỗn độn mù mờ, cần phải dùng đến bản đồ. Tuy bản đồ của một đô thành không phải đủ làm cho ta biết rõ đô thành ấy những ít ra nó giúp ta thấy được phương hướng và lề lối ra vào. Đối với nhà văn hay đối với bất kỳ hạng người nào làm việc bằng trí, "bản đồ" giúp cho sự nhận thức của ta có trật tự, để quan sát và đỡ cho tinh thần ta khỏi phải hao tổn nhọc mệt nhiều. Về phương diện "làm việc bằng trí", cần phải tiện tặng từng chút tinh lực mới đặng. Vậy "bản đồ" tuy có vụng về cho mấy, cũng đỡ được ít nhiều cho tinh thần; miễn là khi dùng nó, ta đừng quên cái công dụng hạn định của nó.

Dưới đây là một bản đồ về Tình cảm, dùng để làm kiểu:

Tình cảm vị kỷ:
A. Thuộc về thân thể: – doanh dưỡng (tiêu hóa, hô hấp, vận chuyển v.v…)
tiếp ngoại sinh hoạt (relation)
tính dục(sexuel)
B. Thuộc về tinh thần: – tình cảm (ái kỷ, danh dự, tự trọng, v.v…)
trí tuệ (tính ham hiểu biết)
ý chí (tính thích tự do, ham quyền thế, v.v…)
Tình cảm vị tha:
Nguyên nhân chung của tất cả những tình cảm vị tha, là sự giao cảm.
Tìm sự quan hệ giữa tình cảm ta với:
Gia đình: (cha mẹ, ông bà, cô cậu, anh em, v.v.)
Loài vật:
Quê hương: (tiểu quê hương và đại quê hương).
Ái tình:
Bằng hữu:
Tình cảm vô kỷ:
Thiện (Bien):

Công bình
Bác ái
Mỹ (Beau):
a) Thiên nhiên
b) Nghệ thuật (âm nhạc, hội họa, kiến trúc, điêu khắc, khiêu vũ)
Chân (Vrai):
a) Khoa học
Triết học
b) Bất khả tri luận (inconnaissable)

Chỗ ích lợi của những bản đồ kiểu trên đây, là giúp cho ta quan niệm một cách rất trật tự và mau lẹ. Đối với cái bản đồ tình cảm trên đây, J.Payot nói: "Với thói quen, trí não tôi "làm việc như một cái máy". Bất kỳ là tôi nghe hoặc đọc đến những danh từ phức tạp như Giáo dục, Gia đình, Bản tánh loài người v.v…, trong óc tôi liền hiện những bản đồ như trên đây."

Thật vật, có dùng đến sẽ biết cái hay của nó là thế nào. Tình cảm con người, phức tạp bực nào cũng không vượt khỏi ngoài 3 hạng đã kể trên. Nếu muốn nghiên cứu một vấn đề về tình cảm hay tư tưởng thì cứ tuần tự theo bản ấy mà suy xét, ta sẽ thấy đầu óc ta sáng suốt nhẹ nhàng bực nào. Tỉ như muốn nghĩ đến vấn đề Giáo dục, ta liền thấy hiện ra bản đồ trên đây và phương hướng ta phải đi. Bắt đầu, ta nghiên cứu về tình cảm vị kỷ, xem xét vấn đề giáo dục về thân thể rồi đến tinh thần. Về phần thân thể, gọi là thể dục, thì nghĩ đến cách giáo dục các bộ phận quan hệ về sinh lý, rồi bắt qua các bộ phận giác quan, các bộ phận về tính dục.

Về phần tinh thần, thì có 3 phương diện phải để ý nghiên cứu trước hết: tình cảm ích kỷ, trí tuệ ích kỷ, ý chí ích kỷ. Ta bấy giờ sẽ sang qua tình cảm vị tha: xem xét những vấn đề giáo dục đối với gia đình, quê hương, bè bạn, vợ chồng v.v… Xong rồi, ta bước qua tình cảm vô tư kỷ, nghiệm về vấn đề giáo dục đối với sự Thiện, sự Mỹ, sự Chân. Về "Thiện", thì xem xét sự giáo dục đối với vấn đề Công bình, Bác ái; về "Mũ" thì xem xét sự giáo dục đối với thiên nhiên, đối với nghệ thật như âm nhạc, hội họa, kiến trúc, điêu khắc, khiêu vũ… Về "Chân", thì xem xét sự giáo dục đối với khoa học, triết học, cùng những vấn đề bất khả tri luận…

Quan sát, suy nghĩ theo thứ tự bất di bất dịch ấy, thì khó mà bỏ sót được một vấn đề nào, mà sự quan sát ta lại được phần tinh mật, dễ dàng và đầy đủ.

Những bực vĩ nhân làm việc thường dùng đến những "bản đồ" hết sức đầy đủ, tiếc vì phần đông họ không chịu chỉ ra cái mật nhiệm ấy, có lẽ tại họ sợ nói ra, người ta bớt khiếp phục thiên tài của họ chăng! Như trước kia đã nói, Napoléon Bonaparte sở dĩ làm việc rất tài tình, quan sát rất thần diệu, nào có chi lạ hơn là nhờ ông khéo léo dùng đến bản đồ một cách rất tinh.

Tóm lại, quan sát mà biết dùng đến "bản đồ" thì sự quan sát của ta châu đáo không biết chừng nào. Sự hỗn độn của ngoại giới và nội tâm không còn bấn loạn được tinh thần ta nữa. Làm chủ được những cảm giác bên ngoài và những tình cảm tư tưởng bên trong, thì sự quan sát của ta mới có đường tinh tế và sự phán đoán của ta mới được có phần đúng đắn.

3. Đồng dị

Trong khi quan sát (ngoại giới quan sát, hay nội tâm quan sát), ta cần quan tâm đến sự giống nhau và khác nhau của mỗi sự vật. Không thế thì sự quan sát của ta chỉ đem lại cho ta một nhận thức mơ hồ không đúng đắn được.

Phần đông chúng ta suy nghĩ theo loại, vì nó là lối suy nghĩ rất thô sơ nhứt. Phân biệt được những chỗ khác nhau và nhận được những chỗ giống nhau của sự vật là một công phu không phải nhỏ. – Người vô học thường quan niệm sự đời bằng cách loại suy, họ không biết so sánh. Có nhiều người ngoại quốc họ không phân biệt được người Trung Hoa và người Việt Nam. Người Việt ở Bắc-phần khác người Việt ở Nam-phần, khác cả về phương diện vật chất lẫn tinh thần. – "Những đầu óc sắc sảo mới thấy được sự khác nhau trong sự vật, những đầu óc tầm thường chỉ thấy toàn là sự giống nhau thôi." (Les esprits fins voient les différences des choses, les esprits médiocres ne voilent que de ressemblances.)

Anh lính thủy thiện nghệ, thoáng qua nơi chân trời, có thể nhận được liền một chiếc tàu hàng hay một chiếc chiến hạm. – Anh bán vải sành, thoáng qua là đã phân biệt được thứ lụa giả lụa thiệt. Nhà trinh thám tài, thoáng qua phân biệt được ngay kẻ gian người ngay.

Về chỗ "giống nhau" của sự vật, cũng không phải dễ thấy. Thấy cho đúng chỗ giống nhau, nhận cho đúng chỗ khác nhau, phải là một đầu óc tinh nhuệ sắc xảo lắm mới được. Phải có một thiên tư xuất chúng mới nhận được chỗ giống nhau của hơi nước với sức mạnh. Nhiều việc ở ngoài, thấy phiền phức mà kỳ trung giống nhau như một. Có nhiều việc bề ngoài giống nhau, mà kỳ trung khác nhau một trời một vực.

So sánh mà nông nổi, rất nguy hiểm. Những nhà cách mạng thường hay lầm lộn vì những so sánh sai lầm giữa trạng thái xã hội của dân La Mã và Hi Lạp với trạng thái xã hội của nước Pháp. Ngay một quan niệm về Tự do, họ cũng không phân biệt có mấy đường tự do, Bình đẳng cũng có mấy đường bình đẳng. Các chánh trị gia phần đông cũng không rõ cái chỗ phân biệt quan niệm về dân chủ giữa các quốc gia như thế nào. Cũng thời sống dưới chế độ dân chủ, mà Mỹ khác, Anh khác, Pháp khác. Nhiều nhà văn cũng lầm lộn lối "totem" đời thái cổ với sự thờ phụng thần thánh đời nay. Tinh thần "totem" đời thái cổ và lối thờ phụng thần thánh ngày nay không thể so sánh được vì nó rất khác nhau cả phẩm lẫn lượng. Nhận bướng, cho hai lối ấy giống nhau là cử chỉ của một đầu óc lười biếng nông nổi. Trong văn giới Việt Nam, một khi kia, có xảy ra một vụ đáng chú ý tương tự như trên. Một nhà sách nọ vì một mục đích quảng cáo bày ra một cuộc thi văn chương, đem so sánh các văn phẩm trong xứ. Họ chấm quyển Nho giáo của Trần Trọng Kim đứng đầu, mà quyển Kiều của Nguyễn Du đứng thứ 2. So sánh như thế là đem con cọp mà sánh với con voi, 2 con vật không đồng loại. Ấy là một việc hết sức thô thiển vụng về. Thiên hạ một phần đông không trí phán đoán cũng "ùa" theo mà hoan nghênh nhiệt liệt. Đó là tại người mình phần đông chưa có óc biết phân biệt sự khác nhau trong các sự vật.

Cá không ăn muối cá ươn,
Con không nghe mẹ trăm đường con hư.

Đây cũng là một lối loại suy rất nông. "Cá không ăn muối" với "Con không nghe mẹ" không thể giống nhau được, vì điều kiện của một đàng thì tịnh, một đàng thì động. Điều kiện đã không giống, thì kết quả không thể giống nhau. "Cá không ăn muối cá ươn", chắc như thế không sai được. Còn "Con không nghe mẹ" chưa ắt là đứa con ấy sẽ hư, mà có khi trái lại cũng không chừng. Đem một lẽ thường mà sánh với một lẽ bất thường, một lẽ tịnh mà sánh với một lẽ động, là so sánh một cách sai ngoa.

Thật không phải là không có hại to vậy.

Trong khi đọc sách, đọc báo hoặc đọc các bài diễn văn của những lãnh tụ các đảng phái chánh trị, ta cần phải thận trọng để ý xem xét cho thật kỹ những lối so sánh tỉ luận của họ, như ta đã thấy trên đây, để ngừa sự ngụy luận. Nếu tôi siêng, lượm lặt những cái ngớ ngẩn ấy trong mấy năm nay trong các báo chí, thì có thể chép thành bộ sách dày có trên năm bảy trăm trang cũng chưa đủ.

Hằng ngày nên tập quan sát sự đồng dị giữa các sự vật. Thấy chỗ khác biệt giữa 2 sự vật đồng tánh là khó, nhưng nhận được sự giống nhau giữa 2 sự vật không đồng tánh cũng không phải dễ. Người ta thường nói Phật Lão phảng phất giống nhau. Giống nhau chỗ nào? Khác nhau chỗ nào? Ngay trong giới Phật học, Phật giáo cũng có mấy tông phái? Các tông phái giống nhau chỗ nào và khác nhau chỗ nào? Giữa thầy và trò cùng một học phái như Lão Trang, hãy tìm coi Lão Trang giống nhau chỗ nào, mà khác nhau chỗ nào? Khổng tử và Mạnh Tử cũng vậy, chỗ đồng dị của 2 bên như thế nào? Nếu mỗi mỗi ta để ý tìm kiếm quan sát để nhận được chỗ đồng dị thì thật lý thú không biết chừng nào mà thụ dụng cũng không biết là ngần nào.

Bất kỳ là gặp một cơ hội nào cũng đừng bỏ qua: hễ thấy những vật giống nhau, cần tìm những chỗ đồng dị của nó. Không bao lâu ta sẽ thấy sự nhận xét của ta càng ngày càng tinh mật một cách hết sức mau lẹ. Bấy giờ ta sẽ có được cái biệt tài rất quí báu nầy, là thấy được nhiều mặt, chỗ mà kẻ khác chỉ thấy được có một mặt thôi.

Đứng về phương diện thực tế, thì phương pháp quan sát nầy có rất nhiều lợi ích. Nó giúp ta thấy được sự thực giả một cách rất dễ dàng trong các sự vật.

Hãy tập phân biệt sự thực giả của hột xoàn, của giấy bạc v.v… là những điều rất có ích trong đời sống hằng ngày. Trong một đống giấy bạc đưa ra, người biết quan sát, thoáng qua đã thấy rõ thứ thật và thứ giả không sai, há không phải là có ích lắm hay sao?

4. Nhân và Quả

Sự vật trong đời, không bao giờ ngẫu nhiên mà có, cũng không bao giờ ngẫu nhiên mà không. Có hoặc không chỉ là cái quả, nguyên nhân của nó hoặc gần hoặc xa, chắc chắn là phải có. Có biết đặng nguyên nhân, mới đoán đặng kết quả. Thấy quả phải biết tìm đến nhân, thì sự phán đoán của ta ở đời mới được đúng đắn.

Chỉ có những đầu óc nông nổi là hay tin đến sự cộng đồng sinh tồn và sự tiếp tục ngẫu nhiên trong sự vật thôi. Đời sống bôn chôn, tản mát, giáo dục hấp tấp vội vàng, thói đọc sách sơ sài ngoài mặt là những nguyên nhân làm cho tinh thần chúng ta thiển bạc lười biếng. Thấy sao, họ vẫn đinh ninh như vậy, không chịu khó tìm xem nguyên nhân sự vật nơi đâu.

"Có biết đặng nguyên nhân mới hiểu rành mọi sự…Tiền nhân, hậu quả, quả cùng nhân tương tiếp tương thừa. Đây nhân quả vô cùng vô tận. Chận một khoảng nào, thì khoảng ấy là quả của bao nhiêu nhân trước, mà là nhân của cả dọc quả về sau. – Vậy thì quả đây, nhân nó là đâu? Người ta cắt nghĩa lầm một sự, là vì chỉ thấy một cái nhân nầy, không thấy cái nhân khác của sự ấy; chỉ thấy cái nhân gần mà không thấy cái nhân xa của sự ấy. Muốn hiểu rõ một sự, phải biết cho tường tận cái dọc nhân ở đàng trước của nó là gì? Song-le có nhiều sự không phải chỉ có một dọc nhân làm ra nó, mà có nhiều dọc nhân làm ra. Không hiểu được hết cái dọc nhân, người ta đổ cho sự may rủi."[14]

Nhưng người ta có thể hiểu được hết các dọc nhân không? Nhân quả trong cảnh hữu hình còn dễ, nhân quả trong cảnh vô hình, như thuộc về "tâm lý, xã hội.. thì cái nguyên nhân càng khó tìm, cái kết quả càng khó dự đoán. Nói rằng khó, không phải là nói không thể được."

Biết tìm được cái dây nhân quả trong mọi sự mọi vật trên đời thì tư tưởng ta mới được đầy đủ và cường kiện thêm lên. "Không có cái gì ngẫu nhiên cả, thảy đều có cái lý của nó." Đó là cốt tử của tinh thần khoa học.

Vậy, trước một hiện tượng nào, hãy tự hỏi: "Tại sao?" Và, nếu có ai quả quyết với mình một điều gì, phải lập tức đòi hỏi lấy "bằng cớ".

Đọc báo, thấy nhà phê bình chê hoặc khen một tác phẩm nào, phải tự hỏi liền: "Tại sao khen, tại sao chê?" Ta phải đòi hỏi nơi nhà phê bình những bằng cớ đúng đắn, trước khi nhận những lời phê phán của họ.

Tìm nguyên nhân sự vật là một lối quan sát rất cần thiết cho sự phán đoán. Thiếu nó, là thiếu những điều kiện cốt yếu để kết luận một việc gì. Nếu muốn hiểu rành một điều nghe thấy nào cần phải "có đủ các dọc nguyên nhân" mới được, nhưng "việc đời phiền phức, mà đời người rất ngắn, con người phải tạm sống với những cái kết luận tạm". Thà kết luận tạm với một mớ nguyên nhân thiếu sót, có phải còn quí hơn là kết luận liều lĩnh mà không cần hiểu đến một nguyên nhân cỏn con nào cả không?

Óc nhân quả, giúp cho ta thấy đặng sự mâu thuẫn trong các hành vi tư tưởng của kẻ khác. Có nhiều nhà văn tả cảnh xuân mà nói đến "sen nở mai tàn", hoặc là cảnh ban đêm mùng một mà "vầng trăng vặt vặt, bóng sao ngời ngời". – Delacroix, trong bức họa Barque de Don Juan, vẽ nhiều người chết đói mà cánh tay hãy còn tròn ủm no nê. Những người viết ra, vẽ ra những cái ngớ ngẩn ấy, và những kẻ xem nó lại không để ý đến, toàn là tại họ thiếu óc nhân quả (esprit de causalité).

G. NÉT ĐẶC BIỆT

Quan sát, như ta đã nói trước kia, là tuyển chọn – Quan sát là để tìm cái chỗ đặc sắc hơn hết của một vật nào, và chỉ có những kẻ nào để hết tinh thần vào mới tìm được mà thôi.

Flaubert khuyên Maupassant: "Khi nào anh đi ngang qua một người bán đồ gia vị, hoặc một người gác cửa, hoặc một bến xe ngựa, anh hãy làm cách nào chỉ cho tôi thấy anh bán đồ gia vị đó, người giữ cửa đó… mà đừng làm cho tôi phải lộn với một người bán gia vị khác, một người gác cửa khác, và chỉ với một tiếng thôi, anh chỉ cho tôi biết vì đâu con ngựa kéo xe nầy không giống với năm, mười con ngựa khác chạy trước nó hay sau nó."[15]

Thấy được cái nét đặc biệt, cái nét phân biệt vật nầy với vật kia trong trăm ngàn nét khác giống nhau, đó là mật pháp của các tay nghệ sĩ lành nghề.

Một nhà xem tướng hay, thoáng qua họ phân biệt liền kẻ trí người ngu, kẻ hiền người dữ. Chỉ nhờ có mấy nét đơn sơ mà đặc biệt thôi. Quan sát mà không để ý tìm cái nét đặc biệt của sự vật, là chưa biết quan sát. Trong đời, không có hai hột cát giống nhau. Dẫu là anh em sanh đôi, bao giờ mỗi người cũng có một nét đặc biệt.

Những nhà chuyên về hí họa, họ vẽ lăng quằng, nhưng chỉ dùng một vài nét đơn giản sơ sài mà tả được cái đặc biệt của một người hay một vật mà không thể lẫn lộn được với một người hay một vật khác.

Không nên bắt chước các nhà văn thiếu quan sát, hễ tả một người đàn bà đẹp thì luôn luôn "gương mặt như trăng rằm, mày tằm, mắt phụng, môi tợ thoa son, v.v…" nghĩa là có thể chỉ vào người nào cũng được. Hoặc họ kể ra vô số chuyện tỉ mỉ, lằng nhằng không dứt, nhưng không có một nét nào đáng gọi là đặc biệt cả?

Họ làm như đứa trẻ kia, học lại cho cha mẹ nó nghe có người khách đến thăm:

Người đó ra sao con?

Người đó có cái đầu, cái mình, hai tay và hai chơn …

!!!

Trong các phương pháp tập luyện để có được một nhận xét tinh vi như trên, tôi tưởng không có gì hay hơn học vẽ. Theo tôi, học vẽ là một sự cần thiết, mà bất kỳ ai, ở vào địa vị nào trong xã hội, đều phải biết qua những kỷ luật của nó. Hay dở là một việc không mấy cần, chỉ nên biết rằng: Người không học vẽ, không chịu huấn luyện theo kỷ luật của nhà họa sĩ, thì sự quan sát thiếu chỗ tinh vi. Một thiếu sót đáng tiếc, mà cũng là mất một nguồn hứng thú thâm trầm… André Gide cũng nhận như thế: "Khí cụ to tát của Văn Hóa, là Họa, chớ không phải là Nhạc" (Le grand instrument de culture, c'est le dessin, non la musique).[16]

Giải thích những quan sát của mình

Biết quan sát cho đúng đắn chưa đủ, cần yếu là phải biết giải thích những quan sát ấy.

Quan sát kỹ là biết quan sát được nhiều cái tỉ mỉ, nhưng nếu không khéo, sẽ bị lôi cuốn trong những cái vụn vặt, đầu óc rối loạn không còn biết đường lối nào mà đi được nữa. Nếu ta không có sẵn một chủ ý để làm phương châm, qui về một mối những cảm giác của ta, để sắp đặt nó lại cho có hệ thống, thì những quan sát sẽ rời rạc, vô bổ cho công việc ta đang tìm.

Dưới đây, một tỉ dụ cho dễ hiểu.

Trong quyển *La Marne* của thiếu tá Corbet Smith thuật rằng: một toán quân cũng đi với người cai ngũ để thám thính một ngôi nhà ở ven rừng. Cả thảy đều là những nhà quan sát tinh cả. Người cai ngũ hỏi: “Rừng cây là gì?” Thảy đều trả lời: “Cây dẻ gai.” Người cai ngũ biết rằng, như thế thì khó mà đi lại gần cái nhà ấy, vì rừng cây dẻ gai, không có cây nhỏ, chỉ toàn là cây cao bóng cả, khó mà đi lần về phía ấy lắm. Muốn đi đến đó, phải ẩn núp hết sức cẩn thận, bò sát mặt đất. Trong khi lặng lẽ rình mò, bỗng thấy một cặp cu cườm bay ra. Họ liền đoán chắc trong rừng có người làm động ổ nó, nên chim ấy mới bay ra ngoài đồng nội. Họ bèn đánh mò theo hướng ấy mà đi vào, vì chỗ đó chắc chắn sẽ có quân nghịch ẩn núp. Thật vậy, đến khi bò lần đến cổng nhà, vào trong gặp bốn người lính Đức đang ở trong nhà bếp, còn người thứ năm đi lượm củi ngoài rừng.

Nếu người cai ngũ không biết rằng rừng cây dẻ gai không có cây nhỏ mọc mà để ý cẩn thận, nếu những tên lính đi theo không biết để ý đến căn cu cườm và đoán nơi đó có người, thì cuộc thám thính nầy đâu có được kết quả mỹ mãn và dễ dàng dường ấy.

1. Cách làm việc của nhà trinh thám

Các nhà trinh thám, phận sự buộc họ phải hằng ngày dùng đến sự quan sát một cách hết sức chặt chẽ. Nhà trinh thám là kẻ chuyên môn về quan sát, không có một cử động nào mà qua khỏi được cặp mắt sắc sảo của họ.

Sherlock Holmès – một nhân vật kỳ tài của Conan Doyle tạo ra trong các tiểu thuyết trinh thám của ông – là một nhà trinh thám có thể gọi là phi thường được. Không gì lạ. Ông ấy sở dĩ được thế là nhờ nơi tài quan sát và cách suy lý của ông mà thôi.

Ông nói: "Một nét lộ trên mặt, một cái liếc, một cái ngó đủ cho ta biết được những ý nghĩ kín đáo của kẻ khác rồi. Kẻ nào thường ham quan sát và ham phân giải nghiên cứu, khó mà sai lầm được. Họ có thể nhân đó mà kết luận một cách chắc chắn rõ ràng như trong các bài toán học vậy. Kết quả phi thường của họ, đối với kẻ không rành phương pháp của họ dùng, là một việc ngoài trí tưởng tượng và thường được xem như việc làm của bực thần tiên phù phép gì đâu… Thử đưa cho người có óc quan sát và suy lý một giọt nước thôi. Họ sẽ nói cho ta biết đó là nước lấy nơi Đại Tây Dương hay nơi thác Niagara. Đời của mỗi một người của chúng ta chỉ là một sợi lòi tói dài, chỉ cần biết được một cái vòng thôi cũng đủ cho mình thiết lập lại được tất cả các cái vòng khác. Đó là những công việc phiền phức lắm, cần phải có nhiều học hỏi, rộng thấy xa nghe mới được. Đời người ngắn ngủi, muốn đi tới chỗ tận thiện tận mỹ của sự hiểu biết nầy thật là khó khăn. Tuy nhiên vấn đề phức tạp ấy tạm gác qua một bên, danh cho bực vĩ nhân họ làm. Phần mình, hãy đi vào những vấn đề đơn giản có phải hơn không? Khi mình gặp một người nào, thoáng qua có thể biết được người đó làm nghề gì, thuộc hạng người nào. Cách tập luyện nầy rất cần thiết, tuy mới xem như một việc trẻ con, nhưng nó giúp cho trí suy nghĩ của ta rất nhiều, và tập cho ta biết phải làm cách nào để quan sát. Hãy xem ngón tay và móng tay họ, tay áo, đôi rầy, cái quần lối đầu gối có những cái gì hư hao không, ngón tay cái và ngón tay trỏ có bị khuyết hám gì không, gương mặt, ống tay áo… đó là những cái dấu chỉ cho ta biết được người đó là người gì. Có chi gọi là không thể được đâu, với bấy nhiêu yếu tố đó hội lại, không đủ cho mình biết được lai lịch người đó hay sao? Dầu cho một người rất kém thông minh, cũng có thể nhận được một cách rõ ràng."[17]

"…Người bạn của Sherlock Holmés một hôm đi nhà dây thép về. Khi thấy mặt bạn, Holmès nói: "Kìa anh đi nhà dây thép Wignore Street đánh điện mới về phải không?" Bạn ông ta tỏ dấu kinh ngạc, và nài nĩ ông ta cắt nghĩa cho rõ, cách nào mà biết được như thế. Holmès cắt nghĩa:

Có gì là lạ! Tôi biết liền nơi trước cửa nhà dây thép Wignore Street người ta đang sửa lộ, cuốc đất đổ lên. Muốn vào cửa, phải lội ngang qua đó. Mà chất đất đỏ này, màu nó đặc biệt, chỉ có chỗ đó là có thứ đất ấy thôi, vì theo sự hiểu biết của tôi, nội vùng ấy không có chỗ nào có thứ đất ấy. Cuộc quan sát của tôi ngưng tại nơi đó, còn hết thảy những điều tôi nói khác, đều ở trong vòng suy lý của tôi mà ra cả.

Còn anh làm cách nào khám phá được cái vụ tôi đi đánh điện mà không phải là đi bỏ thơ?

Cái đó lại càng dễ. Tôi biết là anh không có viết thơ, là vì hồi sớm chúng ta cùng ở nhà với nhau, tôi không thấy anh viết thơ. Vả, tôi lại còn biết, trên bàn anh sẵn cò, sẵn bao thơ, sẵn giấy. Cho nên, nếu anh đi bỏ thơ, thì có cần gì anh phải đi đến nhà dây thép cho xa. Vậy, thì chỉ là vì đi đánh điện thôi. Những ức đoán khác, tôi loại trừ nó đi cả, chỉ còn thấy có một cái đứng vững lại thôi, cái đó là cái đúng với sự thật.[18]

Bạn ông chịu là đúng lý. Mới đưa cho ông một cái đồng hồ nhỏ, cậy ông xem coi người chủ trước của nó tánh tình như thế nào, vì hằng ngày nghe ông nói, bất kỳ một vật gì người dùng thường cũng để lại một ít dấu vết, nhà quan sát tinh có thể truy ra được nhiều điều hữu ích về lai lịch của người đó. Holmès không ngần ngại, nhận lãnh để tra cứu. Ông lấy tay cân nặng nhẹ, xem kỹ cái mặt đồng hồ, mở cái máy ra, ban đầu nhìn bằng mắt thường, sau lấy kính hiển vi quan sát một hồi lâu. Bỗng xếp lại, và đưa trả cái đồng hồ cho bạn và nói:

Không có gì đáng để ý nhiều, vì nó mới vô dầu và chùi bóng, nên làm cho sự quan sát khó mà đi xa được.

Phải, anh nói đúng. Đồng hồ nầy vừa mới chùi bóng và vô dầu.

Tuy nhiên, theo sự quan sát của tôi, cái đồng hồ của anh, tôi tính cho nó là của ông thân anh để lại cho anh cả của anh, rồi anh cả của anh mới giao lại cho anh. Có phải như vậy không?

Đúng như vậy.

Chính vì tôi thấy trong hộp có khắc dấu hiệu chữ W, tên họ của anh. Vả, cái đồng hồ nầy theo như cái số hiệu quả quyết là thứ đồng hồ làm hồi năm mươi năm về trước. Nếu tôi nhớ không lầm thì ông thân anh mất đã lâu. Theo lệ của xứ ta, thì đồ trang sức cũng thuộc về phần gia tài của người con cả. Bởi vậy, tôi mới đoán, sau khi ông thân anh mất, đồng hồ nầy phải về tay người anh cả của anh.

Đúng như vậy, rồi sao nữa?

Anh cả của anh là người vô tâm, hơn nữa, là người không có thứ tự gì cả. Anh ấy có tương lai lắm chớ, nhưng anh ấy không biết hưởng: suốt đời, anh chỉ nghèo cực một đời, cũng có lúc khá giả. Rồi lại còn sa vào tật rượu chè, và vì đó mà chết. Tôi chỉ nghiên cứu thấy được có bấy nhiêu thôi.

Bạn ông nghe đến đó tỏ ý bất bình nói:

Holmès, cử chỉ của anh không xứng đáng với cái người của anh, tôi không bao giờ tin tưởng được rằng anh có thể hạ cái người của anh như thế. Chắc chắn là anh đã điều tra lịch sử của người anh bất hạnh của tôi, rồi nay anh tùy cơ hội nói ra, làm như nhờ những lối quan sát kỳ khôi của anh mà tìm ra được vậy. Tôi không tin, anh phỉnh gạt tôi đấy thôi!

Nầy anh, xin anh hãy bình tĩnh lại chút đó. Thật quả tôi không hề biết anh có một người anh cả, trước khi anh đưa cái đồng hồ của anh cho tôi xem.

Vậy, sao anh lại biết một cách rõ ràng như những điều anh vừa mới nói đó?

Thế là may cho tôi lắm, vì đó chỉ là những sự khái tính, tôi đâu dè lại đúng quá vậy.

Nhưng tôi chắc anh không phải chỉ định chừng thôi.

Không, không! Tôi nào có định chừng. Đó là một thói xấu đáng ghét nhứt, làm cho lý luận mình sai bét cả. Vì anh không quen được cái lối tư tưởng của tôi, nên anh không hiểu được vì sao với những sự quan sát mới xem qua như là nông nổi, lại đem lại cho tôi rất nhiều tài liệu có ích như thế. Bởi vậy, anh mới cho đó là lạ lùng! Đây, tôi nói trước rằng: anh của anh không có thứ tự gì cả. Anh xem lại cho kỹ cái vỏ đồng hồ: nó bị cà, bị trầy cùng hết. Đó chỉ có người quá vô tâm, không thứ tự gì cả, họ hay bỏ chung một cái túi, nào là đồng hồ, xu, cắc, chìa khóa, toàn là đồ vật cứng. Cần gì phải lanh trí mới hiểu được việc ấy. Có khó gì mà không đoán được rằng người thừa hưởng được một cái đồng hồ quí giá như thế nầy, lại không được sống một cách khá giả sao.

Lại nữa, thường ở xứ mình, những nhà cầm đồ, có tật lấy kim gạch ở phía trong đồng hồ số hiệu của tờ biên lai mà họ đã trao lại cho người đi cầm. Đó cũng là một cách rất tiện, vì cái số hiệu đó khó mà

sai lạc được và cũng khó mà lầm được nữa. Phía trong cái đồng hồ nầy, anh xem lại kỹ một lần nữa đi sẽ thấy gạch trên bốn số, chỉ có thể lấy kính hiển vi mà xem mới thấy đặng. Đó là bằng cớ rằng người anh của anh thường bị sự túng bấn. Nhưng đã chuộc đi chuộc lại cả bốn, năm lần được, tỏ rằng anh ấy có lúc cũng dễ thở chứ! Bây giờ, hãy xem phía trong nữa, chỗ cái lỗi để vặn dây thiều, anh có nhận thấy biết bao đường trầy trụa không? Anh có thể nào tưởng tượng được một người, nếu không say sưa vất vả, cớ sao lại đút cái chìa vào không ngay được với cái lỗ mà phải trợt mãi ra ngoài không?

Anh nên để ý rằng đồng hồ của bọn người hay say sưa đều có những dấu trầy như thế. Cái đó, có cái gì khó nghĩ nữa không, mà anh bảo là ma quỉ?"[19]

Voltaire trong quyển Zadig cũng có thuật một câu chuyện tương tự như thế.

"… Hoạn quan hỏi Zadig:

Anh có thấy con chó của Hoàng-hậu chạy ngang đây không?

Zadig trả lời một cách khiêm tốn:

Thưa Ngài, không phải con chó đực, ấy là con chó cái.

Đúng như vậy!

Ấy là một con chó "xù" rất nhỏ: con chó ấy cũng vừa mới đẻ, cẳng trái phía trước hơi què, còn tai của nó thì rất dài.

Nói vậy anh có thấy nó!

Không! Tôi không thấy nó, mà tôi cũng không từng biết bà Hoàng-hậu nuôi cho bao giờ.

Người ta nghĩ ông bắt giấu con chó của Hoàng-hậu. Ông bèn biện hộ cho ông như vầy: "Thật tôi không hề có thấy con chó của Hoàng-hậu. Số là tôi đang đi dạo, để ý thấy dưới cát có dấu chân thú, tôi đoán là chân của con chó nhỏ. Giữa hai lằn chân có hai đường nhỏ kéo dài, tôi biết con chó ấy là chó cái mới đẻ, vú nó dài kéo lòng thòng dưới cát. Nhiều vết khác lấm tấm hai bên, tôi đoán là lỗ tai nó phải dài lắm mới được. Dấu chân phía trước bên trái hơi nhẹ hơn các dấu chân khác, nên tôi định cho nó hơi què. Có thế thôi."[20]

2. Cách tìm thủ phạm

Trên đây, là những tỉ dụ giúp ta hiểu sự quan hệ của quan sát đối với đời sống hằng ngày là thế nào. Tuy là những câu chuyện của tiểu thuyết, nhưng lý lẽ của nó cũng chẳng đến nỗi không có cơ sở.

Dưới đây, thêm một vài phương pháp của ty tư pháp cảnh sát thường dùng để tìm ra tội phạm, cũng do quan sát và suy lý mà ra.

Thường có nhiều người bị cáo giả điếc để tránh sự tra hỏi gắt gao của nhà chức trách. Có kẻ họ giả điếc, đến không hay biết được có một sức nặng trên mười kí lô rớt sau lưng họ. Sự vô cảm giác thái quá đó đủ bộc lộ sự giả dối của họ, vì nếu là một người thật điếc thì tuy không nghe chớ cũng phải giựt mình quay lại vì một sức nặng trên mười kí lô rớt xuống làm cho cả vách phên cùng mặt đất chuyển động không ít. Nhờ thử như vậy, mà người ta nhận được những kẻ giả điếc như chơi.

Một bọn ăn trộm, – sau khi thâu góp tài sản của một ngôi nhà trong đồng, – muốn làm cho cảnh sát không theo dấu được, mới lấy rổ đựng bông ịn vào mặt đất ướt. Người ta nhìn thấy dấu chân 4 người, trong đó có dấu chân của một người đàn bà. Nhà trinh thám đến khám xét, thấy liền rằng những dấu giày đàn bà là giả, vì đứa trộm tuy mang giày đàn bà mà bước đi là *bước đi của người đàn ông*.

Tuy ta không cần phải bắt chước y theo phương pháp quá nhặt nhiệm của các nhà mật thám đại tài để dùng trong nghề nghiệp hay trong những công việc hằng ngày của mình, nhưng nếu biết quan sát suy nghĩ cho kỹ càng tỉ mỉ thì sự lợi ích cũng không phải là tầm thường.

Về phương pháp dùng để tra thủ phạm, sách xưa cũng có để lại nhiều câu chuyện lý thú, không thể kể hết ra đây được, chỉ lược thuật một vài thôi, từa tựa như trên:

"Cùng đi với một đoàn nhà buôn về Constantinople, anh buôn hàng lụa gởi cho anh buôn lạc đà mấy bó hàng đi trước. Nửa đàng, anh buôn lụa đau, phải ở lại.

Khi đến thành Constantinople, anh buôn lạc đà chờ mãi vài tuần lễ mà không thấy anh buôn lụa đến, tưởng anh ấy đã theo ông theo bà, nên đem mấy bó lụa đi bán đi, lấy tiền bỏ túi và bỏ luôn nghề bán lạc đà của mình.

Người buôn lụa mạnh rồi, tìm đến chỗ anh buôn lạc đà đòi mấy bó lụa… Anh nầy làm bộ không biết và chối rằng xưa nay chưa từng có làm nghề buôn lạc đà.

Vụ nầy thưa đến quan.

Quan cho đòi 2 bên, hỏi anh bán lụa: -Người kêu nài điều chi?

Bẩm quan, tôi yêu cầu chú bán lạc đà trả lại cho tôi 20 chục bó hàng tôi đã gửi.

Anh bán lạc đà cãi: -Dạ, tôi không hiểu anh nầy muốn nói gì mà có lụa và lạc đà…? Tôi xưa nay chưa từng có làm nghề bán lạc đà.

Quan hỏi anh bán lụa: -Người có bằng cớ gì để đối chứng không?

Thưa không.

Quan sai lính đuổi hai đàng ra khỏi công môn. Chờ cho hai người ra khỏi cửa, đi đặng mươi bước… quan đứng trên cửa sổ kêu nói: -Anh bán lạc đà, chờ tôi hỏi…

Anh bán lạc đà, bất ngờ, nghe kêu mình, lật đật quay đầu lại. Không dè, làm vậy, là mình thú thật nghề cũ của mình.

Quan liền bắt anh lạc đà phải bồi thường cho anh bán lụa, đánh cho mấy chục hèo và phải chịu một số tiền vạ to về vụ đã thề dối trước quan.

"Một người Thỗ-Nhĩ vô tiệm bán đồ gia vị của một người Hy Lạp, mua năm cân dầu và đưa một đồng vàng[21] bảo thối. Người chủ tiệm xem thấy trong tủ không có đủ tiền để thối, bèn lấy ra một cái bao có đựng 500 đồng bạc, vừa bạc đồng, vừa bạc cắc, nhưng suy nghĩ một hồi, rồi lại để bao vô chỗ cũ chứ không mở ra, và đi sang người ở gần đặng đổi tiền.

Trong lúc người chủ tiệm đi vắng, người Thổ Nhĩ ăn cắp bao bạc dấu trong áo. Người chủ tiệm đổi bạc xong trở về, cứ việc thối tiền rồi để khách đi. Một lát sau, coi lại bao bạc thấy mất, mới chạy theo người Thỗ Nhĩ, và gặp va gần bên chỗ lính gác. Lính thấy cãi lẫy, bắt hết cả hai. Vị quan võ cai quản đội lính xét trong mình người Thỗ Nhĩ, lấy được bao lạc, và hỏi người Hy Lạp, số tiền đựng trong bao là bao nhiêu. Người Hy Lạp nói có 500 đồng, vừa bạc đồng vừa bạc cắc. Lính mở bao ra đếm cũng đúng như thế. Nhưng người Thỗ Nhĩ cũng quả quyết rằng số tiền đó của y. Vị quan võ không biết phân xử thế nào, liền giải nội vụ ra toà. Quan toà nghe hết lời khai của hai bên rồi cũng không biết ai phải ai quấy, bởi hai đàng đều quả quyết rằng bao bạc ấy là của mình. Quan toà cụt lối, truyền giam lại, ngày sau sẽ xử. Ngày sau cũng thế, hai bên vẫn khai y như trước. Nhưng người Hy Lạp khai thêm rằng tiền đó là tiền của y bán hàng mỗi ngày, thâu vô. Va đựng trong bao, đặng ngày đó trả cho một người bán hàng vì đã tới kỳ hẹn phải trả. Va nói rõ tên và chỗ ở của người chủ nợ cho quan điều tra. Quan toà liền day qua phía người Thỗ Nhĩ hỏi va do đâu mà có bao bạc đó. Người Thỗ Nhĩ cũng trả lời không chút ngại ngùng rằng va đem lúa mạch đến bán cho nhiều tay buôn lúa ở một vùng kia mới thâu được số bạc đó.

Quan toà liền một mặt khiến nấu nước sôi, một mặt sai lính đến chỗ người Thỗ Nhĩ đã chỉ, lấy trong tủ tiền của mấy tiệm bán lúa ở vùng đó cho đủ số 500 đồng bạc vừa bạc đồng vừa bạc cắc, đựng vô bao đem về cho ông.

Quan toà khiến đem ra hai cái chậu bằng nhau, một cái đựng bao bạc của hai đàng đương tranh, còn một cái đựng bao bạc mới lấy ở hai tiệm bán lúa về. Quan toà bảo đổ nước sôi vô cả hai chậu, rồi tự mình cầm que cây trở qua trở lại mấy đồng bạc như muốn nấu bạc cho chin đều vậy. Mọi người lấy làm lạ, không biết ông muốn làm gì, có kẻ tưởng là ông làm phép. Khi nước nguội, ông xem kỹ mặt nước và bảo mấy người gần bên cùng xem.

Mặt nước bên chậu đựng bạc của mấy nhà buôn lúa thì đầy rơm rác, bụi bặm, còn mặt nước bên chậu đựng bạc của hai đàng tranh nhau thì nổi màng màng.

Nhờ cuộc thí nghiệm đó mới thấy được tỏ rõ lòng chân thật của người Hy Lạp và dạ bất lương của người Thổ Nhĩ."[22]

3. Đức tánh của nhà Quan sát

Tóm lại những điều đã nói trên, nhà quan sát đúng đắn, chân chính với cái danh hiệu của mình, phải tập luyện thế nào cho được có những đức tính sau nầy:

Khéo léo: Ấy là thuật biết chiều theo hoàn cảnh hoặc tìm cho được đủ phương thế thắng cho kỳ được bất kỳ là trở lực nào ngăn cản sự quan sát của ta. Hoặc phải tạo ra máy móc, tìm tài liệu, tập võ nghệ, lội, trèo, chạy, nhảy cũng không từ.

Kiên nhẫn: Có nhà thiên văn phải bỏ trên 80 năm để dò theo dấu hành tinh Herschell. Pasteur, muốn tìm nguyên nhân của chứng bịnh tằm, phải tự mình quan sát có trên 50.000 lần. Vội vàng, nóng nảy đã làm hư hỏng biết bao nhiêu sự phát minh sáng tạo không đi được đến bờ bến.[23]

Chú ý: Đây là đức tính cần thiết cho sự quan sát đến có thể gọi "nó là tất cả sự quan sát" vậy. (Xem chương Thuật Chú ý tiếp sau đây).

Nhuệ trí (penetration): Quan sát không phải chỉ xem phớt qua mà thôi, mà phải ngó cho thật kỹ, phải biết phân biệt cái nào chánh, cái nào phụ và phải biết loại ra những cái không ích lợi gì cho sự quan sát… Nhụê trí là cái trí sáng suốt giúp cho ta thấy được cái chỗ chưa hiển hiện của sự vật, có thể cảm được mà không thể thấy được.

Tinh mật: Nhà quan sát phải biết nhận xét cho tinh tế từng mảnh mún công việc của mình quan sát. Phải kể ra tất cả những cái chi của mình thấy, và chỉ có những cái tận con mắt mình thấy thôi. Nhất định không có cái thói nghe nói đi nói lại, hoặc tinh theo sách vở hoặc một quyền thế nào. Phải hết sức gắt gao trong việc mình nghe thấy, biên lại hết sức kỹ càng và tỉ mỉ. Sự quan sát phải thật hết sức đầy đủ, không sót một phương diện nào cả.

Vô tư: Nhà quan sát phải giữ gìn cho sự quan sát mình hết sức khách quan mới được. Claude Bernard nói: "Ấy là người chụp hình: nhà quan sát phải quan sát một cách công chính, không thiên vị, không thành kiến; tinh thần của họ phải "tịnh" nghĩa là lẳng lặng, -- lẳng lặng mà nghe và biên lại một cách ngay thẳng những điều gì thiên nhiên bảo với mình."[24]

Nhà quan sát phải tránh xa Thành kiến. Có hai loại Thành kiến. Thành kiến do nơi kẻ khác mang đến cho ta, và Thành kiến của ta có sẵn thường do nơi tinh thần môn phái (esprit dè système) mà ra.

Tánh vô tư rất quan hệ trong sự quan sát. Thiếu nó, sự quan sát thường bị hư hỏng sai bét hết. Một người kia nghi cho đứa con người láng giềng ăn cắp cái búa. Bấy giờ anh quan sát đứa nhỏ, thấy từ cử chỉ đều rõ rang là đứa trộm búa. Đến khi anh tìm được cái búa rồi, thì anh xem lại cử chỉ đứa nhỏ, không thấy chỗ nào tỏ ra là đứa trộm búa nữa. Những sự quan sát của ty Mật thám thường cũng bị vô tình sa vào cái bẫy đó, nên có nhiều người bị oan uổng một khi đã bị tình nghi.

Nhà quan sát mà bị thành kiến sai sử, thì thường bị lừa trong cuộc quan sát của mình: chỗ họ tưởng là thấy, chính là điều họ chỉ tưởng tượng thôi.

Năm 1903 có một nhà vật lý học trứ danh Blondlot tưởng mình đã tìm ra "luồng điện N" (rayons N). Nhà phát minh đây là một người có quyền thế lớn trong khoa học giới, ấy là một ông giáo sư về vật lý học, thông tín viên đặc biệt của Khoa Học viện. Cái chủ trương của ông được tất cả các ông Hàn lâm viện Khoa học và các nhà thông thái người Pháp công nhận. Nhiều nhà thông thái ấy có làm lại cuộc thí nghiệm và cũng thấy y như ông vậy.

Hai năm trời, Khoa Học viện đăng ra rất nhiều bài khảo cứu của các tay chuyên môn về vật lý học như Broca, J.Becquerel, Bichat, v.v…, nói về tánh cách đặc biệt của những luồng điện ấy. J.Becquerel

lại còn tuyên bố rằng đã làm cho nó bị "mê" liệt. Giáo sư Arsonval diễn thuyết về nó nhiệt liệt.

Khoa Học viện mới định phái một ban giám khảo đến tận nhà xem xét công việc của nhà phát mình Blondlot. Cả thảy đều lấy làm kinh than, tức thì giải thưởng 50.000 quan được hội ban cho nhà phát minh.

Trong khi đó, ở ngoại quốc, nhiều nhà thông thái, không bị ảnh hưởng uy danh của nhà phát minh Pháp, tiếp tục thí nghiệm mãi mà không thấy gì ráo. Họ mới mò đến tận phòng thí nghiệm của nhà phát minh sóng điện N, thì bấy giờ họ mới thấy ông nầy lầm, vì luồng điện N chính là một ảo giác do một miếng tam lăng kính giọi ra.

Báo Revue Scientifique bèn cậy tất cả các nhà bác học hoàn cầu mở cuộc điều tra. Té ra "lằn song N" của nhà phát minh đây chỉ là một ảo tưởng… Bấy giờ, các nhà vật lý học Pháp đã phụ họa theo Blondlot đều lặng thinh phăng phắc, và từ đó nhẫn nay không còn nghe đến cái "luồng song" ấy nữa. [25]

Thành kiến đối với các nhà khoa học trứ danh còn như thế, thì đối với người thường thiếu tinh thần khoa học, sẽ tai hại như thế nào, và sẽ dắt dẫn chúng ta đến đâu nữa!

Cũng thời quan sát, nghiên cứu chánh thể nước Nga, mà A.Gide thấy khác, R.Rolland thấy khác.

A.Gide để trả lời với sự trách móc của R.Rolland nói: "Cần yếu là phải xem sự vật theo y như nó đã xảy ra, chớ không nên xem theo ý mong ước riêng của mình muốn cho nó phải xảy ra như thế nào."[26]

Chương III. THUẬT TẬP TRUNG TINH THẦN

QUAN SÁT được tinh vi nhờ khéo léo biết "tập trung tư tưởng".

Câu châm ngôn thiết yếu của thuật quan sát: Chỉ làm một việc thôi, và làm cho tận tình, cũng là chỉ về sự tập trung tinh thần vậy.

Tập trung tinh thần là để hết tâm tư vào một sự gì, hay vật gì. Ngoài sự ấy, vật ấy, ta không để ý đến việc gì khác nữa cả.

Ribot bảo rằng: "Chú ý là cái khí cụ giúp con người trở nên hoàn thiện."[27]

Thật vậy, thiếu nó, thì những quan năng đặc biệt của tinh thần như: trí nhớ, trí phán đoán, trí suy luận không thể nào phát triển được. Thiếu nó, thì sự hiểu biết của ta đối với sự vật rất lờ mờ, nhứt là không ứng dụng vào đâu được cả. Nó là cốt tử của cả đời sống tinh thần của ta. Vậy, điêu luyện tinh thần, phải lấy nó làm gốc.

Muốn "đo lường" tinh thần trí thức, người ta thường căn cứ vào sức chú ý mạnh yếu của mỗi người mà ước định. Darwin nói: "Một nhà nuôi khỉ, mua khỉ đem về tập, mỗi con giá nhứt định là một trăm hai mươi lăm quan. Người ấy hứa với chủ bán, nếu để cho họ giữ lại nhà trong vài ngày, đặng lựa chọn theo ý, họ sẽ chịu trả giá bằng hai. Người ta mới hỏi anh làm cách nào phân biệt được con nào khôn, trong một thời gian rất ngắn như thế. Anh trả lời: chỉ xem sức chú ý của nó là biết liền được. Nếu trong khi mình nói hay cắt nghĩa cái gì cho nó, mà sự chú ý của nó xao lãng vì bị con ruồi trên vách hoặc vì một cái cớ nhảm nhí nào, thì con nầy đáng chán nản lắm. Nếu có sửa trị nó thì nó lại càng bướng bỉnh khó dạy chớ không ích gì. Trái lại, con nào biết chú ý thì dễ tập lắm."

Cái đặc điểm của những bậc vĩ nhân là nơi sức mạnh của sự tập trung tư tưởng của họ. Roederer nói về Napoléon có câu: "Ông là người có thể làm việc liên tiếp mười tám giờ đồng hồ về một công việc hay nhiều công việc cũng vậy. Không có một người nào biết để hết tâm tư mình vào công việc mình làm hơn ông." Chính Napoléon, trong bộ ký ức của ông có biên: "Khi nào tôi muốn ngưng một công việc gì, tôi liền đóng hộc tủ ấy lại, và mở hộc tủ khác ra. Nó không lộn xộn với nhau được và cũng không làm rộn hoặc làm mệt tôi chút nào. Nếu tôi muốn ngủ, tôi đóng hết các hộc tủ lại, tức khắc ngủ liền." Taine nói: "Người ta không bao giờ thấy được một đầu óc có kỷ luật và sẵn sang luôn luôn để làm bất kỳ là một công việc gì, và có đủ sức tập trung tư tưởng một cách đột nhiên và toàn bị như thế."[28] Có kẻ hỏi Newton, nhà đại thiên văn nước Anh, cái mật pháp của sự phát minh về "Vũ trụ Dẫn lực" của ông. Ông trả lời: "Có chi, chỉ vì tôi nghĩ đến nó mà thôi." Darwin sỡ dĩ làm được công nghiệp vĩ đại trong khoa học giới là nhờ ông có cái tài "đeo đuổi mãi theo một vấn đề suốt năm này qua năm kia mà không nản". [29]

Khổng Tử nói: "Ta là người hễ có việc gì nghĩ chưa ra thì nghĩ đến quên ăn, nghĩ ra được thì vui quên cả mối lo, không biết rằng tuổi già đã sắp tới vậy."

Những người rất khỏe về sự "tập trung tinh thần" như thế thường có một cái đặc sắc nầy là họ quá chuyên tâm vào một việc mà quên hẳn cả những cái ngoài công việc họ đang làm, đến đỗi thành ra một chứng đãng trí rất nguy hiểm đến đời sống thực tế của họ hàng ngày.

Một ngày kia, lúc còn nghèo, Edison,[30] nhà phát minh điện thoại trứ danh của Mỹ quốc được có người tiến cử đi diễn thuyết về vấn đề điện thoại, là vấn đề mà ông ta sở trường nhứt, vả ông không phải dư giả gì, cũng không muốn kiếm thêm chút ít tiền, mua sách vở và ít món máy móc cần dùng để thí nghiệm.

Nghĩ đến nó ông cũng thấy đắc chí. Nhưng đến ngày diễn thuyết, Edison không đến. Một người bạn chạy đi kiếm ông kiếm mãi không thấy. Đến khi ngó trực lên nóc nhà, thấy ông ta đang lom khom đặt dây điện thoại! Thì ra, trong khi ông đang soạn bài diễn thuyết, một ý kiến mới nẩy ra. Ông ban đầu còn lo giải quyết trên một tờ giấy, kế đó ông nghĩ đến những bằng cớ thực tế của nó, ông muốn thí nghiệm liền, ông leo tuốt lên mái nhà. Ở đó tha hồ cho ông thử đi thử lại cái ức thuyết của ông, ông quên mất thính giả của ông đang đợi ông đàng nhà hội.

Đời ông thường có nhiều cái "đãng trí" như thế. Có một khi nọ ông đi bỏ thơ. Khi đến nhà thơ, gặp hộp thơ, thay vì lấy thơ bỏ vô hộp, ông lại lấy cái đồng hồ ông mà nhét vào. Nhét hoài không đặng, bây giờ ông mới sức nhớ lại, mới biết là mình lộn.

Ngày ông cưới vợ, một người vợ ông yêu quí nhất trong đời, thế mà sau khi cưới, cách vài giờ, ông qua phòng thí nghiệm làm việc, vì ông không thể nào bỏ qua một ngày mà không làm việc cho được. Công việc tìm tòi của ông làm ông mê mẩn đến quên mất bà vợ ở nhà đang trông đợi ông. Chiều tối, một người bạn của ông đang đi ngang phòng thí nghiệm, thấy cửa sổ mở mà đèn bựt sáng trưng, lấy làm lạ bước vào, thì thấy ông ta đang cặm cụi thí nghiệm:

Kìa anh Tom, anh quên rồi sao? Đã quá nửa đêm rồi, còn chị ở nhà chờ anh!

Ủa khuya rồi sao? Lạ lắm. À phải, tôi mới cưới vợ kia mà, tôi phải về sớm hơn nữa mới phải!

May thay, bà vợ của ông là người đàn bà khác thường, rất hiểu ông và không trách móc ông chút nào, vì bà biết những cái đãng trí ấy là cái đại giá của thiên tài ông vậy.

Trong lúc cuộc cách mạng năm 1848 nổ bùng, Corot[31] đang hoạ trên bờ song Seine nhưng vì quá chăm chú vào công việc của ông làm nên không hay biết gì về đến những việc khốc liệt đã xảy ra chung quanh. Người ta bắn nhau, đạn sung ví vút bên tai ông, thế mà ông không nghe thấy gì cả. Sau đó vài ngày, ông ta nói với các bạn ông: "Lạ nhỉ, tôi không thấy vui Louis Philippe!".

Các bạn nói:

Nầy ông Corot ơi! Ông không hay có cách mạng sao?

Ủa! Lại cũng có bọn người bất mãn nữa sao?

"Chỉ làm một việc thôi, và làm cho tận tình." Ta phải bắt chước theo tinh thần của con cá măng (brochet). Con cá nầy, khi nó đuổi theo một con mồi nào, thì dẫu có gặp con mồi khác dễ bắt hơn, nó cũng bỏ qua, và chỉ theo cho kỳ được con mồi của nó thôi. Đối với tinh thần ta cũng thế. Sự chú ý cần phải có một mục đích rõ rệt, bởi nếu ta phân chia nó ra, tinh thần ta sẽ tản mát, huỷ hoại.

Jules Payot nói: "Khi tôi trách cứ bà quản gia trường cơ phạm về những sơ sót của bà, thì bà thú nhận một cách tuyệt vọng rằng bà không biết làm thế nào thấy được công việc của bà thiếu sót chỗ nào. Thảy đều xoay chung quanh bà như cái chong chóng làm cho bà quáng cả mắt. Tôi bèn khuyên bà: "Làm việc nào thì làm một việc thôi và làm cho xong tất." Ngày thứ hai chỉ xem xét rầm nhà, và đừng để ý tới việc gì khác cả; qua ngày thứ ba, hãy quan sát qua trần nhà; một ngày khác để ý đến vách phên, qua ngày khác nữa kiểm điểm những vật treo trên vách, v.v… Bà ấy về sau thú thật với tôi rằng công việc của bà bấy giờ không có gì khó khăn nữa cả, mà bà cũng không hề để có việc gì sơ sót mà phải bị quở nữa."[32]

Muốn rõ sự chú ý là trọng yếu như thế nào, ta thử so sánh một người đãng trí, không đủ sức tư tưởng

liên tiếp với một người tinh thần tập trung một cách dễ dàng, ta sẽ thấy người sau nầy:

biết quan sát, và thấy được nhiều điều mà người trước không thể thấy được;

biết tiêu dụng những điều họ nghe, thấy, đọc, và họ biết giữ lại những điều ấy trong trí nhớ. Thành ra họ có nhiều sự hiểu biết; kinh nghiệm, tài năng, giá trị họ nhân đó càng ngày càng thêm.

biết suy nghĩ. Họ biết suy đoán nhiều việc mà kẻ vô ý không dè. Bởi vậy, sự quyết đoán của họ đúng đắn, họ có thể điều khiển kẻ khác.

biết quan sát, biết so sánh, biết phê bình, nên họ có rất nhiều ý kiến hay có thể đem ra thực hành được. Họ có thể tạo ra nhiều phương pháp, nhiều lý thuyết, nhiều công việc, nhiều máy móc…, tóm lại họ là một người trên thiên hạ.[33]

Chú ý là một tư chất cần yếu của tinh thần để tiến hoá một cách chắc chắn và đạt đến chỗ hoàn toàn không sai chạy… "Thiên tài chỉ là một sự kiên nhẫn lâu dài, (le génie n'est qu'une longue patience), - kiên nhẫn đeo đuổi mãi một ý nghĩ, một việc làm cho kỳ được mới thôi."[34]

"Darwin hai mươi năm hoài bão quyển "Chủng loại khởi nguyên" (De l'Origine des Espèces). Sớm mai, ông làm việc từ 8 giờ đến 9 giờ rưỡi, từ 10 giờ rưỡi đến 12 giờ trưa. Hoặc chiều, từ 4 giờ rưỡi đến 5 giờ rưỡi, nhưng không phải luôn luôn như vậy,, vì đó là một công việc làm thêm. Tuy làm việc rất ít, mà hễ làm thì ông làm một cách hoàn toàn, đem cả tâm trí chuyên chú vào đó và không khi nào ông làm một việc gì mà cần phải làm lại một lần thứ nhì nữa.[35] Bạn thân ông là một nhà địa chất học trứ danh Lyell cũng chỉ làm việc có hai giờ liên tiếp thôi. Herbert Spencer, người bạn đồng hương với ông, có một sức khỏe rất tồi tệ, ông nầy không đủ sức "tập trung tư tưởng" lâu được, thần kinh hệ của ông rất suy nhược. Làm việc liên tiếp ba giờ thì ông không thể đọc được một quyển tiểu thuyết nữa, ông đã đuối sức rồi. Thế mà vì khéo biết tập trung tinh lực vào một công việc sưu tầm của ông thôi, mà sau cùng ông để lại cho đời một công trình bất hủ hết sức to tát.[36]

Emile Zola, một tiểu thuyết gia trứ danh nước Pháp, trước tác sách vở rất nhiều, những cũng chỉ một ngày làm việc ba giờ đồng hồ thôi. Sự chú ý của ông nầy cũng thật là đáo để. Hễ một khi ông chuyên chú vào những vật nào ông muốn quan sát, ông đi ngoài đường gặp những bạn thân của ông, ông cũng không nhìn ra. Khi ông chuyên tâm để ý làm bộ sách nào, thì ngoài vấn đề ông đeo đuổi, ông không còn biết có cái gì nữa. Ông chỉ biết có những cái chỉ quan hệ đến việc ông đang sưu tầm thôi. Ở tại hội Văn Đoàn mà ông làm Chánh hội trưởng, ông phải mất có trên ba tháng để thuộc tên hai mươi bốn người cộng tác với ông mà ông hằng kêu tên khi nhóm hội.[37]

Bất kỳ là làm việc gì, "chuyên tâm chú ý" là then chốt của thành công.

Trọng Ni đi qua nước Sở, vừa ra khỏi rừng, thấy một người tật bướu bắt ve bằng một cây sào dài, rất lẹ và chắc chắn cũng như nó bắt bằng tay vậy.

Trọng Ni nói với người ấy: "Anh thật là tài, xin cho tôi biết cái thuật của anh."

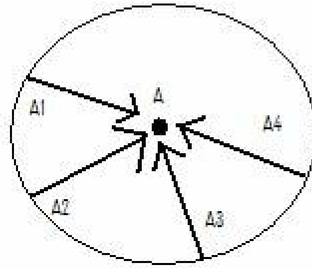
Tên tật bướu nói: "Thuật của tôi là đây: Trong năm, sáu tháng, tôi tập để viên đạn đứng thăng bằng trên ngọn sào của tôi, mà không hề rớt. Khi tôi để đứng đặng hai viên, thì ít con ve nào thoát khỏi tôi. Khi tôi để đứng đặng ba viên, thì mười con trật có một mà thôi. Khi tôi để đứng đặng năm viên, tôi không hề trật một con nào hết. Cái thuật của tôi là qui hết tinh thần của tôi vào chỗ chí hướng mà tôi mong đạt đó. Tôi trị cái tay tôi, cả thân thể tôi cho đến chừng nào nó thành một khúc gỗ, không còn biết cảm động, không còn xao lãng nữa. Tuy Trời Đất là lớn, vạn vật là nhiều, nhưng tôi chỉ thấy có

con ve mà tôi muốn bắt đó thôi. Không chỉ làm cho tôi xao lãng ngoài cái ý của tôi muốn đó, con ve làm gì thoát khỏi tay tôi”.[38]

A. CỐ CHẤP

Đừng hiểu lầm rằng chú ý vào một việc là cố chấp, đem cả tinh thần tư tưởng ta chết khư vào việc ấy. Chú ý và định kiến là hai điều khác nhau xa. Tinh thần tư tưởng ta vẫn hoạt động tự do đủ mọi phương diện nhưng không cho lạc ra khỏi ngoài vấn đề của ta định tìm kiếm đó thôi.

Ta thử vẽ một cái đồ hình (diagramme) là dễ nhận.



Điểm A là trung tâm điểm, chỉ vấn đề ta đang trù nghĩ. Ví dụ vấn đề đó là vấn đề lập một cái nhà in. Làm thế nào lập một cái nhà in? Đó là điểm A. Ta bắt qua nghĩ đến cách mua chữ, mua máy, mua giấy, mua mực, mướn nhà, mướn thợ. Số bạc cả thảy là bao nhiêu mới đủ, và phải dự định một số bạc là bao nhiêu để phòng khi thiếu hụt. Số bạc ấy làm sao mà có? Đó là những điểm A^1, A^2, A^3, A^4 vân vân. Bao nhiêu vấn đề ấy đều qui vào một việc “lập một cái nhà in”Tuy mỗi việc mỗi khác, nhưng đều đi vào một mục đích. Đó là tinh thần tập trung, không phải là một định kiến.

Nền tảng của sự tập trung tinh thần

Theo các nhà tâm lý học, sự chú ý có thể chia làm 2 thứ:

Chú ý tự nhiên (spontannée) và
Chú ý cố tâm (volontaire).[39]

Gọi là tự nhiên, khi nào không phải định trước, nhưng vì sự ngẫu nhiên làm cho mình để ý tới. Ví như khi ta đang đi, thình lình thấy trước mặt có một người bị nạn. Ta để ý đến. Đó là chú ý tự nhiên.

Nhưng, nếu sau khi đó, nhân muốn tìm hiểu vì đâu xảy ra tai nạn, và tai nạn ấy nặng nhẹ thế nào, ta để ý lại một lần nữa. Đó là chú ý cố tâm.

Chú ý tự nhiên thì không còn phải dụng ý chí: còn chú ý cố tâm thì cần phải dụng ý chí. Một đằng thì tự mình để cho ngoại vật lôi cuốn, tự mình bị ảnh hưởng của hoàn cảnh. Một dằng thì tự mình điều khiển lấy hoàn cảnh, tự mình làm chủ lấy sự chú ý của mình.

Ở đây, chỉ bàn đến chú ý cố tâm thôi, vì chỉ có nó là có thể giúp ta trong con đường tiến bộ của Trí thức. Bởi vậy, từ đây hễ nói đến sự chú ý, là chỉ về cố tâm chú ý mà thôi.

Chú ý, nhờ đâu mà được mạnh mẽ và lâu bền? Nhờ ba nguyên động lực sau nầy:

1. Hứng thú

Người ta thường sỡ dĩ để ý đến một điều gì là nhờ nó gợi cho ta một hứng thú. Tỉ như chơi cờ. Lúc ban đầu nhân muốn bắt chước theo mọi người chung quanh mà chơi, nên rang để ý mà học. Sau, lần lần lại thấy có hứng thú. Nhờ mê nó, nên ta mới chú ý đến nó một cách đặc biệt không biết mỏi.

Dẫu rằng lúc đầu nhờ chú ý mà gây được sự hứng thú, nhưng về sau, thì chính nhờ nơi sự hứng thú, nó nuôi dưỡng cho sự chú ý của ta được bền bỉ, được mạnh mẽ.

Vậy, muốn cho ta chú ý được lâu dài, cần phải có một hứng thú gì để dùng làm nguyên động lực mới được. Làm một việc gì mà mình ham thích, thì dầu có vất vả bao nhiêu cũng không cho là cực. Sự hứng thú ta được dồi dào bao nhiêu, thì sự chú ý của ta càng mạnh mẽ bấy nhiêu.

Hứng thú có nhiều loại, đại khái có bốn thứ: sự tò mò, sự lợi ích, sự cần thiết, và sự nguy hiểm.

Sự tò mò: Chú ý thường có thể là vì một sự tò mò. Không có óc tò mò, thì ta đâu có chịu khó để tâm dò xét, nghiên cứu, tìm tòi. Nhưng ta sỡ dĩ tò mò, tìm kiếm một điều gì, là nhân ta đã có sẵn cái ý ấy trong đầu, mà ta định tìm cho ra cái lý của nó. Những cái ý sẵn đó, nhà khoa học thường gọi là ức thuyết. Vì óc tò mò mà nhà khoa học cặm cụi năm nầy qua năm kia để tìm những bằng cớ chứng nhận những ức thuyết của họ về một vấn đề gì. Thỉnh thoảng ta cũng nên có những lối “ức thuyết” ấy để làm nguyên động lực cho một cuộc tham cứu nào hay một công việc làm nào. Nó giúp cho đời ta được mới mẻ, rộng rãi hơn, thanh thản hơn.

Sự lợi ích: Chú ý có khi cũng là một sự lợi ích. Theo lệ thường, người ta sỡ dĩ chú ý đến người, vật hay những hoàn cảnh nào là vì người, vật, hoàn cảnh ấy có quan hệ, có lợi ích đến công ăn việc làm của ta hoặc nhiều hoặc ít. Lợi ích làm hưng khởi sự chú ý của ta. Cho nên, vật mà ta để ý nếu lợi ích cho ta nhiều chừng nào, thì ta càng chuyên tâm chú ý đến nó chừng nấy.

Vậy, cử chỉ hay nhứt để giúp cho sự chú ý của ta mạnh mẽ, lâu dài, là phải biết tính cho những điều ta thấy hay nghe sẽ có lợi ích cho ta sau nầy, chỉ hoặc sớm hoặc muộn mà thôi. Nếu ta nghi nó không có ích gì cho ta cả, thì sự chú ý của ta không thể nào đứng vững nữa được.

Sự cần thiết: Ta cần phải để ý chuyên tâm đến những cái chi quan hệ với nghề nghiệp ta, nếu ta muốn được sành sõi hơn. Sự chú ý của ta, cố nhiên là phải luôn luôn hoạt bát mới mong giúp ta thấy được những chỗ ta còn thiếu sót trong nghề nghiệp của ta hoặc để tìm phương sửa đổi lại, hoặc để cho công việc được hoàn toàn hơn. Đó là vì sự cần thiết cho nghề nghiệp mà ta chú ý được mạnh mẽ và lâu dài. Bất kỳ là ở vào một địa vị nào, nếu muốn cho nghề nghiệp mình được tinh vi hơn, đều phải cần chuyên tâm để ý đến những công việc mình làm. Hoặc vì sự cần thiết bắt buộc ta phải biết thêm một tiếng ngoại quốc nào. Bấy giờ,ta mới chịu để ý và chuyên tâm tận tuỵ học cho kì được thứ tiếng ấy. Tỉ như phần đông người mình bây giờ, tự thấy nếu không biết chữ Hán thì văn chương khó mà đi được tới chỗ tinh vi.

Cho nên học chữ Hán đối với họ là một sự cần thiết rất khẩn cấp. Bấy giờ họ mới chịu để tâm nghiên cứu và học hỏi Hán tự, dẫu phải tốn nhiều công phu cũng mặc. Đó là vì sự cần thiết mà sự chú ý của ta mới được mạnh mẽ về lâu dài.

Sự nguy hiểm: Những khi ở trong một hoàn cảnh nguy hiểm, sự chú ý của ta lại có phần mãnh liệt hơn tất cả những khi khác. Vì, hễ sơ ý một chút, là nguy cả tính mạng mình vậy. Chẳng phải chỉ có lên núi cao, hay khi cầm tay bánh xe hơi, mới cần phải chú ý nhiều thôi; những lúc đi ngang qua lộ, gặp xe lên xuống dập dìu, hoặc những khi đi chơi ngoài đường phố, ta cung phải hết lòng cẩn thận mới đặng, vì tai nạn rình rập mãi bên ta, sơ ý một chút là nó chụp vào ta trong nháy mắt. Trước sự nguy hiểm, ta

cần phải dụng tâm chú ý một cách gắt gao mới đặng. Hằng ngày, nhân vì phải lo tránh đỡ tai nạn ngoài đường mà sự chú ý của ta được sắc sảo và mạnh mẽ thêm nhiều. Tránh sự nguy hiểm về xe cộ ngoài đường là một lối điêu luyện sự chú ý rất hay. Bởi vậy, những kẻ ở thành thị đông đúc như người ở Sài Gòn – Chợ Lớn, thường có tính hoạt bát hơn kẻ ở đồng vườn, cái đó không có gì là lạ. Tập võ, tập đánh kiếm là những môn thể thao giúp cho tinh thần ta được tập trung một cách mạnh mẽ và giai dẻo như vậy.

2. Thói quen

Ngạn ngữ có câu: "Có rèn, mới trở nên anh thợ rèn." Cũng như có quan sát thường mới trở nên một nhà quan sát giỏi. Nói về sự tập trung tinh thần cũng vậy. Chỉ có những kẻ thường đeo đuổi theo những cái học cần phải dùng đến sự chú ý nhiều, mới có thể tập trung tinh thần mình vào bất kỳ là vấn đề nào thuộc về trí thức mà thôi.

Trái lại, những kẻ làm việc như cái máy, ít khi phải dùng đến sự chú ý, thì không bao giờ để ý lâu được bất kỳ là về một vấn đề trí thức rất thô sơ nào.

Những việc mà ta thường hay bỏ lảng, phần nhiều là những việc ta làm mà không thích. Nhưng nếu cứ làm đi làm lại mãi, rồi thì với thói quen, lần lần ta cũng thấy thú vị. Tuy trước không thích, nhưng quen rồi, thì việc gì cũng trở nên hứng thú được. Nhiều kẻ vì mục đích sinh nhai mà phải làm một nghề mình không thích. Nhưng lâu năm chầy tháng thói quen làm cho họ lại thích nghề ấy. Có thấy được hứng thú, thì công việc bấy giờ sẽ trở nên dễ dàng, sự chú ý đối với nghề nghiệp càng ngày càng tinh thêm.

3. Ý chí

Những kẻ có ý chí mạnh không cần lấy hứng thú và thói quen làm động lực cho sự chú ý của mình. Chỉ có một sự muốn của họ là đủ. Hễ nhứt định phải học, thì họ học, học cho kỳ được mới thôi. Đây là một lối chú ý cao nhất, phần nhiều thuộc về hạng trên thiên hạ mới làm được. Trước cũng nhờ có hứng thú, hoặc nhờ có thói quen mà đã tập được cách chú ý mạnh mẽ và lâu bền, nên rồi họ có được cái ý chí mãnh liệt như thế. Bất kỳ là thuộc về một vấn đề nào, hễ muốn chú ý đến, thì họ chú ý một cách dễ dàng. Dùng được lối chú ý nầy, thì trí lực con người sẽ tiến hoá mau lẹ vô cùng.

B. NHỮNG LỢI ÍCH CỦA SỰ TẬP TRUNG TƯ TƯỞNG

Qui nhứt tinh thần

Tập trung tư tưởng giúp cho các quan năng của tinh thần được hội hiệp lại một cách điều hoà, nhân đó, được mạnh mẽ thêm lên. Thật vậy, trong lúc ta chú ý để quan sát một điều gì, thì cả trí nhớ, trí tư tưởng, trí suy luận cùng hợp lại làm việc với nhau một cách rất mật thiết. Vừa quan sát vừa nhớ lại những cái chi đã có thấy, có nghe, có biết để so sánh, vừa phân biệt được chỗ đồng chỗ dị, vừa tin tưởng đến những sau nầy của nó, vừa suy luận và phê bình công bằng.

Thâu được nhiều tài liệu chính xác

Tập trung tư tưởng giúp cho ta thấy được nhiều phương diện mà với con mắt thường không thể thấy được. Ta chỉ nhận thức được rõ rang những điều ta đã để ý mà thôi.

Tránh được những sơ sót về văn tự

Thường trong những văn tự, như khế ước, giấy nợ, v.v.., một chút sơ sót đủ hại cả một sự nghiệp của ta. Vậy phải biết để ý dò xét từng phương diện, cân nhắc từng câu văn, đừng cẩu thả, vội vàng… Phải để cho mình đủ thời giờ suy nghĩ, đừng để ai bắt buộc ký tên gấp.

Tăng tiến trí nhớ

Ta có thể quả quyết rằng: “*Không chú ý thì không nhớ lâu được cái gì cả.*” Càng chú ý nhiều chừng nào thì sự nhớ của ta càng được rõ rang và bền bỉ chừng nấy.

Giúp cho óc phát mình sáng tạo

Người ta thường tin rằng nhờ sự ngẫu nhiên mà các bực thiên tài phát minh một điều gì. Sự thật không phải thế. Ít khi thấy được người có những tư tưởng kỳ đặc, mới mẻ, về những vấn đề mà người đó chưa từng suy nghĩ và hiểu biết qua bao giờ. Thống soái Foch nói chốn chiến trường, sở dĩ ngộ được nhiều ý nghĩ rất mới lạ về chiến lược là nhờ ông rất sành về những vấn đề binh pháp. Bất kỳ là ở vào giới chuyên môn nào phải có biết nhiều, có để ý đến trăm ngàn chỗ vụn vặt của nghề, mới mong thấy được nhiều cái hay thêm mà kẻ khác không thể thấy được. Ta không bao giờ thấy một anh văn sĩ phát minh được cái gì thuộc về máy móc. Branly, nhà phát minh vô tuyến điện, trước kia là một nhà sành sõi về điện học. Pasteur, Curie, Edison… cũng một thế. Sự phát minh sáng tạo của họ không có ngoài chỗ sở trường của họ. Trừ ra những người như Denis Papin, còn nhỏ, và chưa phải là một nhà chuyên môn về một vấn đề nào, nhân sự ngẫu nhiên mà tìm ra sức mạnh của hơi nước. Nhưng biết đâu, trước kia, ông ta không có để ý nghĩ qua việc ấy. Dầu là một sự ngẫu nhiên đi nữa, chẳng qua là một vật lệ ngoại (exception), ta đừng mong mỏi đến những việc quá sức của con người.

C. TINH THẦN TẢN MÁT

Muốn tập trung tinh thần, cần phải lánh xa những nguyên nhân làm cho nó tản mát. Có biết dặng nguyên nhân, mới tìm đặng phương cứu giúp.

Đại khái, ta có thể chia những nguyên nhân nầy, làm hai phần rất phân biệt:

Nguyên nhân bên ngoài, và Nguyên nhân bên trong.

1. Nguyên nhân bên ngoài

Những nguyên nhân bên ngoài có thể, hoặc thuộc về những điều kiện vật chất, hoặc thuộc về những điều kiện chuyên môn và kinh tế.

Nhiều thứ bệnh về thần kinh thuộc về di truyền, hay tự mình gây lấy, có thể làm cho tinh thần mình không vững bền. Một sự đụng chạm nặng có khi làm cho đầu óc mình lơ đãng, không sức chú ý được lâu về vấn đề gì. Nhiều chứng thần kinh khiến cho mình trở nên quạu quọ, áy náy, nóng nảy, nhạy cảm; tinh thần mình vì đó bị xao xuyến, tản mát lộn xộn.

Công việc làm ngày nay phần nhiều làm cho người thợ thành như bộ máy: lối cử động không thay đổi. Hễ một khi đã quen tay rồi thì những cử động ấy thành như cái máy, tư tưởng không cần phải tham dự đến nữa. Lẽ cố nhiên là nó tha hồ lung tung lêu lổng.

2. Nguyên nhân bên trong

Tinh thần ta hay tản lạc, một phần rất lớn do nơi sự mất trung bình trong các quan năng của tinh thần.

Lại nữa, thiếu sự hứng thú, thiếu sự lợi ích thì mọi sự mọi vật đối với ta khó mà thâu tinh thần ta lại được, như ta đã thấy trước kia.[40]

Có nhiều kẻ, không phải lười biếng, hay bất tài, nhưng làm cái gì, họ cũng muốn cho mau rồi. Phần nhiều, họ bị hỏng việc là tại họ thiếu chí nhẫn nại.

Cũng có kẻ sỡ dĩ không chú ý được lâu bền về một vấn đề nào là tại họ hay ưu lự, lo lắng, nóng nảy.

Tinh thần khó tập trung được cũng tại ta ham đeo đuổi theo nhiều vấn đề một lượt. Thích làm tiền, lại cũng vừa thích nghiên cứu học hỏi, thích đánh cờ, thích đá banh… Tinh thần ta nhảy lung tung từ vấn đề này sang vấn đề kia, không được ở một chỗ nào cho vững bền lâu được. Cục đá mà lăn mãi thì sao đóng được rong rêu. Bao nhiêu tinh lực ta dồn vào đều không bổ ích cho ta được bao nhiêu cả.

Có nhiều người hễ học qua là nhớ liền, mà rồi họ quên cũng lẹ. Có kẻ suy nghĩ dễ dàng, nhưng không biết làm chủ lấy tư tưởng của mình, họ để tha hồ ý nghĩ họ lôi cuốn theo cái chiều lêu lổng của nó.

Những người vì quá tự đắc với cái óc quá sáng láng của mình, họ không chịu gia công suy nghĩ cho chính đính một việc gì cả. Họ có thể là một tia sáng giữa trời khuya, nhưng chỉ là một cái chớp nhoáng thôi. Họ có thể là một thiên tài và làm nên việc lớn, nhưng họ vẫn ở dưới cái thiên tài của họ luôn, bởi họ quá ỷ lại vào cái sức thông minh của họ, không chịu cố công chú ý vào một việc gì cho lâu được cả.

Lại cũng có nhiều người, - dường như không cần đắn đo suy nghĩ gì cả, vẫn cũng giải quyết được một cách mỹ mãn, bất cứ vấn đề gì, - là nhờ tinh thần họ rất hoạt bát. Họ không cần phải chú ý lâu làm gì cả. Quá hoạt bát cũng là một nguyên nhân làm cho ta ít dùng đên sự chú ý.

Tuy nhiên, nếu gặp phải những vấn đề quan trọng, ta cần phải biết thận trọng, dè dặt trong sự phán đoán; đừng ỷ tài ỷ tận mà không nên. Dẫu sao, biết “hưỡn đãi sự phán đoán của mình lại”[41] là phận sự đầu tiên của kẻ nào muốn tránh xa sự lạc lầm.

D. ĐIỀU KIỆN CỦA SỰ TẬP TRUNG TINH THẦN

1. Kiên nhẫn

Muốn ngừa sự tản mát của tinh thần, cần phải tập tánh kiên nhẫn. Những bậc vĩ nhân sỡ dĩ hơn được kẻ tầm thường là nhờ nơi sức tập trung bền bỉ của họ. Tuy nhiên, chú ý lâu vào một vấn đề gì, thường làm cho đầu óc ta mau mệt lắm, bởi vậy, không phải tất cả những bậc trên người đều làm được. Nhà số học và vật học trứ danh H. Poincaré không thể bao giờ chú ý lâu vào một vấn đề nào, ông cần phải thay đổi luôn ý nghĩ và công việc làm của ông. Nhưng, vấn đề nào ông đã để tâm suy nghĩ đến, ông không bao giờ bỏ qua cả. Ông đeo đuổi theo nó mãi suốt tháng nầy qua tháng kia, năm kia qua năm nọ. Ông làm như con ong lấy mật, thỉnh thoảng mà làm việc. Tuy chú ý không được lâu, nhưng đã chú ý thì ông để lực lượng của tinh thần ông vào đó một cách triệt để, ròi ông phó mặc cho tiềm thức của ông làm việc. Lâu ngày chầy tháng, sự hiểu biết của ông "mùi" bỗng phát tiết: yến sáng của chân lý hiện ra. Ông túm ngay nó, và nhân đó mà suy nghĩ ra thêm. Thật, "thiên tài chẳng qua là kiên nhẫn mà nên" vậy.

2. Cơ sở

Muốn chú ý về một việc gì, ta cần phải rành công việc ấy. Muốn chú ý quan sát về hoá học, cần phải có sẵn một cơ sở về hoá học. Bằng không, thì dẫu có tập trung cả tinh thần vào đó cũng không sao phát minh được cái gì mới mẻ cả. James Watt sỡ dĩ kế tiếp được công trình của Papin là nhờ ông rất sành khoa toán học và khoa máy móc.

Bất kỳ là thuộc về một giới nào: khoa học, triết học, văn học, mỹ thuật, hay chánh trị… nếu muốn cho sự chú ý của mình có kết quả, cần phải có một cơ sở chắc chắn về công việc của mình mong đeo đuổi đó.

3. Sức khỏe và hoàn cảnh

Chỉ khi nào trong mình khỏe khoắn, sự chú ý của ta mới được minh mẫn chắc chắn. Ảnh hưởng thể chất đến tinh thần thật là quan hệ.

Chỗ làm việc của ta cần phải có đủ không khí trong sạch và đừng bị phải có sự ồn ào, lộn xộn. Tạo được cho mình một hoàn cảnh êm lặng, thuận tiện được chừng nào càng hay chừng nấy, vì có được thế, thì ta tránh cho thần kinh ta nhiều mối kích động vô ích.

Đi bộ là một món thể dục rất đắc lực cho sự tập trung tư tưởng. Có nhiều người, khi phải suy nghĩ về một vấn đề gì quan hệ và khó khăn, họ chỉ đi lên đi xuống một hồi, thì đã có thể giải quyết được. Vì đi là một mối kích động khí huyết trong mình, giúp cho đầu óc ta linh hoạt lắm. Phần đông những người làm việc bằng trí đều công nhận như thế. Riêng phần tôi đã kinh nghiệm, mỗi một khi tôi cần phải suy nghĩ về một vấn đề gì, tôi bỏ túi một tập giấy nhỏ và một cây bút máy, rồi thì đi bách bộ vào vườn bách thú trong một vài giờ, là vấn đề đó hiện ra một cách rõ ràng khúc chiết.[42]

Về vấn đề tiêu hoá, ta cũng nên để ý. Máu rất cần cho sự tiêu hoá sau khi ăn cơm, nên bộ óc ta kém nó trong một lúc. Nếu trong lúc ấy lại còn làm việc bằng trí thì thật là nhọc mệt cho bộ óc ta vô cùng, lại rất có hại cho sự tiêu hoá, điều kiện đầu tiên của sức khỏe. Vậy ta cần phải nghỉ ngơi một lúc, hoặc sắp đặt lại giấy tờ sách vở cho có thứ tự hoặc làm một công việc gì bằng tay (bào vách ván, sửa máy, v.v.) Những công việc ấy làm vừa vừa, đừng ráng sức, rất có ích cho thể chất hoạt động điều hoà với tinh thần.

4. Kỷ luật và phương pháp

Muốn cho tinh thần tập trung được một cách dễ dàng phải cho nó hoạt động theo một kỷ luật, nghĩa là theo một phương pháp rõ rệt. Như đã nói ở trước về phương pháp quan sát, bất kỳ là làm một công việc gì, ta phải thảo sẵn một bản đồ, do theo đó mà thi hành.

Được vậy, tinh thần tư tưởng ta không bị phải sự tản mát bậy bạ, sa đà phóng túng. Một thầy thuốc, khám bệnh có trật tự theo một bản đồ định sẵn, thì làm sao có điều sơ sót được. Ông biết bỏ qua những cái không đáng để ý và chỉ chuyên chú vào những chỗ phải để ý mà thôi. Tinh thần ông không bị lơ đãng vì một lẽ gì ngoài sự ông cần phải biết cả.

5. Chỉ làm một việc thôi

Có nhiều người trong khi chú ý quan sát một vấn đề gì thoạt gặp vấn đề khác hay ho hoặc ngộ hơn, liền bỏ ngay vấn đề ấy mà đeo đuổi theo cái mới. Họ quên mất vấn đề họ đang nghiên cứu, họ không làm chủ được sự chú ý của họ. Phải bắt chước theo tinh thần của con cá măng (brochet) đã nói trước kia: con cá nầy hễ một khi rượt theo một con mồi, thì dẫu có gặp được con mồi nào khác dễ bắt hơn, nó cũng không thèm để ý đến, và chỉ bắt cho kỳ được con mồi nó đang đuổi mới thôi.

Phải tập cho có được một tinh thần qui nhứt. Những khi đọc sách gặp phải một chữ khó, cần phải tra tự điển thì phải biết chỉ kiếm cho được chữ ấy mà thôi. Trong khi lật tự điển, đừng để lôi cuốn đọc những chữ khác, làm phí cả thời giờ, mà lại tản mát tinh thần ra ngoài cái đề ta đang đọc. Trước kia tôi có tật ấy: mỗi khi tìm tự điển, hoặc tìm quyển sách nào trong tủ sách, tôi hay bị lôi cuốn dòm ngó những chữ khác hoặc những sách khác thuộc về những vấn đề không ăn vào công việc tôi đang tìm. Thật là phí lãng thời giờ vô ích, lại làm giảm sức chú ý của tôi rất nhiều. Bấy giờ tôi nhứt định sửa đổi cái cố tật ấy… Lâu ngày, rồi lại thành thói quen, không thấy bị lôi cuốn sa đà như trước nữa. Trừ một cố tật, không phải là dễ. Cần phải nhiều nghị lực, nhứt là nhiều hi sinh mới được. “Phải làm như con ong hút mật, đừng bắt chước theo con bướm giỡn hoa.”[43]

6. Tạo hứng thú

Như trước kia đã nói: Có hứng thú thì sự chú ý của ta mới được mạnh mẽ và lâu dài. Nhưng, có nhiều việc làm đối với ta không có chút gì quyến rũ cả. Vậy muốn buộc mình chú ý đến nó, cần phải tạo cho nó một hứng thú. Tỉ như học thuốc. Nếu tự mình thích riêng nó thì chẳng nói làm gì. Nếu vì nghề nghiệp mà học nó, đối với nó không chút gì hứng thú cả, thì hãy tưởng tượng đến những điều lợi ích của nó sẽ đem đến cho ta sau này. Phải tưởng tượng một cách rõ rệt, không phải chỉ nghĩ sơ qua mà thôi đâu. Thấy mình có tài Biển Thước Hoa Đà, cứu tử hườn sanh thiên hạ, đi đến đâu, người người đều hớn hở vui mừng như gặp đấng cứ thế vậy… Phải sống trong cái tưởng tượng đó, sống một cách mỹ mãn, hạnh phúc. Tức khắc ta thấy học thuốc là một hứng thú, không còn phải là một khổ nhọc nữa.

7. Thói quen

"Có rèn mãi mới thành anh thợ rèn", có quan sát hằng ngày mới trở nên nhà quan sát. Tập cái chi lâu ngày, rồi thì nó thành thói quen, không thấy gì miễn cưỡng nữa cả. Đến khi làm mà không cần để ý đến cũng làm được một cách dễ dàng, đó là hành động hoàn hảo.

Tập chú ý cũng vậy. Lúc ban đầu, còn cố gắng. Lâu ngày, thành thói quen. Bất kỳ là việc gì, hễ để ý đến thì không cần phải gắng công nhiều, cũng như chú ý được một cách mạnh mẽ và bền bỉ. Tỉ như: Tập đi xe máy, hoặc tập đánh máy chữ. Ban đầu thì còn phải chú ý từ cử động của mình, nhưng lâu ngày thành thói quen, ta không cần để ý đến nữa mà công việc ta làm vẫn hoàn toàn hơn lúc ban đầu còn đang phải dụng tâm để ý.

Ta thường kính phục những bực vĩ nhân, vì thấy họ có một tinh thần tập trung phi thường và rất dễ dàng, ta lại cho đó là một thiên tư có sẵn của trời ban cho. Không phải như vậy. Họ sỡ dĩ được thế là nhờ hằng ngày gia công luyện tập mà thành thói quen thôi. Khổng Tử há không có nói: "Ngã phi sinh nhi tri chi giả dã, hiếu cổ, mẫn dĩ cầu chi giả dã." (Ta không phải là người sinh ra đã biết, chỉ là người thích đạo thánh hiền đời trước, cố sức mà cầu lấy được.)[44] "Thiên tài chẳng qua là kiên nhẫn mà nên" tưởng nhắc lại một lần nữa cũng không thừa.

Thói quen giúp cho ta cần kiệm rất nhiều tinh lực. Thử tưởng tương mỗi khi nói ra một câu nào cũng đều phải để ý đến văn phạm, thì chỉ trong một giờ nói chuyện đủ thấy ta mệt nhoài cả người. Nếu phải mải bận nghĩ đến qui luật của từng câu từng chữ, ta đâu còn sức nghĩ đến ý nghĩ và công chuyện của mình nữa. Titchener nói: "Một công việc làm có được vô tâm như bộ máy, thì tinh thần mới được tự do nghĩ đến công việc sáng tạo khác."

E. CÁCH LÀM CHO TINH THẦN ĐƯỢC TẬP TRUNG MỘT CÁCH ĐẦY ĐỦ

Muốn cho tinh thần được tập trung một cách đầy đủ phải làm sao? Ta nên luyện năm cách chú ý sau đây:

Quan sát
Đồng hoá
Thi hành
Suy nghĩ
Kiến thiết

1. Quan Sát

Quan sát là một cách để tập chú ý, vì không chú ý thì không quan sát được cái gì cả. Phần nầy, đã nói ở chương trước, không cần nói lại đây nữa.

2. Đồng hoá

Lối chú ý nầy, chỉ có được những khi nào ta đọc sách một cách kỹ lưỡng, hơn nữa, khi ta học hỏi, tìm hiểu, hoặc ráng nhớ một việc gì. Trong khi đó, ta đã đem cả tinh thần ý chí sát nhập vào công việc ta đang làm. Dưới đây phân ra làm ba phương pháp tập luyện: đọc sách, nghe diễn thuyết, nghiên cứu hay giải quyết một vấn đề nào.

1. Đọc sách

Hãy tập đọc, đọc để tóm lại một cách vắn tắt nhưng đầy đủ một bài báo nào hay một chương nào trong một quyển sách, hoặc cả một quyển sách nào nho nhỏ cũng được.

Mỗi một đoạn sách hãy tóm tắt lại và cho nó một đầu đề.

Mỗi một bài, tóm lại và cho nó một cái tựa.

Không phải chỉ tập một vài lần thôi. Phải tập hằng ngày, hoặc hễ gặp được cơ hội thì đừng bỏ qua cách tập luyện nầy.

Đọc sách có hai chức vụ khác nhau là: đọc chữ và hiểu nghĩa.

Ta nên để ý điều này: tuy có đọc được chữ mới có hiểu được nghĩa, nhưng không phải luôn luôn hễ có đọc là có hiểu.

Hoặc vì đọc thì lẹ, mà hiểu thì chậm, cho nên phải đọc nhiều lần mới hiểu được. Hoặc vì vấn đề mình đọc không có hứng thú gì cả, hoặc mình không quen với nó, hoặc mình đang bận nghĩ một việc gì khác quan hệ hơn. Vì vậy, đọc và hiểu, hai con đường ấy không gặp nhau được. Phải làm cho chúng nó hiệp nhau luôn luôn, đó là trách nhiệm của chú ý. Muốn tránh sự phung phi vô ích tinh thần và thời giờ, ta nên nhớ mấy lời khuyên dưới đây.

Đừng mang lấy cái tật “đọc mà không hiểu”: mỗi khi nào ta bắt gặp ta đang làm như vậy, hãy ngưng liền ngay. Đừng để vương phải một thói xấu, về sau khó trừ.

Đọc sách một cách tích cực, nghĩa là vận dụng cả tinh thần quan sát, phê bình. Hãy nghiền ngẫm cái tựa của từng chương và tự hỏi trong đó tác giả sẽ nói những gì? Đó là cách kích động tánh tò mò của mình, tạo cho mình thêm một hứng thú. Trong khi đọc sách, mình nên giữ vai chủ động, đừng hoàn toàn thủ vai thụ động.

Đem những sự hiểu biết của ta so sánh với những điều ta đang đọc. Tìm những chỗ đồng dị.

Thỉnh thoảng, tóm tắt lại những điều mình đã đọc, để xem thử sức chú ý của ta đến ngần nào. Dùng viết chì màu gạch những chữ đại khái để làm mục điểm (points de repère) cho công việc này.

Mỗi ngày, tập đọc một vài trang sách chữ ngoại quốc (chữ Anh hay chữ Hán, v.v…) để buộc mình phải đọc chậm và cân nhắc từng nghĩa của câu văn hay của từng chữ.

Đem câu văn tác giả mà đồng hoá với câu văn của mình: Đọc một câu hay vài câu sách, rồi thuật lại liền, không phải để tập trí nhớ mà là để tập đồng hoá câu văn của tác giả. Không bao lâu ta sẽ thấy đọc sách dễ dàng vì ta đã quen với câu văn của tác giả.

Đọc mỗi câu, phải tưởng tượng ra hình thức rõ ràng theo cái ý nghĩa của câu đó. Phần nầy sẽ nói ở một chương riêng về trí tưởng tượng sau nầy.

2. Nghe diễn thuyết

Nghe một câu chuyện, một cuộc diễn thuyết, hay một bài học nào cũng cần phải có phương pháp như cách đọc sách ở trên.

Nhiều khi trong khi ngồi nghe một câu chuyện, mặc dầu câu chuyện ấy đối với ta không có gì khó khăn, trong một lúc lâu ta thấy ta lo ra, *đầu óc vẩn vơ đâu đâu ngoài ngàn dặm*. Ta chỉ nghe mà không hiểu gì nữa cả. Vậy phải làm cách nào trừ cái tật ấy, vì nó có nhiều kết quả không hay cho mình?

1. Trong khi nghe, phải ráng nghe một cách tích cực, nghĩa là giữ vai chủ động; sau khi nghe một hồi, hãy tóm tắt lại trong trí từng đoạn những điều mình đã nghe; nếu hiểu không kịp, hãy chận lại và bằng một câu hỏi khôn khéo bắt người ta lặp lại cho mình nghe. Phải lánh xa cái tật nghe mà không hiểu. Nếu người nói chuyện cùng mình hay lặp đi lặp lại kể lể dài dòng quá, thì đừng ngại gì yêu cầu họ nói tắt một lời những điều họ muốn nói (cố nhiên là bằng một cách khéo léo). Nên độ trước trong trí những điều họ sẽ nói nếu mình ở vào địa vị của họ, ta sẽ thấy nhiều cái bất ngờ rất hứng thú. Trong khi nghe thuật chuyện, ta cũng nên nhân cơ hội thỉnh thoảng xen vào một vài câu hỏi để tăng sự chú ý.
2. Nhại lại trong trí những điều mình nghe nói.
3. Quan sát bộ điệu của người nói chuyện với mình. Ta nên nhớ rằng: bộ điệu giúp cho ta hiểu ý nghĩ kẻ khác không kém gì lời nói của họ. Nghe nói chuyện mà thấy luôn bộ điệu, dễ cho mình hiểu ý người ta hơn là nghe mà không thấy họ, vì "điệu bộ cũng là một cách nói".

Nghe diễn thuyết hay nghe giảng một bài học gì cũng vậy, đừng đóng vai trò thụ động, hãy:

1. Ghi trên một quyển sổ nhỏ, những đặc sắc cốt yếu.
2. Hoặc nếu không thể ghi bằng bút, thì ráng lập một bản khái lược bài diễn văn trong trí. Trong khi diễn giả nói tới đâu, phải để ý đến những yếu điểm đã nói rồi, và dò xét chỗ liên lạc khúc trước với khúc sau.
3. Hãy nghiền ngẫm trước cái đầu đề bài diễn văn, và nếu có thể soạn trước một bài trong đó biên rành rẽ những chi tiết, những ý nghĩ riêng của mình đối với vấn đề cuộc diễn thuyết mà mình sắp đi nghe đây. Trong khi nghe, để ý xem coi chỗ đồng dị của ý tưởng mình và ý nghĩ của diễn giả. Được vậy, thì khó mà lo ra, vì đó là một cuộc đối chọi rất lý thú.

3. Nghiên cứu, hay giải quyết một vấn đề nào

Nghiên cứu hay giải quyết một vấn đề nào, phải biết tránh hai nhược điểm nầy:

1. Thiếu kiên nhẫn;
2. Không biết hạn định vấn đề.

Thiếu kiên nhẫn là tại: hoặc vì vấn đề ấy đối với mình không được hứng thú, thì hãy tạo cho nó một hứng thú riêng như đã nói trước kia; hoặc vì mệt nhọc, thì hãy dành cho nó một thời gian khá rộng để giải quyết. Những phán đoán hối hả hãy nên lánh xa nếu mình muốn đừng có điều hối hận.

Không biết hạn định vấn đề, làm cho sự giải quyết thêm phiền phức hỗn độn. Phải biết lược bỏ tất cả cái chi ở ngoài vấn đề mình đang đeo đuổi. Tỉ như, nhà phát minh máy bay đầu tiên, họ phải buộc mình rút lại tất cả vấn đề trong một yếu điểm nầy, là "thắng cho được cái sức nặng" mà thôi. Ngoài ra những ý nghĩ gì khác, ông ta đều xua đuổi không choc hen vào trí thức. Máy ấy của ông ta sau nầy sẽ sơn màu gì, cái vỏ phải làm theo kiểu gì, sẽ chở được bao nhiêu người, và phải đặt nó tên là gì… toàn là những ý nghĩ không cần thiết cho ông ta bây giờ, đều phải vứt ra ngoài trí thức cả. Đó là những vấn đề mà ông sẽ nghĩ đến sau nầy thôi.

Nói thấp xuống một từng, nếu ta là người đi làm công cho một hãng nào, trước hết nên tự hỏi những câu sau nầy và tìm thế nào tự trả lời một cách quả quyết và rõ ràng, cũng là một phương pháp tập sự chú ý rất hay. Thế nào người thợ như thế cũng sẽ đứng trên những kẻ đồng bối.

Nhà buôn dùng mình đây, mục đích họ làm gì? Họ mua những vật chi, và bán những vật chi? Cách trả tiền như thế nào?

Trong khoảng mua vô và bán ra, họ làm những gì? Mua đi bán lại, hay mua về chế biến ra cách khác rồi sẽ bán?

Làm vậy họ phải tổ chức như thế nào? Dùng bao nhiêu sở phụ? Có mấy chi nhánh? Những sở phụ ở đâu?

Mình cần phải biết những cái chi để làm trong các sở phụ?

Trong sở mình làm, mình sẽ giữ địa vị gì? Ích lợi và quan hệ như thế nào? Công việc mình làm có chỗ gì đặc biệt không?

Mình làm cách nào để trau giồi phương pháp làm việc của mình cho có kết quả?

Đối với những hãng hay sở tương tự như hãng hay sở của mình đang làm, hãng của mình đứng về địa vị quan hệ như thế nào? Đối với toàn thể cả thành? Cả một phương trời?

Hãng của mình làm phải chịu dưới quyền của một cơ sở nào khác? Mua đồ ở đâu về? Bán ra cho ai, cho xứ nào?

Nếu mình có vốn, lập một hang như thế, mình phải tổ chức như thế nào? Bắt chước theo cách tổ chức của hãng ấy hay sửa đổi lại theo một phương pháp hay hơn? Tại sao mình lại phải sửa đổi? Cách tổ chức của hãng mình đang làm khuyết điểm chỗ nào?

Có chỗ nào đáng cho mình làm với tài nghệ mình hơn địa vị mình đang ở không?

Mình có đủ tài năng làm không?

Đấy là lấy tỉ dụ một người làm công thường. Bất kỳ là ở vào địa vị nào: học sinh, văn sĩ, họa sĩ hay giáo sư, y sĩ, v.v… ta cũng làm được như thế.

Những câu hỏi, cố nhiên là tuỳ công việc, địa vị, mà thay đổi cho hạp cách hạp tình, nhưng khuynh hướng vẫn như nhau.

Làm công việc gì bất kỳ mà biết làm theo cách thức trên đây, thì mình mới có thể để ý đến từng mảnh mún của việc làm mà không biết chán.

3. Thi hành

Chép lại, hoạ lại, là một cách chú ý bằng mô phỏng. Trong khi chép lại, hoặc vẽ một vật gì, nếu lo ra thì phải chép sai vẽ trật. Mô phỏng cho hệt, cần phải để ý nhận từng nét, tập trung cả tinh thần vào công việc mình mới được.

Về loại chú ý nầy, học vẽ là phương pháp hay nhứt.

Hãy tập quan sát thật kỹ một vật, rồi vẽ nó lại. Ban đầu thì vẽ mà còn để vật ấy trước mặt. Sau, hãy dẹp nó đi chỗ khác, vẽ lại nó bằng tri nhớ thôi. Bấy giờ ta sẽ thấy sự chú ý của ta còn sơ sót nhiều. Có nhiều nhà hoạ sĩ, họ chụp hình bằng cặp mắt. Sau khi quan sát, họ vẽ lại không sót một nét nào đại khái cả.

4. Suy nghĩ

Những điều mình quan sát, đã nghiên cứu, hãy đem nó mà dùng trong những vấn đề mình suy nghĩ. Đừng để tư tưởng lêu lổng lung tung, phải buộc nó đi cho có chiều. (Phần nầy sẽ nói riêng nơi chương "Tổ chức Tư tưởng" sau đây.)

Phải tập ham cân nhắc lợi hại, ham giải quyết những vấn đề khó khăn. Trước khi nhất định một việc gì, phải xem xét kỹ lưỡng ảnh hưởng sau nầy của nó tốt xấu như thế nào.

5. Kiến thiết

Khi mình sáng tác, tổ chức một điều gì, sự chú ý lại càng phải hoạt động một cách đầy đủ hơn nữa.

Thử trích ra một vài vấn đề trong báo chí để thảo luận phê bình lại. Tìm kiếm những bằng cớ để bài bác hoặc để binh vực một ý nghĩ nào của mình hay của người. Biên ra những lý lẽ nào vững vàng, và bỏ cả những cái không đủ chứng cứ đi. Đó là một lối tập chú ý rất hiệu quả vậy.

Ví dụ, thấy trong báo thuật lại một vụ tự sát mà người quyên sinh để lại bức thơ nói rằng mình tỉnh trí mà chết; còn thầy thuốc thì chứng nhận rằng người đó điên có cơn. Thế thì vấn đề này phải giải quyết thế nào? Ai nói đúng, ai luận sai? Ta hãy lấy giấy biên vấn đề ấy ra như thế này: "Người tỉnh trí có khi nào tự sát không?" "Sao gọi là tỉnh trí" và "Trong xã hội có những người nửa điên nửa tỉnh sống tự do không?" Không cần phải chờ cho tư tưởng ta có liên lạc mới biên ra. Không phải mình cố làm nhà văn sĩ hay nhà viết báo, mục đích mình là luyện tập sự chú ý, và chỉ có thế thôi. Trong báo chí hằng ngày thiếu gì vấn đề rất ngộ rất hay để đem ra mà thảo luận. Để ý mà tìm thì sẽ thấy hằng hà rải rác trước mắt.

Tổ chức cũng là một cách huấn luyện tinh thần tập trung rất hay. Suy nghĩ có thứ tự mà tập cho thành thói quen, giúp cho mình trở nên nhà tổ chức khéo léo.

Mỗi khi mình phải tổ chức một việc gì, phải luôn luôn tự đặt lấy hai câu hỏi nầy và suy tìm cách giải quyết nó:

1. Tôi làm gì đây? Công việc tôi phải làm đây, là những công việc gì?
2. Phải dùng phương pháp nào hay hơn hết để thực hành?

Hai câu hỏi nầy sẽ gợi thêm nhiều câu hỏi khác, và khi đã trả lời một cách ổn thoả được những câu hỏi ấy, là mình có thể thực hành cái kế hoạch của mình vậy.

Ví như người ta giao cho mình tổ chức một hội chợ, mà xưa nay mình chưa từng làm.

Vậy trước hết hãy lo giải quyết câu hỏi thứ nhất một cách tỉ mỉ. Nghĩ tới sự mướn rạp, thuê các tay tài tử, nghệ sĩ, in giấy quảng cáo, giấy vô cửa, v.v…

Rồi bắt qua câu hỏi thứ hai. Trong cách thuê các tài tử, nghệ sĩ, có nhiều mánh lới mình cần phải biết, có khi mướn mắc mà gặp phải những kẻ không tài, còn mướn rẻ lại gặp người có tài. In quảng cáo có khi in rẻ mà được in khéo, còn in mắc, mà gặp phải nhà in vụng, thành ra thất bại cũng không chừng. Mướn rạp tính chứa được ngàn người mà rốt cuộc có khi chứa không tới bảy tám trăm người.

Bấy nhiêu sự khó khăn ấy tỏ ra rằng tổ chức là một công việc phiền phức và khó khăn, cần phải để cả tinh thần tư tưởng vào.

Tổ chức, tức là dự định và xếp đặt. Ấy là đem hiện tại và vị lai hợp mà xem xét, nghiên cứu. Không thể cẩu thả, lo ra một chút nào cả được, vì sơ sót một chút có khi gây cho mình lắm điều hư hỏng tai nguy cũng không chừng.

Tóm lại: "Chú ý chính là cả đời sống của tinh thần: Trí nhớ, Lý luận, Phán đoán chẳng qua là những kết quả hết sức tự nhiên của Chú ý."[45]

Chương IV. PHÉP TƯỞNG TƯỢNG?

NGƯỜI TA NÓI: "Trí tưởng tượng thống trị thế gian." Thật có đúng như vậy. Sự quan hệ của nó đối với đời sống tinh thần của ta không phải thường.

Nhiều kẻ lại nói: "Trí tưởng tượng để cho những thi sĩ cùng các nhà tiểu thuyết, chớ với những kẻ chi vụ sự thật, thì nó có ích gì mà phải bận lòng đến." Nghĩ như thế rất lầm.

Thường ở đời, trong những thất bại của ta, một phần lớn do nơi tưởng tượng gây nên. Là tại nơi đâu? Tại ta thường phán đoán sự vật theo như ý ta muốn cho nó sẽ ra như thế nào, hơn là theo sự thật y như nó đã xảy ra. Chính vì thế, mà Napoléon nói:" Trí tưởng tượng làm cho ta bại trận"[46] Và cũng vì đó mà người ta sợ nó, khinh nó.

Tuy nhiên, không phải vì thế mà bảo nó luôn luôn là nguồn gốc của sự sai lầm.

Sỡ dĩ ta thấy được sự thật là nhờ trí tưởng tượng mà thấy đặng. Cũng nhờ trí tưởng tượng ta mới tìm thấy được nguồn hứng thú trong sự vật. Các nhà khoa học nhờ trí tưởng tượng mới tạo được ức thuyết (hypothèse) để dự tưởng sự thật trước khi đạt đến nó bằng những phương pháp tinh mật hơn. Chính nhờ trí tưởng tượng, ta mới có thể tạo cho mình một lý tưởng được và có thể trù nghĩ phương thế để đạt cho kỳ được lý tưởng ấy.

Trí tưởng tượng lợi rất to, mà hại cũng không nhỏ. Nếu ta khéo dùng nó, khéo huấn luyện nó, đổi cái hại của nó thành cái lợi thì nó sẽ là một phụ ta rất quí báu của tinh thần ta vậy.

Muốn được như thế, phải làm cách nào?

Ta cần phải để cho trí tưởng tượng ta hoạt động tự nhiên nhưng luôn luôn phải để cho Lý trí "cầm cương con tuấn mã nguy hiểm nầy" mới được.

A. ĐẶC TÍNH CỦA TƯỞNG TƯỢNG

1. Tưởng tượng và cá tánh

Hơn cả các tác dụng của tinh thần, trí tưởng tượng làm biểu lộ được cả cái người của tar a. Thử xem những cụm mây bạc lơ lửng trên trời xanh hoặc thử lấy một tờ giấy trắng rồi nhểu lên đó một vết mực và xếp lại cho vết mực tan ra: mỗi người của chúng ta sẽ thấy hiện tượng khác nhau cả. Kẻ thì cho giống như hình một con thú, người thì thấy in dạng một lâu đài, v.v… Sự vật có một, mà sự thấy thì vô cùng, đủ chỉ cho ta thấy rằng trí tưởng tượng của ta sở dĩ được sung mãn tốt tươi hay cằn cỗi khô khan… đều do nơi sự phong phú và tân kỳ nhiều ít của cá tánh ta mà ra.

2. Tưởng tượng và không tưởng

Trí tưởng tượng là một công trình cố gắng, không phải là tư tưởng long bong, lêu lổng tha hồ…

Nhưng khi ta trù nghĩ một chương trình hành động nào, phải giải quyết một vấn đề hay thảo lược một cuốn sách… nhứt định là không thể để cho tư tưởng bổng lổng thêu lêu như trong lúc mộng tưởng mơ màng, tha hồ bay đáp từ đề kia qua đề nọ, không nhất định nơi nào cả, mà phải thu thập cả tinh thần, vận dụng cả ý chí mới đặng. Dùng trí tưởng tượng phải công phu. Tưởng tượng và không tưởng (reverie) là hai cử chỉ khác nhau xa.

3. Tưởng tượng và hứng thú

Muốn cho trí tưởng tượng được hoạt động một cách hoàn toàn, cần phải có một hứng thú gì để làm trụ cốt. Thiếu hứng thú thì trí tưởng tượng cũng không còn sức gì mà linh động được nữa. Ta cứ để ý mà xem thì sẽ thấy rõ: đối với những vấn đề gì ta thích, thì trí tưởng tượng của ta không bao giờ cạn, nhưng đối với những vấn đề ta không thích, trí tưởng tượng của ta dường như không có. Tỉ như đánh cờ. Có thích đánh cờ, thì mới có thể đánh được cao. Mà cao cờ, tức là già trí tưởng tượng, thấy được nhiều nước cờ bí hiểm mà ít ai thấy trước nổi.

4. Tưởng tượng và mục đích

Tưởng tượng sở dĩ được phong phú là nhờ có mục đích hướng dẫn. Bất luận là một cuộc nghiên cứu về khoa học, hoặc viết một quyển sách hay chỉ tìm một kiến giải nào, làm một bài thi hay tìm cách quảng cáo rao hàng… thảy đều dùng đến tưởng tượng về một mục đích nhất định. Tưởng tượng mà không mục đích sẽ chỉ là một không tưởng, không bổ ích vào đâu cả.

Mục đích ấy đối với đời người, thường gọi là lý tưởng. Người sống không lý tưởng, đời sẽ không thấy gì là hứng vị cả, mà cũng không giá trị gì.

Lý tưởng ấy là nguyên động lực của tất cả hành động của ta. Thử nghĩ một người sống tha hồ, không tôn chỉ, không phương hướng, sống ngày nào hay ngày nấy, thì người đó trong đời, làm nên trò trống gì? Nhà khoa học, triết học, xã hội hay nhà buôn bán… mỗi người mỗi một lý tưởng, suốt đời cặm cụi đeo đuổi theo đó mà quên hẳn những nỗi nhọc nhằn đau khổ của đời mình. “Một nước mà không lý tưởng, nước ấy sẽ bị tiêu diệt.” Có thật như vậy: không lý tưởng, thì cả nước chỉ như một “bầy” người để làm mồi cho nước lân cận thôi. Có lý tưởng và có biết ngưỡng vọng vào lý tưởng ấy, thì nước ấy dầu là một nước yếu hèn và bị ngược đãi bực nào cũng không thể bị tiêu diệt.

Lý tưởng cần phải thanh cao, nhân đạo, - hơn nữa, nó cần phải thích hợp với thực tế, - nghĩa là có thể thực hiện được. Không thế, nó sẽ rơi vào không tưởng của bọn người sống trong ảo tưởng (visionnaires) rất nguy hiểm vô cùng.

5. Tư tưởng và tập quán

Thói quen chỉ nhại đi nhại lại những điều đã qua, và tùng trí nhớ. Trái lại, trí tưởng tượng tạo điều sẽ đến, dùng cả trí nhớ và quan sát của hiện tại làm nền móng. Bởi vậy, trí tưởng tượng là quan năng linh động vô cùng, rất khác xa với thói quen, với tập quán.

Kẻ nghèo trí tưởng tượng, sống trong tập tục, trong thói quen, không thể đi xa được ngoài sở năng của mình. Joubert nói: "Trí tưởng tượng là con mắt của tinh thần." Bởi vậy, thiếu nó, đời sống của ta như bị giam hãm vào một thế giới của kẻ đui mù. Trí tưởng tượng được phong phú chừng nào, tinh thần con người càng được bao là giải phóng chừng nấy. Cuộc đời tinh thần lẫn vật chất của nhân loại, nếu không nhờ trí tưởng tượng của các nhà khoa học, triết gia… sáng tạo ra những cái thuận tiện cho, thử nghĩ còn làm cách nào tiến bộ được.

Người mà không trí tưởng tượng, không làm gì sáng tạo được, chỉ có nhai đi nhai lại những điều đã đọc đã nghe của kẻ khác mà thôi. Đời sống họ là đời sống trong cảnh bùn lầy nước đọng của tinh thần.

Tóm lại, trí tưởng tượng là cơ năng quí báu nhứt của tinh thần. Nó là sinh lực của tư tưởng. Thiếu nó, con người không sáng tạo được cái gì cả, đời sống con người lại cũng vì đó mà mất cả sinh thú.

B. CÁCH HOẠT ĐỘNG CỦA TRÍ TƯỞNG TƯỢNG

Có hai lối tưởng tượng: một lối tưởng tượng qui về quá khứ, và một lối tưởng tượng hướng về vị lại.

Tưởng tượng qui về quá khứ là cái năng lực làm cho ta sống lại những tâm trạng đã qua. Còn tưởng tượng hướng về vị lai là cái năng lực nhân những yếu tố đã qua, tạo được những tâm trạng sẽ đến.

Vậy, trí tưởng tượng là gì?

Ta có thể định nghĩa nó như vầy: Trí tưởng tượng là cái năng lực làm cho ta sống lại được những tâm trạng đã qua, và nhân đó, tạo ra những tâm trạng sẽ tới.

Trí tưởng tượng hoạt động cách nào? Cái gì làm cho tư tưởng, hình ảnh hoà hợp lại, để tạo thành những quan niệm mới mẻ?

Như ta đã thấy trước đây, trí tưởng tượng sở dĩ hoạt động được là nhờ hướng về một mục đích nhất định. Mục đích ấy có cái công năng không khác nào miếng đá "nam châm" hút sắt. Trong một đống đồ lặt vặt nào là cây, đá, sỏi, chì, vàng, thau, kẽm… nếu ta lấy miếng "nam châm" rơ vào, thì chỉ có chất sắt là bị hút thôi. Trong mớ tư tưởng và hình ảnh hỗn tạp, chỉ có những tư tưởng và hình ảnh nào giống với mục đích ta đang đeo đuổi là được thâu rút thôi.

Thường thường trong khi đi chơi, hoặc đang lúc đọc một quyển tiểu thuyết hay đang khi nói chuyện với bạn bè… đột nhiên lại nẩy sinh một ý tưởng mới lạ mà lâu nay ta đã gia công tìm kiếm mãi không ra. Lạ hơn hết, là ý tưởng ấy lại không dính dấp gì đến cái dòng tư tưởng của ta đang bị lôi cuốn. Vậy nó ở đâu và làm cách nào mà đến một cách bất ngờ như thế?

Đâu có gì lạ: nguyên nhân của cái ý tưởng mới lạ kia do miếng "nam châm" mà ta đã nói ở trên. Nếu ta có thể phân tích được những tư tưởng của ta và tìm chỗ liên quan của nó, ta sẽ thấy những điều ta đã nghe trước khi ý nghĩ mới lạ kia nẩy sanh, có nhiều cái giống với ý nghĩ ta đã ham mê đeo đuổi lâu nay… bị hấp lực của miếng "nam châm" thâu rút. Cách hoạt động ấy rất mau lẹ đến đỗi hai hình ảnh hoặc hai tư tưởng vừa chạm vào nhau thì lại vừa tan ra và hoà cùng nhau làm một, biến thành một hình ảnh, một ý tưởng mới lạ.

Miếng "nam châm" nói đây, không cần phải được ôm ấp đằng đẵng nhiều năm, nhiều tháng mới được, nó có thể là một vấn đề thuộc về nghề nghiệp hay thương mãi của mình ưa thích… Vấn đề thời gian ở đây cũng không mấy quan hệ. Cần yếu là nơi cái "phẩm" của nó thôi. Kẻ nào trí tưởng tượng kém, không đủ sức tìm thấy được nhiều tư tưởng mới lạ, cần phải tìm coi nguyên nhân nó nơi đâu? Quả quyết là tại nơi họ thiếu hứng thú đối với vấn đề họ đang tìm kiếm. Hứng thú mà giảm đi thì sự sáng tạo cũng cạn dần.

Vậy, mỗi khi thấy hứng thú giảm đi, nên tìm thay vào một thứ "nam châm" khác, có nhiều hứng thú hơn, thì nguồn sáng tạo của tao không bao giờ hết được. Helvétius nói: "Hết nhiệt tình, con người trở nên đần độn", thật không phải là vô lý.

Ngày kia, vào khoảng năm 1859, E. T. Freedly xem một trang giấy viết chữ khéo, bèn nghĩ đến cây viết và bình mực. Bỗng đâu không rõ làm cách gì mà trong óc ông lại hiện ra một câu hỏi: "Tại sao phải lấy cây viết mà chấm vào bình? Vậy sao ta không làm cho hai món ấy hiệp làm một?" Ở đây, ta thấy sự phối hợp của hai hình ảnh: cây viết và bình mực; và chính đây là nguyên nhân của sự sáng tạo cây viết máy đầu tiên bên Huê Kỳ vậy. Nhà phát minh không phải chồng chập hai hình ảnh kia lại, mà

là hóa hợp nó làm thành một quan niệm hoàn toàn mới mẻ.

Tarde, nhắc lại rằng ở Babylone, gạch ngói đều có in cái tên của người chế tạo bằng lối chữ rời như con dấu vậy. Trong lúc ấy, trái lại, những nhà văn trong nước chỉ biết cặm cụi cúi đầu chép sách thôi. Nếu họ biết hoà hợp hai điều đã nói trên đây, thì nghề in sách đã phát minh được ba ngàn năm sớm hơn.

1. Phân tích và tổng hợp

Trí tưởng tượng bao giờ cũng hoạt động theo hai chiều: phân tích và tổng hợp.

Một người kia đến chơi nơi một cái làng gần bãi biển. Chỗ nầy mới khai thác, người ta lập nó để làm chỗ hứng gió. Ở đó có hai cái quán trọ đã cất xong, nhưng rất "tồi". Thế mà người ta đến ở như nêm.

Người ấy mới nghĩ: Chỗ là chỗ nghỉ mát, sao lại thiếu sân rộng cho người ta đánh banh, đá bong? Phía gần mé biển có một miếng đất rộng có thể mua được. Bây giờ trí tưởng tượng của khác ta bắt đầu làm việc. Anh ta nghĩ: Nếu mình mua miếng đất đó, rồi cất một cái quán cho thật đủ các tiện nghi kim thời, lập một cái sân rộng cho khách du lịch đánh banh hay đá bong, sẽ có được người ta hoan nghinh không? Trong năm mười năm nữa, chỗ nầy sẽ thành một nơi đô hội, số dân sẽ được bao nhiêu? Anh đem vấn đề ấy phân tích ra từng chi tiết vụn vặt, xem xét kỹ lưỡng không sót một mảy nào, bấy giờ anh mới nhứt định kinh doanh. Cái quán trọ của anh cướp hết khách du lịch vùng ấy. Cái mộng của anh thành thực sự.

Đó là anh dùng phép *phân tích* mà tưởng tượng suy nghĩ: anh thấy hai quán trọ kia thiếu sân rộng cho du khách. Bấy giờ anh mới đem cả những chi tiết anh đã quan sát nghĩ cách tổ chức cho cái quán ấy được hoàn toàn, nghĩa là xây cất cho nó có thêm vài cái sân rộng và cung cấp cho nó có đủ các tiện nghi kim thời. Đó là anh dùng phép *tổng hợp* mà tưởng tượng cái bản đồ của cái quán của anh sẽ lập, không cho nó còn phải có điều gì thiếu sót nữa.

Lại thêm một tỉ dụ nữa:

Một anh bán trà kia lấy làm lạ sao cũng một thứ trà, mà có khu bán chạy, khu bán không chạy. Xem sổ sách, thì lại càng thấy rõ ràng hơn nữa. Mấy nhà đại lý cũng nói một thế. Tại sao thế? Anh bán trà mới dùng trí tưởng tượng phân tích ra và xem xét từng điều kiện như thế nầy:

Chất của trà;
Cách chế, cách nấu;
Nước dùng để nấu;
Giá bán;
Cách bán;
Bạn hàng.

Anh bèn đem vấn đề thứ nhứt ra mà quan sát. Ức thuyết của anh như vầy: "Có lẽ trà bán ra không đồng chất chăng?" Nhưng ức thuyết nầy sai, vì trà bán ra đều cùng một chất cả, nên phải loại ra. Vấn đề thứ tư, năm và sáu đem ra xem xét, cũng không đứng vững vì giá bán, cách bán và bạn hàng cũng không phải đâu nhiều đâu ít. Tới phiên đem vấn đề thứ hair a nghiên cứu thì thấy trà nấu ở khu vực bán không chạy có mùi không được ngon bằng ở các khu vực bán chạy. Cách nấu trà thì không khác nhau, thế thì đâu phải tại cách nấu, mà là tại nước. Vấn đề thứ hai bị loại ra, còn lại vấn đề thứ ba là vấn đề nước. Anh bèn đem nước của hai khu vực ấy mà quan sát, thì thấy rõ ràng nước ở khu vực mà trà bán không chạy không hạp với loại trà của anh bán. Vậy cái ức thuyết thứ ba đứng vững. Nguyên nhân đã tìm ra được, anh mới nghĩ ra cách đem tất cả những thứ nước trong các khu vực về và đem dung hoà nhau, nấu xem coi nước nào ăn chịu với trà nào. Bấy giờ anh mới thay đổi phương pháp, đem bán trà tuỳ theo khu vực. Kết quả trà anh bán chạy đồng đều. Cái ức thuyết của anh, nay lại thành ra thực sự.

Hai lối làm việc của trí tưởng tượng như ta đã thấy trên đây, thường không gọi là trí tưởng tượng mà

gọi là suy luận; vì tưởng tượng mà có qui củ như thế, không còn phải là lối tưởng tượng hư không mà là lối suy nghĩ có lề lối, có căn bản.

Ở đời, bất kỳ là nhà thông thái hay nhà nghệ sĩ, kẻ làm thuê hay người làm thợ, đều phải biết suy nghĩ. Mà suy nghĩ là gì? Phải chăng là *phân tích* sự tình ra từng yếu tố của nó để tìm lấy cái lý nghĩ thâm sâu của mỗi phần tử, hoặc *hỗn hợp* những phần tử ấy lại đặng huờn hiện thực sự, tìm coi mình đã có thấy và hiểu được rõ ràng cả mọi phương diện của nó một cách viên mãn rồi chưa? Cho nên, tưởng tượng mà được như thế, thì lợi ích cho thuật tư tưởng không biết ngần nào.

2. Giá trị của ức thuyết

Bất kỳ gặp phải một vấn đề gì khó khăn, hãy lập ngay một hoặc nhiều ức thuyết nếu có thể được, và dùng phép loại trừ mà bỏ ra những cái nào không thể đứng vững, như anh bán trà trên đây. Đó là phương pháp hay nhứt để tìm chân lý và cũng là cái mật pháp mà các nhà khoa học thường dùng nhứt trong khi nghiên cứu.

> "Nhà khoa học tuy có tham vọng muốn nắm ở trong tay những qui tắc biến dịch của mọi vật, để có đủ quyền lực điều khiển mọi vật theo những qui tắc ấy. Nhưng nhiều khi, có những hiện tượng còn hiểm hóc quá mà phương pháp khoa học cũng chưa khám phá nổi, các nhà bác học lại phải dùng trí tưởng tượng sáng tác, nêu ra những giả thuyết để giải thích tạm thời. Rồi lại dùng quan sát và thí nghiệm để kiểm điểm xem sự vật có diễn ra đúng như qui mô của những giả thuyết ấy không? Chính nhờ những con đường do trí tưởng tượng vạch ra đó mà người ta luôn luôn đi tới những phát minh bất ngờ, mới lạ. Cái công dẫn đường của trí tưởng tượng ở đây không phải là nhỏ. Người ta gọi đó là trực giác của nhà khoa học, thứ trực giác được chứng nghiệm nầy khác hẳn với cái trực giác lông bông vô sở cứ của nhà triết học nhuộm màu thần bí."[47]

Darwin có cái thói quen lập một ức thuyết cho mỗi một vấn đề của ông đang nghiên cứu. Ức thuyết ấy, ông do những tài liệu của quan sát và thực nghiệm của ông mà lập nên. Mỗi khi ông tìm được một ức thuyết, thì ông lấy làm vui mừng lắm, và tự nhủ: Thế là ta đã tìm được một lý thuyết để hướng dẫn ta rồi.

Không phải chỉ có những nhà khoa học là cần phải dùng đến ức thuyết thôi, một người thường như chúng ta, trong những công việc khó khăn hằng ngày cũng phải cần đến nó để tìm ra sự thật.

Nếu mình là một nhà buôn mà công việc làm ăn càng ngày càng thấy sa sút, và mình đã khám xét cùng hết, không thấy đặng nguyên nhân. Vậy, phải khảo sát lại một lần nữa, nhưng lần nầy, phải tìm lấy một ức thuyết để dìu dắt cuộc quan sát của mình. Những ức thuyết có thể đặt ra như thế nầy: Có lẽ tại mình thiếu quảng cáo chăng? Hoặc: Tại món hàng của mình xấu chăng? Hoặc: Tại mình không khéo léo tổ chức thành ra bị nhiều tổn phí vô ích không cân với giá bán của mình? Đem từ ức thuyết ra mà xem xét, nghiên cứu là giúp cho mình có phương hướng, không phải có sự lần mò vô hiệu quả.

Ví dầu, trong khi nghiên cứu, cái ức thuyết về quảng cáo kia không đứng vững được, ta cũng không phải mất công gì, biết đâu trong khi kiểm sát, ta không thấy được có cách làm cho nó có kết quả nhiều hơn xưa.

Nhà trinh thám đứng trước những vụ án mạng bí mật ly kỳ cũng dùng ức thuyết mà tìm thủ phạm.

Cách xem bệnh của thầy thuốc, thường cũng là một thứ ức thuyết. Thấy người bệnh khai mất ngủ. Tức thời, y sĩ nghĩ ngay một ức thuyết. Có lẽ vì huyết hư nên hoả bốc làm cho tâm thần không yên chăng? Hoặc: có lẽ vì bị uống nhiều chất kích động thần kinh như trà đậm, hay cà phê chăng? Hoặc: có lẽ vì lo nghĩ quá độ chăng? Nếu quan sát mà thấy những chứng hiện ra không đúng theo ức thuyết của mình thì "loại" nó ra, và nghiên cứu cẩn thận từng ức thuyết kế đó. Rốt cùng, thế nào ta cũng tìm ra được một ức thuyết đứng vững. Ta nên nhớ kỹ điều nầy, mà trước đây tôi đã nhiều lần căn dặn: "Nếu xem tất cả một lượt, thì không thể thấy gì hết." Bởi vậy, ta phải làm việc cho có phương pháp mới được.

Newton nói: "Tôi không có tưởng tượng ra ức thuyết, vì nói thế là lầm, bởi "Vũ Trụ Dẫn Lực" là gì, nếu không phải là một ức thuyết rất to tát của khoa học? Những ức thuyết mở đầu thật là cần thiết, nhưng phải khéo dùng óc phê bình mới được, và nếu thấy nó không thể dùng được hoặc không phù hợp

với thật sự thì phải tìm ngay cái khác mà thay vào liền.”

Muốn cho trí tưởng tượng tìm được ức thuyết một cách dễ dàng, phải biết tìm chỗ *giống nhau* giữa một việc hiện thời với một việc đã qua mà mình đã có biết, có hiểu, nghĩa là phải biết dùng tưởng tượng theo phép *loại suy*.

Cái lối luận ấy như vầy: hễ đã có những điều kiện giống nhau tất phải có những kết quả giống nhau. Một người thợ mỏ tên Hargreaves để ý thấy rằng ở Australie có nhiều thứ đất có vàng giống như bên Far-West… Anh bèn suy nghĩ: “Có lẽ ở đây cũng là đất có vàng”… Anh liền đem cái ức thuyết ấy ra thí nghiệm thì quả đúng với thực sự.

Phép loại suy nầy, khoa học thường dùng lắm. Người ta thấy sắt đốt nóng thì dài thêm ra, mới nghĩ: chất đồng ắt cũng một thế. Nhân thấy trái đất có người, người ta độ cho trên hành tinh Mars cũng có người. Đó là những *ức thuyết*. Ta đừng tin nó là thực sự, vì ức thuyết có thể thành thực sự nhưng không phải luôn luôn là thực sự. Cần phải tra cứu, thí nghiệm lại mới có thể tin nó. Bác sĩ Toulouse khuyên ta: “Ta cần phải nghiên cứu những khoa học thực nghiệm để suy tầm những kiến thức khoa học dùng làm nền tảng cho sự xét đoán của ta… Nhưng chớ có lầm những ức thuyết với những kiến thức thực nghiệm. Trong bất cứ ngành khoa học nào cũng có ít nhiều lý thuyết, chớ nên xem đó là những chân lý đã lập thành.”

Dùng phép loại suy phải coi chừng: tuy có lợi mà cũng nhiều khi có hại,bởi nếu không suy nghĩ cho chính đính, không khéo lại làm như anh chàng “ôm cây đợi thỏ”. Anh ấy sáng sớm ra đường gặp con thỏ chết dưới cội cây, vì nó chạy quá mau và và đầu vào đó mà chết. Anh nghĩ: thế thì ngày mai, ắt sẽ có con thỏ khác chạy lại đây và va đầu mà chết nữa, âu là ta ngồi đây mà đợi.

Có người thấy một món hàng bán ở Sài Gòn rất chạy, mới nghĩ: nếu đem ra Hà Nội ắt bán cũng sẽ chạy. Đó là một lối luận rất nông nổi, thế mà, nếu có bị thất bại, lại đổ thừa cho số mạng hên xui, hoặc cho những bạn hàng khó tính… quên rằng ức thuyết của mình sở dĩ không đứng vững được là tại còn thiếu nhiều điều kiện mà mình bỏ qua không để ý đến.[48]

C. CÁCH RÈN LUYỆN TRÍ TƯỞNG TƯỢNG

Rèn luyện trí tưởng tượng, trước cần phải bàn đến phương pháp tiêu cực, rồi sau sẽ bàn đến phương pháp tích cực.

1. Phương pháp tiêu cực

Chỉ bàn về những quân thù của trí tưởng tượng, nghĩa là những *trở ngại* làm cho trí tưởng tưởng không phát sanh ra đặng một cách tự nhiên và dễ dàng.

Những trở ngại của trí tưởng tượng lại cũng có thể chia ra làm hai phần: phần vật chất và phần tinh thần.

1. *Phần vật chất*: Có được một thân thể tráng kiện thì tinh thần mới dễ hoạt động và biểu lộ được cả sở năng của nó. Đây thuộc về vấn đề thể dục, không cần bàn đến.
2. *Phần tinh thần*: Về phần tinh thần, những trở ngại cho trí tưởng tượng, đại khái có ba:

1. Cái biết bằng sách: Có kẻ học nhiều nhưng không làm được một công việc gì về sáng tạo cả. Là tại họ chỉ học nhiều bằng cách nhớ cho nhiều sách vở mà không biết tiêu hoá nó, không biết phê bình nó.
2. Quá tôn trọng "oai quyền trí thức": Ấy là cái tinh thần phục tùng nô lệ cổ nhân do sự không tin mình, không tin đến tài năng của mình mà ra. Đừng sợ oai quyền ai cả, dầu là nhà khoa học chân chính nói ra, cũng chỉ tạm tin để rồi sau sẽ nghiệm lại. Đừng có coi những kiến thức khoa học là tuyệt đối vì khoa học vẫn luôn luôn còn cố gắng để tiến đền cho gần với sự thực, chớ chưa phải là đã tới chân lý rồi. Lịch sử khoa học đã chứng rằng có nhiều điều, mấy chục năm về trước, các nhà khoa học cho là chân lý, mà nay đã rõ ra là lầm lạc cả rồi.
   Cái tinh thần "*Tử viết*" của các cụ đồ nho xưa, làm cho họ bất kỳ là động đến việc gì cũng cố mời cho kỳ được ông Khổng ông Mạnh mới nghe. Đã là "*Tử viết*" thì không còn phải cần bàn cãi gì nữa cho nổi. Trí tưởng tượng mà gặp phải thứ tinh thần nầy thì còn mong gì có được cơ hội phát triển được nữa.
3. Lãnh đạm và trì độn: Những quân thù nguy hiểm của trí tưởng tượng là tính lãnh đạm và trì độn. Người lãnh đạm thì chẳng những đối với mọi vật chung quan mà chính đối với bản thân của mình cũng vẫn bơ phờ, không chịu gia công sửa đổi hoặc cải thiện cuộc diện gì nữa cả.

   Nhiều kẻ lại thích sống một cuộc đời dễ dãi không cần làm việc mà nên, ấy là những người thờ chủ nghĩa

   Ăn rồi nằm ngửa nằm nghiêng,
   Có ai mướn tớ thì khiêng tớ về.

   Tôn chỉ của họ là bao giờ cũng "noi theo con đường tắt mà đừng có chông gai". Với họ, hễ "ai sao, ta vậy". Họ tưởng làm thế là họ khôn, vì người sáng khởi thì nhọc mà người bắt chước thì khỏe. Nghĩ như thế, thật là lầm. Họ nào có dè: nếu chỉ bắt chước người ta, rồi thì tư tưởng mình càng ngày càng mất tự do, rốt cuộc mình trở nô lệ lại những người mình tưởng đã khôn khéo lợi dụng họ kia.

2. Phương pháp tích cực

Chỉ bàn về những đức tánh nào nên rèn, những thái độ nào nên có, để cho trí tưởng tượng được dồi dào linh động thêm. Như:

1) Óc tân kỳ (originalité)

Những người có óc tân kỳ, không bao giờ chịu suy nghĩ theo ai, và cũng không chịu hành động theo ai.

Phải biết rằng: Ta nên vụ lấy sự tận thiện tận mỹ, chớ không nên vụ lấy sự mới lạ. Óc tân kỳ đây chính là tinh thần của câu “nhựt tân, nhựt nhựt tân” của vua Thành Thang khi xưa. Người có óc tân kỳ, không nên lầm lộn họ với kẻ có óc hiếu kỳ, ham lập dị. Những người ham lập dị, có óc hiếu kỳ, tưởng rằng bắt chước là nô lệ: cho nên họ hay bầy vẽ cầu kỳ. Từ trong cách ăn mặc, hay nhà cửa, việc gì họ cũng một lấy sự mới lạ.

Đâu phải óc tân kỳ là như thế. Óc tân kỳ chuộng lấy sự hoàn thiện, bất kỳ là sự gì việc gì, họ cầu cho nó tốt hơn, hay hơn, chớ không phải chỉ muốn cho nó mới lạ, để lập dị với mọi người. Mỗi một việc gì họ làm, họ không chịu để cho nó mãi mãi trong cảnh ao tù nước đọng, họ tìm cách sửa đổi nó cho thêm hoàn toàn hơn. Cũng như cây viết máy. Ta hãy xem lịch sử của nó, sẽ thấy rõ nhờ óc tân kỳ mà cây viết máy xưa và cây viết máy nay khác nhau như thế nào. Nếu không có óc tân kỳ, người ta không bao giờ thấy có sự tiến bộ được bất kỳ là thuộc về ngành hoạt động nào của con người.

Có óc tân kỳ, thì nhứt định không chịu theo ai mà suy nghĩ hay hành động, nghĩa là bất kỳ trong công việc gì của mình làm đều có lộ ra cái bản sắc của mình trong đó cả. Dầu có nghĩ theo ai hay làm theo ai đi nữa, thì sự nghĩ sự làm bao giờ cũng có nhuộm màu cá tánh của mình, chớ không phải lối bắt chước như cái máy. Dẫu là những tư tưởng cổ, gặp họ, cũng thành ra mới mẻ.

Giờ, muốn có được óc tân kỳ phải làm thế nào?

Phải biết suy nghĩ theo mình, lánh xa thành kiến. Phải biết phê bình những tư tưởng sẵn, rất có hại cho sự tự do trong khi mình phán đoán. Phải lánh sự tầm thường và cái óc nhân tuần (esprit de routine). Phải tin cậy nơi mình. Phải dám “mình là mình” bất kỳ ở vào trường hợp nào.

Tóm lại, muốn có óc tân kỳ, cần phải:

1. Coi chừng những hành động như cái máy, nghĩa là những hành động nào mà mình ít khi phải dùng đến sự suy nghĩ.
2. Coi chừng những ảnh hưởng bên ngoài ám thị mà mình không dè.
3. Kiểm tra những hành động của mình, coi nó có phải là những hành động theo tập quán, theo thói quen do giáo dục hoặc do ông cha ta để lại mà ta cúi đầu nhắm mắt nghe theo chăng? Có nhiều kẻ tưởng mình tư tưởng theo mình mà kỳ thật là tư tưởng toàn theo hoàn cảnh chung quanh mình, theo sách vở, theo tôn giáo hay theo nghiệp đoàn của mình. Những tư tưởng ngoại giới mà mình bị nhồi nắn mà không hay, những tư tưởng sẵn (idées toutes faites) mà mình thâu nhận một cách cẩu thả, đó là những trở lực cho sự phát triển của óc tân kỳ.
   Tuy nhiên, cũng có lắm khi tư tưởng theo mình mà không thèm đếm xỉa gì đến ý kiến kẻ khác, lại là một điều tự phụ nên xa lánh. Nếu mình còn kém tuổi, thiếu kinh nghiệm, thiếu học hỏi, cần phải để ý đến những lời khuyến dụ của kẻ khác nhiều tuổi, nhiều học hỏi, nhiều kinh nghiệm hơn. Làm như thế, đâu có hại gì về cá tánh của mình, bất quá như mình hỏi thăm ý kiến những kẻ giàu kinh nghiệm hơn về những vấn đề mình còn dốt nát hoặc biết mà chưa rành vậy thôi.
4. Nghĩ đến sự tinh vi hơn là tư lợi: Đành rằng có vì tư lợi thúc giục thì óc tân kỳ ta mới được hoạt động mãnh liệt hơn lên. Nhưng, phần nhiều chỉ có những nhà thông thái không nghĩ gì đến tư lợi là

có thể phát mình sáng tạo được rất nhiều cái vĩ đại không ngờ. Nếu chỉ vì tư lợi, mà đeo đuổi tìm tòi, thì sự nghiên cứu chỉ là luẩn quẩn hạn định trong một khuôn khổ, không được tha hồ bổng lổng thêu lêu vào những miền u uẩn của tạo hoá được.

Những nhà đại phát minh như Edison, Branly suốt đời không bao giờ biết nghĩ đến sự tư lợi, chỉ biết tìm để hiểu biết, để đi sâu mãi vào cái màu bí mật của Tạo Hoá. Tìm lợi ích của những phát minh sáng tạo kia là công việc của nhà chuyên môn hơn của người sáng tạo.

2) Óc tìm tòi

Phải có tìm tòi, bằng không, trí tưởng tượng sẽ không làm cách gì mà phát triển được. Người ta có thể phân chia nhân loại làm hai hạng người: người ham tìm tòi và người không chịu tìm cái gì cả.

Văn minh loài người sỡ dĩ cao lên được cùng không là do hạng người thứ nhứt trên đây.

Làm cách nào để có được óc tìm tòi?

Phải ráng mà xem xét, quan sát sự vật đủ cả mọi phương diện.

Phải tìm cách thay đổi, tô điểm công việc mình làm cho thêm hay thêm đẹp, thay vì cứ cúi đầu bắt chước kẻ khác.

Đừng bao giờ để ý một việc gì mà không tìm cho ra nguyên nhân của nó.

Phải biết kinh ngạc đối với những gì mình không hiểu.

D. NHỮNG NGUỒN KÍCH ĐỘNG TRÍ TƯỞNG TƯỢNG

1. Quan sát

Quan sát mà tinh sẽ đem lại cho trí tưởng tượng của ta không biết bao nhiêu nguồn kích động. Người mà "nhiều nghe, rộng thấy", cái vốn hiểu biết càng nhiều chừng nào, thì sự *hội ý* sẽ càng thêm dễ dàng linh động chừng nấy.

2. Thí nghiệm

Thí nghiệm cũng là một nguồn kích thích trí tưởng tượng: vì trong khi thí nghiệm, nếu mình là người có được cái vốn hiểu biết nhiều sẽ gợi cho trí tưởng tượng lắm ý nghĩ lạ lung không sao lường trước đặng.

3. Tài liệu

Trí tưởng tượng làm việc bao giờ cũng cần có nhiều tài liệu đúng đắn làm cơ sở. Những tài liệu ấy ở đâu mà có? Đầu hết, cố nhiên là do nơi kinh nghiệm riêng của mỗi người (cảm giác, tình cảm, tư tưởng của mình). Nhưng kinh nghiệm của mỗi người thì hạn định vì hoàn cảnh, vì tình thế. Vậy cũng phải đến kinh nghiệm của kẻ khác. Những tài liệu ấy có thể, hoặc ở nơi sách vở, hoặc ở nơi các bài diễn thuyết, các bài báo chí, v.v…. Cái giới hạn của kinh nghiệm ta càng được rộng rãi chừng nào thì cái năng lực của trí tưởng tượng của ta càng được tăng gia chừng nấy.

Tìm tài liệu, không phải chỉ nơi sách vở mà thôi, phải còn biết tìm nó ngay với sự vật bên cạnh ta hàng ngày.

4. Nghệ thuật

Các nghệ sĩ là những người giàu tưởng tượng nhứt. Bởi vậy, những tác phẩm của họ là những nguồn kích thích hay nhứt của trí tưởng tượng. Ta nên biết rằng, muốn tưởng tượng, cần phải rời ra khỏi sự thật đang nhận thức, bởi ta phải tìm mà thấy khác hơn những điều nhận thức bằng giác quan. Thế thì không còn có cách nào kích thích trí tưởng tượng của ta dễ dàng bằng cách thưởng thức những tác phẩm nghệ thuật. Nhưng khi xem ngắm một bức tranh tuyệt mỹ, hay lắng nghe một khúc nhạc tuyệt trần, ta cảm thấy như tâm hồn không còn vương víu gì đến cõi đời thật tế nữa, mà bay bổng vào một thế giới đâu đâu… Hãy nhắm mắt lại và tìm mà thực hiện cho kỳ được cái mộng ấy.

Phải biết thưởng thức nghệ thuật, để cho trí tưởng tượng được dồi dào.

5. Cần thiết

Cần thiết là nguồn kích thích trí tưởng tượng mãnh liệt hơn hết. Thật vậy, cứ xem ngay lịch sử sẽ thấy rõ. Vì cần thiết mà loài người đầu tiên biết đẽo đá, tìm lửa, cải tạo các món binh khí cùng vật cụ. Các nhà bác học, y sĩ, kỹ sư ngày nay sở dĩ tìm tòi, sáng tạo cũng vì những sự cần dùng khẩn thiết như: tìm hiểu, trị bịnh, chế tạo hay kiến trúc.

Thường, những kẻ sống một đời dễ dãi, yên ổn không nghĩ gì đến sự sáng tạo. Trừ khi nào họ thấy sự nghiệp sắp nghiên đổ họ mới chịu vận động đến trí tưởng tưởng, tìm đủ phương thế để vãn cứu hoặc duy trì tình thế lại mà thôi. Câu chuyện chàng Robinson Crusoé[49] của Edgar Poe vì bị sự cần thiết bức bách, thúc giục mà thành ra người khéo léo có một không hạ, là một bằng cớ chứng nhận rằng "cần thiết sanh ra những phát minh sáng tạo" (nécessité est mère des inventions).

Chương V. TỔ CHỨC TƯ TƯỞNG

A. TƯ TƯỞNG HỖN ĐỘN

TƯ TƯỞNG đúng đắn trước hết là tư tưởng có trật tự, cần phải luyện tập mới được.

Tuy nhiên, hằng ngày, những khi tư tư tưởng tha hồ bông lộng không dụng công chỉnh đốn gì cả, tư tưởng ta cũng không phải không trật tự. Nhưng lối trật tự ấy – một lối trật tự tự nhiên – không đủ để suy nghĩ cho đúng đắn, để hành động cho vững vàng.

Lối trật tự tự nhiên nầy là một lối trật tự ngẫu nhiên mà có. Ta thử lấy một tỉ dụ về trật tự ở ngoài (ordre materiel) cho dễ hiểu. Một nhà buôn lớn kia, công việc giấy tờ không chỉnh đốn gì cả, nào là thơ từ giấy má để chồng đống không thứ lớp. Đến khi cần phải xem xét lại một công việc gì quan hệ gì đến một nhà buôn hay một bạn hàng tên Giáp, thì phải xốc lại cả một chồng giấy má mới thấy. Nhưng có khi nhiều quá, không thể tìm ngay được trọng một buổi. May nhớ lại cái công việc của anh Giáp, đến trước công việc của anh Ất, nên phăn nới giấy tờ anh Ất mà anh có nơi tay đây, tìm lần ra giấy tờ của anh Giáp ở gần bên đó. Hoặc anh nhớ lại công việc của anh Ất là công việc thuộc về nợ, nên để ở trong một tập bìa xanh, còn những giấy tờ khác ở trong tập bìa đỏ.

Sở dĩ anh ta tìm được giấy tờ anh Giáp là nhờ *liên tưởng*. Lối liên tưởng (association d’idées) trước, nhân nhớ vụ anh Giáp thuộc về vụ nợ, nên mới tìm ra giấy tờ anh ấy trong tập bìa xanh, đó là lối “loại tự liên tưởng” (association par ressemblance).

Ở đây, tuy là một đầu mối của trật tự, nhưng chỉ là một lối trật tự ngẫu nhiên, may rủi mà tìm ra được công việc của mình.

Đối với tư tưởng ta cũng một thế. Nếu ta không biết đem ý chí mà chỉnh đốn nó, thì nó cũng chỉ là một lối trật tự ngẫu nhiên mà thôi. Hai luồng liên tưởng ấy (tiếp cận và loại tự) xô đẩy nhau mãi, càng làm cho tư tưởng ta thêm mờ mệt bất định, không khác nào con thuyền bạt gió linh đinh trên mặt bể…

Nếu ta không cố gắng để suy nghĩ cho có trật tự, có phương pháp, thì khó mà tránh sự u minh trong tư tưởng, hỗn độn trong đầu óc.

Tư tưởng không trật tự có nhiều bất lợi đáng để ý hơn hết là:

1. Khó mà nhớ những điều mình đã học, hoặc có nhớ thì cũng mau quên.
2. Tư tưởng mù mờ, cách diễn dịch tư tưởng ấy cũng lộn xộn hoang mang.
3. Không thể nào giải quyết được một vấn đề khó khăn nào cho đến nơi đến chốn được.
4. Và nhứt là tư tưởng thường hay theo cái chiều sai lạc.

Lối liên tưởng ngẫu nhiên không chỉnh đốn nầy là lối liên tưởng ta thường gặp trong giấc chiêm bao hay trong khi thức mà mơ mộng đâu đâu. Ta nằm mộng thấy nhiều chuyện quàng xiên; riêng ra thì mỗi chuyện có một ý nghĩa, mà hiệp lại thì không ăn chịu với chỗ nào cả.

Hoặc trong khi thức mà mơ mộng, nghĩ việc này sang việc nọ, mà việc gì cũng không ra việc gì. Đó là tại mình để cho tư tưởng tha hồ kết cấu không dụng ý mà chỉ huy, không lấy lý mà kiểm điểm. Bởi vậy, tư tưởng ta mới sanh ra hoang mang hỗn độn.

B. TƯ TƯỞNG CÓ TRẬT TỰ

Có hai lối tư tưởng: tư tưởng theo tự nhiên và tư tưởng theo lý luận.

Tư tưởng theo tự nhiên là tư tưởng tha hồ; còn tư tưởng theo lý luận là tư tưởng có liên lạc, có so sánh, có phân biệt chỗ đồng dị, nghĩa là tư tưởng có phán đoán hẳn hòi..

Trong khi ta thấy một người đàn bà, ta liền liên tưởng đến chị ta, cái đó chưa phải là phán đoán. Khi nào ta so sanh hai hình ảnh ấy để phân biệt và phê bình: "Chị ta đẹp hơn, hoặc cao hơn người đàn bà nầy", đó mới thật là phán đoán đấy. Tư tưởng, tức là phán đoán, mà phán đoán là so sánh, nghĩa là "nhận thấy và quyết định được mối quan hệ giữa hai sự vật".

Thấy được nhiều mối liên lạc giữa các sự vật, thì tư tưởng ta mới được dồi dào. Những mối liên lạc ấy cần phải sắp đặt cho có thứ tự để cho sự nhận xét của ta được sáng suốt, đầy đủ, tinh tế. Bày liệt tư tưởng cho có phương pháp là một cách giúp cho tri thức mình được mẫn nhuệ, hoạt bát, bớt tốn thì giờ và công phu.

Như trước kia, ta đã thấy: muốn quan sát cho có trật tự phải cần đến bản đồ giác quan. Nay muốn tư tưởng cho có trật tự, cũng không thể không dùng đến bản đồ cho được. Dùng bản đồ để tư tưởng là buộc cho trí tuệ của mình một kỷ luật, tập cho nó tư tưởng theo một chiều nhứt định. Tập được lâu ngày, thành thói quen, tư tưởng ta không cần kỷ luật nữa mà không bao giờ hỗn độn.

Bác sĩ Viard chia những mối liên lạc của tư tưởng làm sáu loại, đại khái như:

Giống (genre)
Loại (espèce)
Chất (substance)
Tánh (qualité)
Tương phản (opposition)
Cộng đồng (coexistence)

1. *Giống*: Tỉ như, miếng *thịt rừng* gợi cho ta nghĩ ngay đến "thỏ rừng" hay con "gà rừng". Hoặc *tiếng thú* gợi cho ta nghĩ qua con "lừa", con "ngựa", con "chó", hay con "mèo.
2. *Loại*: Tỉ như, tiếng *binh gia* gợi cho ta nghĩ đến "lính thuỷ", "lính bộ"…
3. *Chất*: Ấy là lối liên tưởng chỉ về cái lẽ không thể thay đổi được của một vật nào, vì nếu thay đổi cái chất của vật đi, thì vật ấy cũng biến mất. Ví dụ: súng đại bác bằng *đồng*. Súng đại bác là vật, mà chất là đồng. Hễ nói đến súng đại bác, thì là liên tưởng ngay đến chất đồng.
4. *Tánh*: Tức là chỉ về cái tánh chất, cái mà, hễ thêm vô cho chất, đổi được trạng thái nó mà không đổi được bản tánh nó. Tỉ như:
   Nước *mặn*Màu *đỏ*Sao *sáng*
   Nước, có thể hoặc lạt, hoặc ngọt, hoặc mặn. Sao, có thể hoặc mờ, hoặc sáng… Nhưng chất nó không đổi.
5. *Tương phản*: Hai vật có thể tương phản với nhau nhiều phương diện hoặc vì thù nghịc nhau, hoặc vì không thể hoà hiệp với nhau được. Tỉ như:
   Mèo và Chó
   Nước và Lửa
   Cao và Lùn

Phải và Quấy

6. *Tư tưởng cộng đồng*: Hai tư tưởng có thể công cộng với nhau. Tỉ như: Hễ nói đến *Truyện Kiều*, thì liền hiện cái tên tác giả của nó là Nguyễn Du; nói đến Vân Tiên liền nghĩ đến Nguyễn Đình Chiểu; nói đến thuyết vi trung liền nghĩ đến Pasteur.

Tư tưởng ấy có nhiều cách:

Hoặc do sự liên lạc giữa *nhân* và *quả* mà có. Như: mây, mưa; già, yếu; hoạ sĩ, bức tranh; cha, con… Già là nhân, mà yếu là quả.

Hoặc do sự liên lạc giữa một vật và cứu cánh của nó. Như: cá và lội, lò lửa và nung nấu, rượu và uống rượu…

Hoặc do sự liên lạc giữa phương thế (moyen) và cứu cánh (fin). Như: Vệ sinh, sức khỏe; bền chí, thành công; quảng cáo, buôn bán. Vệ sinh là phương thế mà sức khỏe là cứu cánh.

Nếu tư tưởng mà biết theo cái chiều ấy, thì tư tưởng có trật tự, không sơ sót. Biết suy nghĩ theo trật tự, thì tư tưởng sẽ phong phú dồi dào, không bao giờ cạn ý.

Một người thường, không bệnh óc, cũng suy nghĩ được theo những mối liên tưởng trên đây nhưng vô tâm và thiếu sót, không trật tự, không phương pháp. Tỉ như, ta thấy một người đàn bà đẹp, ta liền liên tưởng một người đàn bà khác cũng một thứ tóc, cũng một gương mặt (tư tưởng cộng đồng). Nếu ta ngắm xem người ấy thêm một hồi nữa, ta sẽ nghĩ đến một người khác rất xấu xa (tương phản). Hoặc sự tử tế của một người đối với ta làm cho ta nghĩ đến sự lạnh lùng bạc đãi của một người khác (tương phản). Hoặc lúc trời lạnh ta liền nghĩ đến năm rồi, trời lạnh hơn năm nay gấp bội (tư tưởng cộng đồng) và ao ước cho trời nắng tốt (tương phản)…

Đó là cách hoạt động tự nhiên của một bộ óc ổn kiện (sain). Tư tưởng như thế tiếp tục nhau một cách mau lẹ, có khi trong vài giây đồng hồ là đã có trên vài mươi tư tưởng nối nhau hiện ra. Nhưng, rốt cuộc, chỉ còn nhớ lại chừng vài ý nghĩ thôi, có khi không lưu được cái nào cả.

Tư tưởng tiếp tục một cách vô tâm và tha hồ như thế, có thể lấy ý chí mà điều khiển nó cho có trật tự lại, nếu ta muốn cho nó được sâu xa phong phú hơn.

Vậy, bất kỳ là khi nào ta gặp hai vật, hai việc, hoặc hai tiếng nào, ta phải tự vấn một cách quyết định với những câu hỏi nầy:

Tánh chất chúng nó như thế nào?
Nó có thể cảm xúc giác quan nào hơn hết?
Bản chất của chúng nó?
Sự ích lợi của chúng nó?
Những chỗ đặc biệt của chúng nó?
Chúng nó khác nhau chỗ nào?
Ở đâu ta có thể tìm thấy chúng nó?
Chúng nó có nhiều không?
Có thể đếm được không?
Tên của chúng nó có đồng âm mà dị nghĩa không?
Những phần tử cấu tạo chúng nó?
Chúng nó thuộc về khoa học nào? Hay nghệ thuật nào?
Do những nguyên nhân nào chúng nó có ra đó?
Ảnh hưởng của chúng nó đối với ta?

Tên của chúng nó có phải là tên thật hay là những tên kêu to mà rỗng ý?

… v.v…

Đem một việc,, một vật, hay một danh từ nào mà xem xét đủ mọi phương diện như trên, thì sự chú ý và quan sát của ta sẽ được sâu sắc châu đáo không biết chừng nào. Cố nhiên là nhờ đó, ta ôn lại tất cả sự hiểu biết của ta. Thật là một cách tập luyện rất hay cho trí nhớ và trí tuệ.

Suy nghĩ mà muốn cho đầy đủ, trật tự, cần phải dùng đến bản đồ.

Jules Payot nói: Với tôi, tiếng *giáo dục* gợi liền trong óc tôi cái bản đồ "một thể ba ngôi" nầy:

1. Giác – cảm
2. Trí – tuệ
3. Ý – chí

Mỗi phần đều có phụ thêm những chi tiết riêng của nó. Tỉ như về *Trí tuệ* thì bản đồ nó như vầy:

Trí tuệ:

1. Nhận thức (giác quan)
2. Chú ý
3. Trí tưởng tượng
4. Trí nhớ
5. Phán đoán
6. Lý luận
7. Nguyên tắc của trí thức
8. Vấn đề văn tự

Cho nên, hễ nói đến Trí dục, thì liền thấy hiện ra cái bản đồ trên đây. Tư tưởng cần phải đi lần từng giai đoạn. Trước hết, ta nghĩ về cách trí dục bằng sự nhận thức, tức là nghĩ về cách quan sát, những phương pháp điêu luyện giác quan… Kế đó, ta nghĩ qua cách giáo dục trí não bằng sự chú ý, bằng trí tưởng tượng, bằng trí nhớ, v.v… Suy nghĩ có trật tự như thế thì không thể có một phương diện nào bỏ sót được, mà hội ý lại dồi dào.

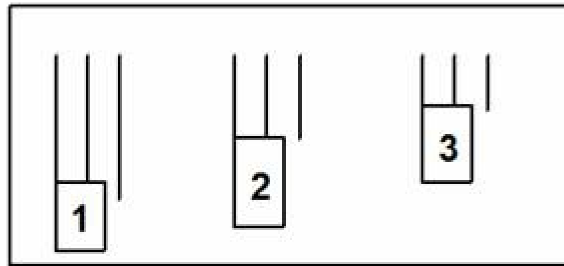
Muốn suy nghĩ, nghiên cứu một vấn đề nào, cần phải thảo sẵn một bản đồ về vấn đề ấy. Hằng ngày cũng nên tạo sẵn cho ta rất nhiều bản đồ về những vấn đề quan trọng của nhân sinh, để mỗi khi nghĩ đến là có sẵn sang hiện ra một cách rõ rệt.

Đọc sách, tôi thường hay xem bản mục lục trước, là để tìm lối tổ chức tư tưởng của tác giả như thế nào? Tôi hay học thuộc lòng những bản mục lục các quyển sách của những bực đại triết gia nghiên cứu về những vấn đề quan trọng trong đời người. Những sách nghiên cứu ấy thường là những công phu nghiền ngẫm rất tinh vi, và bày diễn rất trật tự, rất thấu đáo.

C. SỰ PHÂN LOẠI (classification)

Như ta đã thấy ở trên, tư tưởng tức là so sánh để phê phán. Mà phê phán là chỉnh đốn, là phân loại, nếu mình muốn cho tư tưởng có trật tự.

Đây là một anh thợ máy, cần dùng nhiều cỡ ốc, và mỗi con ốc phải dùng riêng một cây vặn ốc cùng một cỡ mới được. Anh đổ nhầu đống cây vặn ốc trong một cái hộp. Mỗi khi anh cần dùng một cỡ nào, anh phải soạn kiếm hồi lâu mới thấy. Như thế anh đã làm mất thời giờ và công việc làm tốn công một cách rất vô ích. Có người mách cho anh làm một tấm bảng cây, đem những cây vặn ốc phân sắp theo cỡ, máng vô đó biên số ni cho dễ thấy. Bấy giờ, anh làm việc rất mau lẹ, không sai chạy vì hễ dùng đến cây nào, anh thấy liền nó trước mắt.



Anh phát thơ hay phát báo cũng phải biết phân sắp thơ từ báo chí theo con đường và theo thứ tự trước sau của số nhà, để một khi đi qua rồi, không cần phải trở lại nữa.

Người bán sách cũng phải biết sắp sách vở báo chí theo từng loại một, như báo xuất bản ở Bắc hay ở Nam, báo thuộc về Chánh trị, Văn học hay Khoa học… mỗi mỗi đều phải sắp theo loại của nó. Lại cũng phân ra từng xuất bản xã để cho bạn hàng mua sách, ngó qua là tìm được liền sách báo nào họ muốn đọc, hoặc có ai hỏi thì biết liền mà kiếm.

Bất kỳ là đứng vào địa vị, nghề nghiệp nào, hễ biết sắp đặt, biết phân loại là giúp cho công việc làm của mình được tiện lợi đầy đủ.

Trên đây là bàn về lợi ích của sự chia môn loại, các sự vật ở ngoài. Đối với tư tưởng của mình cũng một thế. Cũng phải biết sắp đặt nó cho có thứ tự, tuỳ theo mối liên quan của nó. Tỉ như sách, ta có thể sắp nó theo cỡ, hoặc theo vấn đề, theo loại chung hay loại riêng tuỳ theo tư tưởng giãi bày ở trong.

Đối với sự hiểu biết của ta mới thâu nhận cũng phải biết sắp đặt nó cho có thứ lớp, đừng để chồng chập ngổn ngang trong khối óc. Ví như đọc báo, ta thấy nói chuyện về một nhà y sĩ chết vì bị truyền nhiễm trong khi săn sóc bịnh nhân. Nhân đó, nếu ta biết nghĩ qua các nhà bác học, các nhà y sĩ cổ kim khác chết vì phận sự mà ta đã biết, để so sánh, phê bình; đó là ta biết cách bắt các quan năng tinh thần làm việc theo phương pháp liên tưởng để phân loại, sắp đặt sự nghe, thấy, hiểu, biết của ta cho có thứ tự trong đầu óc. Trái lại, nếu ta chỉ nói: "Đó là một người hiếm có" rồi thôi không quan tâm gì đến nó nữa cả, thì sự hiểu biết của ta không thêm được chút gì, mà tư tưởng mới lạ cũng khó bề nảy nở. Liên tưởng của ta càng ngày càng kém về hoạt bát mà sự học hỏi của ta càng ngày lại càng bị xoá nhoà trong trí nhớ.

Mỗi khi nghe thấy hay đọc một điều gì hay, lạ, ta hãy đem nó mà phân loại, sắp đặt theo thứ tự với những điều ta đã biết trước. Mỗi lần hành động như thế là mỗi lần dượt lại sự học hỏi hiểu biết của ta và cũng là một lần đem thêm tài liệu mới mẻ mà sắp vào ngăn nắp của trí nhớ.

Đem một việc mới lạ mà họp lại với một điều đã biết, hay là nói một cách khác, đem cái mới và cái

cũ cùng một loại để đồng hoá với nhau, đó là "hiểu biết" vậy.

Cách phân loại của mỗi người mỗi khác, không thể nhất định được. Tuỳ theo tâm tánh, tuỳ theo sở thích, tuỳ theo học lực, mỗi người tìm lấy cho mình một tiêu chuẩn để phân loại.

Tiêu chuẩn là một sự, hay một ý, lựa chọn rất kỹ mà ta cho là đặc biệt hơn hết, dùng để làm cái mực trong sự phân loại. Người ta có thể phân loại các giống chó, hoặc lấy theo hình thức của cái đầu làm tiêu chuẩn, hoặc lấy theo sự dài vắn của chân cẳng làm tiêu chuẩn, hoặc lấy theo màu sắc của bộ lông làm tiêu chuẩn.

Ở đời, lắm khi vì hoàn cảnh bắt buộc, ta phải chọn lựa và phân loại mới đặng. Tỉ như: ta là một nhà buôn, nếu ta không biết phân loại, sắp đặt các món hàng của ta thì thật là có hại. Có khi ta căn cứ theo cái phẩm hoặc giá tiền của món hàng để mà phân loại, tuỳ ý. Đối với sự đời cũng vậy. Mỗi một người của chúng ta đều có một tiêu chuẩn riêng để phân loại. Một ông chủ sở hay chủ hãng có tánh hoạt động, quả quyết và nhiều sáng kiến hay phân chia các bầy tôi cộng sự của họ, theo tánh tình họ ưa ghét đó. Họ sẽ chia bọn người làm biếng, do dự, không sáng kiến gì cả riêng ra một loại khác, để tiện cho sự cần dùng trong công việc của họ. Một nhà đạo đức mà đọc sách văn chương ít khi phân loại sách vở họ đọc theo giá trị về mỹ thuật, mà cố nhiên là theo giá trị về luân lý, về tinh thần của các sách ấy.

Trái lại, nếu không có cái chi bắt buộc ta phải lựa chọn và phân loại, thì ta cũng nên đem sự nghe thấy mà phân tích, so sánh với những điều đã thấy, đã nghe mà phân loại. Đó là mình tạo cho mình một cái vốn về sự hiểu biết, để dùng trong các trường hợp bất ngờ trong đời sống hàng ngày. Có nhiều vấn đề rất quan hệ mà ta không ngày giờ hoặc không có cơ hội để tạo lấy một định kiến chắc chắn. Đến khi gặp cảnh bắt buộc mình phải trình bày ý kiến mình, mình sẽ bối rồi làm sao. Nếu trước kia mình đã biết suy nghĩ, phân loại rồi, thì ngày nay đâu có bị mù mờ, ngơ ngẩn, có khi lại đưa ra một cách liều lĩnh một phán đoán vụt chạc, sai lầm.

Có được một cái vốn về "tiêu chuẩn" để phân loại cho dễ dàng thật là một việc rất khẩn cấp cho sự phán đoán của mình. Nhưng, phải biết cho nó không phải là tuyệt đối. Nó tuỳ thời, tuỳ cảnh, tuỳ địa vị, tuỳ trình độ của mỗi người mà thay đổi mãi. Nhà xã hội, nhà kinh tế, nhà giáo dục có những tiêu chuẩn khác nhau về một sự hay một vật. Ta không cần quan tâm đến. Ta nên tự hỏi: Đối với trình độ trí thức ta hiện đây, ta lấy tiêu chuẩn nào để phân loại những sự vật quan hệ đến ta? Rồi thì, với thời gian, sự học hỏi của ta càng tiến, kinh nghiệm của ta càng nhiều, ta hãy đem những tiêu chuẩn trước kia ra mà phê bình sữa chữa lại. Đừng bắt chước theo ai cả, phải tuỳ theo sự hiểu biết của mình mà tìm tiêu chuẩn. Và những tiêu chuẩn ấy phải biết sửa đổi nó theo sự tiến hoá của tinh thần trí thức ta mới được. Bất kỳ là việc gì, hãy cầu cho nó được tận thiện tận mỹ.

Muốn phân loại cho tinh vi, cần phải định nghĩa cho đúng đắn. Định nghĩa mà mơ màng, thiếu sót thì phân loại không tinh, không đúng và cũng không tiện lợi chút nào cả. Ta hãy xem cách phân loại của khoa tự nhiên học thì rõ. Định nghĩa một vật là chỉ cái chỗ đặc biệt của vật ấy, cái chỗ mà nó không thể nào lẫn lộn với một vật khác được.

Đây là một điều hết sức cần thiết phải để ý đến luôn luôn trước khi phân loại.

Tóm lại, muốn cho tư tưởng ta có trật tự rõ ràng, trước hết cần phải biết phân loại và sắp đặt những học hỏi, hiểu biết và kinh nghiệm của mình lại.

Hãy tìm những mối liên lạc giữa các sự vật, tư tưởng và kinh nghiệm. Nhứt là, hãy biết lợi dụng những thất bại, những rủi ro, nhỏ nhặt hàng ngày, đừng bỏ sót một mảy nào cả. Dầu là trong sự học suông của mình, - (học theo sách), - cũng vậy: đừng có đem những tư tưởng mới học kia mà chồng chất ngổn ngang trong đầu óc. Bao giờ cũng như bao giờ, luôn luôn phải theo một qui tắc rõ rệt, một trật tự chặt chẽ mới được. Hãy khéo sắp đặt thế nào cho những kinh nghiệm, học hỏi, mới của mình có thể giúp cho mình lập được một kiến giải rõ ràng về vấn đề mình đang suy tìm. Và, chớ bao giờ quên rằng, kiến giải của ta bao giờ cũng chỉ là tạm thời thôi, vì nó cần phải sửa đổi theo học lực và kinh nghiệm của ta mãi mãi. Đừng có lấy bộ óc mình làm cái kệ giấy để giữ gìn những giấy tờ kỷ niệm không thay đổi, mà phải để cho nó có sự sống, nghĩa là linh hoạt biến chuyển luôn luôn.

Những ý tưởng nào mình chưa thật hiểu, đừng giữ nó lại trong óc. Hãy cân nhắc nó, xem xét nó, nghĩa là nghiền ngẫm nó lại cho thật kỹ, rồi sẽ giữ nó lại trong ký ức không muộn gì. Như thế, những tư tưởng nào của mình có đều là những tư tưởng sáng suốt.

Bất kỳ là đọc một bộ sách thuộc về nghiên cứu hay lý tưởng nào, nên ra công biên lại một bản mục lục của nó với những chi tiết hết sức tỉ mỉ, tóm lại những đại ý hoặc thảo sơ lại một cái hoạ đồ, để giúp cho trí não được có trật tự. Phải giữ trật tự ở ngoài (ordre matériel) cho thật châu đáo: mỗi mỗi vật gì đều phải dành một chỗ riêng cho nó. Trật tự ở ngoài ảnh hưởng rất to đến trật tự ở trong, nghĩa là trật tự trong tư tưởng. Con mắt thoáng qua kệ sách của mình sắp đặt đàng hoàng đủ giúp mình ôn lại một cách rất trật tự những điều mình đã đọc đã hiểu.

Napoléon thường nói: "Khi tôi cần suy nghĩ đến một vấn đề gì, tôi kéo ngăn tủ trong óc tôi ra. Những tư tưởng trong "ngăn tủ" ấy không lộn xộn với những ngăn khác, sau khi dùng nó, tôi liền đóng nó lại. Thế là xong, không còn phải bận đến nữa."

Ta cũng nên dành trong bộ óc ta nhiều ngăn nắp thế: đây là ngăn đựng những tư tưởng về triết học, kia là ngăn chứa những tư tưởng về chánh trị hay giáo dục v.v… Mỗi khi mình nghe thấy một việc mới lạ, hãy đem phân loại nó và tìm những mối liên quan của nó với ngăn nắp chứa đựng tư tưởng cùng một loại với nó. Thế nào tư tưởng ấy cũng sẽ ở lại ngăn mà ta đã nhất định cho nó phải ở. Ví như ta đọc một bộ sách nói về giáo dục nhi đồng theo phương pháp hướng đạo. Ta soạn lại trong óc những tư tưởng về giáo dục mà trước kia ta đã đọc như J. J. Rousseau, Montessori, Decroly, Dewey v.v… Ta tìm chỗ dị đồng của những tư tưởng mới cũ cùng một loại, so sánh với nhau để tìm lấy một giải pháp theo ta. Tư tưởng mới và cũ cùng loại sẽ kế chặt nhau thành một khối liên tưởng khít khao. Đó là phương pháp dùng "ngăn tủ" của Napoléon đã nói trên đây.

Thỉnh thoảng cũng nên làm "biên bản" những "ngăn tủ" ấy. Nghĩa là nếu ta là một nhà giáo dục, tự hỏi coi những phương pháp giáo dục cận đại, ta có biết rõ hết chưa? Nếu ta là nhà y sĩ, tự hỏi coi những phương pháp trị liệu hiện thời, ta có biết hết chưa?

Tuy nhiên, hiểu biết chẳng phải chỉ có dùng đến lý trí là được mà thôi. Còn có một lối hiểu biết rất lẹ, thoáng qua là suốt được mọi việc một cách sâu xa đáo để. Người ta thường gọi là *trực giác*.

Nhưng, ta nên biết rằng, những người thông minh thường có những phán đoán mau lẹ, hễ đoán là trúng. Cái mà ta gọi là *trực giác* đó, không phải là *trực giác*, mà là do một công phu suy nghĩ lâu ngày bằng lý trí rất tinh vi, thành thử trong đó tuy gọi là trực giác mà đã có lý luận sẵn rồi. Chỉ vì lý luận ấy mau lẹ quá sức, đã hoà lẫn với những kinh nghiệm trong tiềm thức lâu ngày nên hễ thoáng qua, liên tưởng mau lẹ đến nỗi ta không thể tìm thấy đâu là đường đi lối lại.

Tỉ như, thấy một người kia bước vô nhà, ta liền đoán người ấy là kẻ gian. Tại sao? Ta không rõ.

Nhưng nếu chịu khó tìm kiếm, ta sẽ thấy, nhờ kinh nghiệm nhiều lần đã in sâu vào trí não cái hình dạng kẻ gian, nên nay chỉ thoáng qua là dường như đã biết một cách rõ ràng không cần phải suy nghĩ gì nữa cả.

Thật ra, trực giác không quan hệ gì với cái biết trên đây. Công dụng nó huyền diệu vô cùng, chưa phải ai ai cũng có; sử dụng nó thật rất hay mà lắm khi rất nguy hiểm, nếu ta không biết dùng đến Lý trí để kiểm tra lại. Với một bộ óc tầm thường của chúng ta, hãy dùng đến lý trí.

Nhưng, không phải chỉ bo bo câu chấp vào nó mà thôi. Hãy biết dùng trực giác để tìm chân lý và đem lý trí mà kiểm tra lại, nghĩa là những phán đoán về giá trị (jugements de valeur) cần phải đem về địa vị thực tế, lấy lý trí mà khảo sát lại.

Không thế, lắm khi cái mà ta gọi là trực giác chỉ là một thành kiến rất sai lầm, dắt ta ra ngoài sự thật rất xa mà ta không dè, cũng như khi ta vừa thoáng trông người kia, đã thấy ghét ngay, đến khi cùng nhau sống chung một ít lâu, ta nghiệm lại cái cảm tưởng lúc ban đầu thật rất trái xa với sự thật.

D. BÍ QUYẾT TỔ CHỨC TƯ TƯỞNG

Muốn thâu hoạch tư tưởng cho có phương pháp cần phải nghiền ngẫm và thi hành ngay những bí quyết sau đây:

1. Tập tổ chức tư tưởng bằng cách tổ chức trật tự bên ngoài trước: sắp đặt tài liệu, giấy má cho có ngăn nắp, sách vở chỉnh đốn cho có trật tự, thu vén áo quần cho có thứ lớp. Các vật thường dùng trong nhà phải dành một chỗ riêng cho mỗi món: kềm, búa để một chỗ, thuốc men để một nơi, áo quần để một góc… Như thế, mình cần kiệm được thời giờ, cử chỉ, tư tưởng của mình cũng được đúng đắn, còn tinh thần thì yên ổn vì mình chắc chắn không bao giờ có những cử động vô ích, vụt chạc…
2. Hãy có một tôn chỉ rõ rệt chắc chắn. Phải biết mình muốn cái gì. Quan hệ nhứt là chỗ nầy. Người mà không bao giờ chịu quan tâm suy nghĩ đến cái điều mình muốn, thì họ phung phí tinh lực họ một cách vô lối. Phải thảo cho mình một chương trình làm việc, từng giai đoạn tiếp nhau. Chương trình ấy phải cho vừa rộng rãi để mình có công việc làm mãi, mà cũng hạn định vừa năng lực mình để tránh sự quá sức.
3. Hãy thảo một cái biểu dùng thời giờ cho tỉ mỉ và đúng đắn, và đừng bao giờ sai chạy trong khi thi hành nó. Phải tập cho mình có những thói quen tốt. Ngủ, thức, làm việc… nhất nhất phải cho có qui củ. Nhất định 4 giờ sáng dậy, 9 giờ tối đi ngủ, thì đừng có thất hứa với mình. Được như thế, thì đời mình trật tự lắm và cũng là một cách tập luyện Ý chí rất hay. Có kẻ sẽ bảo: sống như thế là nô lệ. Không! Tự do không phải là hỗn độn, mà là trật tự và điều hoà, một trật tự mà tự mình vạch lấy cho mình, và làm y theo không sai chạy.
4. Phải biết tổ chức những giờ làm việc hay nghĩ ngợi của mình theo nguyên tắc sau đây: "Việc nào theo lúc nấy và chỉ trong lúc ấy mà thôi." Nghĩa là, làm việc gì, phải dành riêng cho nó một thời gian nào, và trong thời gian đó, chỉ làm việc ấy mà thôi, không nên nghĩ tới một việc nào khác. Đừng có cái thói quen làm nhiều việc một lượt mà không có việc nào rồi việc nào cả. Trong khi làm hay suy nghĩ một việc gì, nếu có người đến làm rộn mình buộc phải ngưng lại ngay, thì hay ghi nó trong quyển sổ tay chỗ mà mình đang dừng đó, để sau nầy tiếp tục lại.
5. Đừng bao giờ bỏ dở một công việc gì mình đang làm. Nếu là một công việc phức tạp và lâu dài thì phải biết phân chia nó ra nhiều giai đoạn. Mỗi giai đoạn phải làm cho xong và đầy đủ.
6. Đừng bao giờ để qua ngày mai việc gì mình có thể làm trong ngày nay. Một công việc mà ngày nay mình còn xem là chán, thì ngày mai nó sẽ khả ố đến bực nào.
7. Gặp một vấn đề cần giải quyết, phải trần liệt nó ra một cách rạch ròi và đơn giản. Lại cũng phải biết hạn định nó, không thì nó sẽ minh mông quá. Bấy giờ sẽ xem xét nó đủ mọi phương diện, đừng cho thiếu sót chút nào cả. Nhớ lại cho kỹ những điều mình đã biết, đã đọ, đã kinh nghiệm về vấn đề ấy, và tìm lấy những mối liên tưởng giữa hai bên một cách đầy đủ theo bản đồ của bác sĩ Viard đã nói trước kia. Biên kỹ ra trên giấy, để xem xét lại coi mình còn thiếu sót chỗ nào nữa không.
8. Đem những ý tưởng của mình ra mà phê bình một cách gắt gao, như những tư tưởng ấy không phải của mình., mà là của một người nào khác lạ vậy. Mình hãy tưởng tượng như mình đứng vào địa vị một nhà buôn, một ông kỹ sư, một ông thầy kiện để phê bình quan niệm mới ấy của mình. Nếu đứng vào địa vị của người bạn mình mà gặp một vấn đề như thế, mình sẽ nghĩ sao? Và họ nói như thế có đúng không? Mình hãy tìm những bằng cớ để bênh vực lý thuyết của mình.

9. Phải canh cánh bên lòng bốn cái nguyên tắc về phương pháp luận nầy:

Chỉ nên tin những cái chi là thật khi nào ta biết chắc nó là thật, nghĩa là, chỉ những tư tưởng nào sáng suốt rõ ràng mới có thể tin cậy, và hãy tránh những cái chi còn mù mờ hỗn độn.

Phải biết phân chia những vấn đề phiền phức ra từng vấn đề giản dị hơn.

Bất cứ là làm một việc gì, hãy bắt từ chỗ dễ đi vào chỗ khó, từ chỗ đã biết đi lần vào chỗ chưa có thể biết được, từ chỗ đơn sơ đến chỗ phiền phức hơn.

Phải tập bày giải những phán đoán của mình ra một cách sáng suốt, tinh tế, dẫu chỉ tư tưởng suông trong đầu óc thôi, chưa kịp biên ra trên mặt giấy cũng vậy. Phải có một kiến văn rộng rãi và bao quát về những vấn đề mình đang giải quyết.

Chương VI. THUẬT NHỚ LÂU

A. SỰ CẦN THIẾT CỦA TRÍ NHỚ…

TRÍ NHỚ đối với tư tưởng rất là thiết yếu. Thật vậy: Suy nghĩ là gì, nếu không phải là nhân một việc chưa biết, tìm chỗ liên lạc của nó đối với việc mình đã biết. Nếu thiếu trí nhớ, thử hỏi làm cách nào để lý luận? Nói trước quên sau, hoặc nhớ mơ mơ màng màng những điều mình đã định nói, thì làm gì suy nghĩ cho tới nơi tới chốn được. Lý luận là nhân một tiền đề để đi lần vào một kết luận. Vậy muốn lý luận đúng đắn, thì cái gì ta đã nêu ở một tiền đề, phải nhớ mãi cho đến khi kết luận "tam hoàng quốc chí". Huống chi muốn cho tư tưởng mình được sâu sắc thâm trầm, cần phải có nhiều kiến văn và học lực rộng rãi. Nếu trí nhớ không có thì lấy gì làm cơ sở cho sự phán đoán của mình.

Tóm lại, thiếu trí nhớ quả quyết là không thể nào tư tưởng đặng. Nó là nền tảng của đời sống tư tưởng của ta. Luyện tập nó là việc cần thiết nhứt trong vấn đề Trí dục.

Những phương pháp điêu luyện các quan năng của tinh thần đã nói trước đây, như: Quan sát, Chú ý, Tổ chức Tư tưởng…, toàn để dùng vào một việc, là giúp cho Trí nhớ được dai dẻo.

Chú ý, là để giúp cho những ấn tượng ăn sâu vào trí não. Không chú ý thì không thể nhớ việc gì được lâu dài cả.

Quan sát, là để cho điều mình muốn nhớ được rõ ràng, không sót một đại khái nào hay một chi tiết nào.

Tổ chức tư tưởng, là để cho những điều mình muốn nhớ, dễ mà gìn giữ lâu ngày trong ký ức, và khi muốn nhớ lại, cũng dễ mà tìm ra. Vì nhớ, tức là nhờ liên tưởng mà nhớ. Nếu, những điều ta muốn nhớ, lại không sắp có trật tự ngăn nắp, thời khi phải nhớ lại để mà dùng, thật là hỗn độn.

Vậy, ba giai đoạn của trí nhớ, là *ấn tượng* (impression), *giữ lại trong ký ức* (conservation) và *nhớ lại* (rappel) đều nhờ Quan sát, Chú ý và Tổ chức tư tưởng mà được đầy đủ, hoàn toàn.

B. NHỮNG ĐIỀU KIỆN CỦA TRÍ NHỚ

1. Cảm xúc

Phần đông thường hay than: "Tôi không có trí nhớ." Thế mà có lắm việc họ làm lúc nhỏ, ngày nay còn nhớ rành rành như việc mới vừa xảy ra ngày hôm qua vậy. Cũng có nhiều người khác họ muốn nhớ lắm, thế mà không thể nhớ được, mặc dầu họ ráng hết sức để tụng đi tụng lại. Các bạn trẻ học thi, hễ đậu rồi, thì năm trước năm sau, họ "trả" lại gần hết những điều họ đã học cho thầy họ.

Là tại sao?

Ở đây, "giáo dục cũ" bắt buộc trẻ em học những điều mà chúng nó không ưa thích, hoặc chưa tới tuổi biết ưa thích… khiến cho sự học của chúng nó rốt cuộc không còn nhớ được cái gì cả…

Ta nên biết rằng: muốn nhớ một điều gì, cần yếu là điều ấy phải *cảm* mình mới đặng. Những điều mình bị kích động nhiều là những điều mình nhớ dai hơn hết. Những kẻ nhiều tình cảm là những kẻ nhớ dai nhứt. Một việc gì mình ở không vừa lòng họ, hoặc chạm đến lòng tự ái họ, họ nhớ cho tới chết cũng không quên.

Bởi vậy, những điều gì mình học mà hay quên là những điều mình học mà không thích. Ta thường thấy khác nhà thông thái, họ lảng trí lạ đời. Họ quên cả ăn, cả ngủ, cả nhà cửa vợ con… nghĩa là cả cái đời sống thật tế hằng ngày của họ. Thế mà nếu có ai bàn đến những vấn đề chuyên môn của họ, bấy giờ sẽ thấy trí nhớ của họ phi thường bực nào.

Vậy, muốn nhớ một điều gì, cần phải làm sao cho ta *ưa thích* nó. Làm một việc mình ưa thích, đã chẳng những làm không biết chán, mà lại để cho mình nhớ dai nữa. Tỉ như, vấn đề học chữ Hán đã hai, ba phen làm cho tôi chán nản mà bỏ qua. Về sau, thấy rằng thiếu nó, là một điều thiếu sót to tát cho sự học vấn của mình. Tôi bèn lập chí học cho kỳ được mới nghe. Đối với tôi, vấn đề học chữ Hán thành một vấn đề trọng yếu hơn hết. Nhưng muốn đừng chán nản, tôi bèn tìm cách làm cho sự học được vui thích hơn, tôi đâm ra khảo về ngữ nguyên chữ Hán. Nghiên cứu ngữ nguyên chữ Hán là một việc làm rất thú, học không thấy chán nữa. Tánh tò mò của tôi bị kích động một cách hết sức mãnh liệt, sự học chữ Hán bấy giờ đối với tôi là một sự vui thú không thể bỏ qua một ngày nào cả. Tôi học trong một năm, chữ Hán đối với tôi không còn thấy gì là khó khăn nữa. Lúc trước học rồi quên rồi, nay trái lại, học đâu nhớ đó.

2. Óc mỹ cảm

Nghĩa chữ *mỹ cảm* (esthétique) dùng đây là muốn chỉ về cái "kiểu mẫu hoàn toàn", cái "quan niệm tuyệt mỹ của mình về một vấn đề nào".

Đem cái điều mình muốn nhớ mà so sánh với cái mẫu lý tưởng của mình, cùng một loại với nó, làm cho trí não mình dễ bị cảm xúc và ghi nhớ lắm.

Tỉ như, đối với mình, "người lý tưởng" là "người giải thoát", giống như quan niệm của Lão Tử. Bấy giờ, nếu đọc sách của bà Montessori về giáo dục, ta thấy quan niệm của "người lý tưởng" (l'homme idéal) của bà giống như của ta. Nhân đó, ta so sánh lại cho thật kỹ, ta sẽ thấy tuy "đại đồng" mà "tiểu dị". Vậy, những chỗ đồng dị là thế nào? Cách so sánh đó giúp ta dễ nhớ quan niệm về giáo dục của bà Montessori, khó mà quên cho được.

3. Óc phân tích

Óc phân tích rất có ích cho trí nhớ. Mỗi điều mình muốn nhớ mà phân tích nó ra tỉ mỉ từng chi tiết, tìm nguyên nhân nó, tìm kết quả nó… thì thật khó mà quên nó được, vì làm thế là mình giúp cho nó bắt được nhiều gốc rễ trong đầu óc mình. Về sau, nếu mình rủi quên đi một vài chi tiết, những chi tiết phụ thuộc khác sẽ giúp mình tìm nhớ lại được rất dễ dàng.

Tuy nhiên, phân tích thái quá thường lại làm cho mình chi ly trong những vụn vặt mà quên mất đại ý của nó. Cái đó, cũng có hại cho trí nhớ.

4. Óc tổng quát

Vậy, muốn đừng sa vào thái quá của óc phân tích, cần phải có óc tổng quát để bao trùm vấn đề của mình và qui nó về một mối cho dễ nhớ.

Người có "óc tổng quát", thường trong những điều phức tạp hay tìm lấy cái *đại ý* nó: ấy là phương pháp hay nhất để nhớ. Họ tạo ra một cái "bản đồ" sẵn trước và phân chia rành rẽ trật tự. Bất kỳ là những điều gì nghe thấy, họ đem sắp vào bản đồ của họ, họ thấy liền chỗ nào thiếu sót, chỗ nào thừa thãi. Chỗ thừa, họ bỏ đi; chỗ thiếu, họ tìm cách bù vào. Như thế, họ có luôn luôn sẵn sàng trong đầu óc họ tất cả một hệ thống cấu tạo chắc chắn, không thể quên được.

Tỉ như, đọc sách về *giáo dục*. Họ liền thấy trong đầu họ hiện ra một "bản đồ" đại khái như vầy:

1. Trí dục,
2. Đức dục,
3. Thể dục.

Bao nhiêu tư tưởng trong sách bàn về trí dục, họ sắp vào bộ phận trí dục của bản đồ. Họ xét lại các chi tiết của bộ giáo dục, họ thấy có nhiều chỗ thiếu sót. Hoặc trong sách, không bàn đến vấn đề đức dục. Còn về phần thể dục thì lại nói nhiều quá. Chỗ sở trường sở đoản của quyển sách, họ thấy ngay, mà kẻ thiếu óc tổng quát không thể thấy được.

Óc tổng quát cũng thường hay qui nạp những điều đã nghe thấy thành một qui luật đơn giản, thật rất có ích cho trí nhớ. Nhà làm sử, nhà khoa học ưa dùng phương pháp nầy lắm. Tuy nhiên, khi qui nạp cũng cần phải thận trọng, không nên cẩu thả qui nạp liều lĩnh, như phần đông các nhà làm sử[50] có óc quá giản lược cứ thấy hễ không duy tâm cho là duy vật, không vô sản là tư bản, v.v… Muốn đừng sa vào cái lầm của óc tổng quát, phải biết phân tích cho thật tỉ mỉ để đạt đến cái bề *sâu* của sự vật, rồi trở ra tổng quát lại, để thấy được cái bề *rộng* của nó. Được thế, thì trí nhớ chắc chắn không thể quên được.

5. Óc loại tự

Bất kỳ là một điều gì nghe thấy mà mình muốn nhớ, hãy đem nó so sánh với những điều ta đã nghe thấy trước, *cùng một loại* hay *tương tự* với nó. Óc loại tự (sens analogique) cũng hay dùng những cái "biểu" đơn giản, hoặc vẽ ra, hoặc tưởng tượng suông trong trí.[51]

Năm điều kiện nói trên, tuy rất đơn giản, nhưng rất cần thiết cho trí nhớ được dai dẻo. Cũng còn rất nhiều điều kiện khác, nhưng không mấy quan hệ, kể ra chỉ thêm rộn trí chúng ta.

Tóm lại, muốn nhớ một điều gì, cần phải tuần tự đi theo từng giai đoạn như sau đây:

1. Quan sát và Chú ý thật kỹ, hình thức của nó, tìm sự cân đối của nó, cùng màu sắc nó như thế nào, nếu nó là một vật có hình thể.
2. Tìm sự ích lợi của nó đối với mình như thế nào? Có ích cho phần vật chất hay tinh thần?
3. So sánh nó với cái quan niệm lý tưởng của mình. Tìm chỗ đồng dị giữa hai quan niệm ấy.
4. Tìm những chi tiết của nó, những phần tử của nó, được rành rẽ bao nhiêu hay bấy nhiêu.
5. Tổng quát những chi tiết vụn vặt ấy lại, qui về một định luật cho có hệ thống. Tóm hết đại ý lại thành một câu hay qui nạp thành một qui luật đơn giản.
6. Tìm lại trong ký ức những điều gì mình đã biết mà giống hoặc tương tự với nó, để sắp nó theo loại đó. Cũng như sắp đồ có ngăn nắp, phòng khi dùng đến khỏi phải tìm kiếm lộn xộn.

Chương VII. KẾT LUẬN

A. NHẤT DĨ QUÁN CHI

Khổng Tử nói: "Ngô Đạo nhất dĩ quán chi". Đạo của ta, trước sau chỉ có một lý mà thông suốt cả mọi việc.

Cái Một đó là cốt tử của tất cả nghệ thuật và tư tưởng… Một học thuyết, một quyển sách, một bài văn hay một bức hội hoạ… đều phải có điểm chánh dùng làm trụ cốt cho.

Thiếu nó là thiếu cái hồn của nó vậy.

Một bức danh hoạ bao giờ cũng gợi cho ta một cảm giác gì. Cảm giác ấy mạnh hay yếu cũng nhờ nơi sự khéo lựa chọn một cách cẩn thận cân nhắc những chi tiết vừa đủ để gây cho ta cái cảm giác ấy. Nếu trái lại, hoạ sĩ phung phí những chi tiết vụn vặt không ăn, hoặc không mấy ăn vào đề thì đó là một bức hoạ thiếu tính cách nhất quán, một bức hoạ hỏng. Người ta xem nó, không hiểu rõ nó muốn miêu tả cái gì; đứng trước nó tinh thần ta hoang mang… không khác gì người đã sản xuất ra nó vậy.

Sự thuần nhất trong một tác phẩm hội hoạ hay văn chương là điều khó thi hành nhất. Có gì dễ bằng chồng chất một cách khinh suất cẩu thả những chi tiết rất hay rất ngộ nhưng không liên lạc gì với ý chánh của tác phẩm mình. Trong mỗi ý tưởng hay cảm giác hỗn độn do sự kích thích của ngoại giới đưa đến cho ta, ta phải biết lọc lừa, chọn những gì trọng yếu nhất ăn sát vào để sắp đặt lại và trình bày một cách khéo léo để gây cho kẻ khác một cảm tưởng thuần nhất mạnh mẽ. Không khác nào người trồng nho… họ tỉa những nhánh không cần thiết hoặc đèo đẹt, để tăng sinh lực cho những nhánh khác có thể trổ sanh được nhiều trái hơn, hoạ sĩ hay nhà văn cần phải biết hi sinh những chi tiết không cần thiết hoặc còn bạc nhược để cho tác phẩm mình thêm nhiều sinh lực. Có nhiều nhà văn, tư tưởng họ dồi dào quá, họ phung phí tư tưởng họ trên mặt giấy không khác nào những cành giấy rườm rà của đám nho rừng… "Kẻ không biết hạn định lấy mình, không bao giờ biết viết văn."[52]

Vì thế, viết một bài văn hay, hoặc vẽ một bức hoạ khéo đâu phải dễ. Người viết nó phải, trước nhất, có chủ ý rõ rệt, rồi lại phải biết gìn giữ, trong khi giãi bày những ý phụ, đừng sa đà ra ngoài đề. Giá trị của một nghệ sĩ là chỗ biết giản lược những gì phiền phức rườm rà để tăng gia sinh lực cho cái cảm giác chung, nghĩa là phải biết *hi sinh*. Mặc dầu là những chi tiết hay, hoặc là những tài liệu quí đến bực nào, nếu thấy không cần thiết, không liên lạc một cách chặt chẽ với đầu đề, hãy có gan hi sinh nó đi. Nó là những thứ chùm gởi không nên dung dưỡng trong tác phẩm của mình. Viết văn mà biết thi hành nguyên tắc "nhật dĩ quán chi" ấy, đó là mình tập cho đầu óc mình bao giờ cũng bình tĩnh sáng suốt.

B. TÌM Ý CHÁNH

Như ta đã thấy trên đây, đọc sách hay ngắm tranh… bao giờ cũng phải làm thế nào tập cho mình có thói quen tìm cho ra trước nhất cái yếu điểm làm trụ cốt cho tác phẩm mình đang đọc hay đang ngắm. Lão Tử có nói: "Ngôn hữu hữu tông, sự hữu quân. Phù duy vô tri, thị dĩ bất ngã tri." (Lời nói của ta có gốc, việc làm của ta có chủ, vì không biết chỗ ấy, nên không thể biết được ta). Napoléon Bonaparte, trong một bức thơ gởi cho đại tướng Dejean, có nói: "Thảy đều trở nên giản dị, dễ dàng, rõ rệt, không có gì mơ màng hay hỗn độn nữa cả khi mà ta nắm được cái trung tâm điểm (point central) của một xứ nào."

Đem mà ứng dụng câu của Lão Tử, hoặc câu nói của Napoléon ở trên, thì bao nhiêu nỗi phiền phức cũng thành ra giản dị.

Nhiều đại văn sĩ cũng nói một thế về nghệ thuật viết văn của họ. Taine có nói: "Điều khó khăn nhất trong khi nghiên cứu là tìm cho ra cái điểm đặc biệt và chủ yếu, do đó, tất cả đều có thể qui về một mối, hay nói tóm lại, tìm cho ra cái thể thức (formule) của sự vật mà mình đang tìm.

Ông lại bày giãi phép làm văn của mình, rạch ròi như thế nầy: "Trong khi viết lại một tác phẩm nào, tôi luôn luôn làm một cái bản mục lục phân tích từng vấn đề. Tôi làm bản ấy, không phải lúc mới thảo, hoặc sau khi viết xong bản thảo mà là lần lần sau khi viết xong mỗi đoạn. Tôi tóm lại mỗi đoạn bằng một câu hết sức gọn gãy và rõ ràng. Đâu phải dễ dàng gì tìm ra được liền cái câu đại lược ấy, nhưng, hễ đã một khi tìm ra được nó rồi, thì câu ấy chỉ cho ta thấy trong đoạn văn nầy có những gì dư, những gì thiếu, những gì không ăn chịu nhau, hoặc không đầu không đuôi, bởi thảy đều phải qui về câu tóm tắt ấy. Hơn nữa, câu tóm tắt nầy cùng những câu tóm tắt khác của các đoạn sau, gộp chung lại, giúp cho ta thấy cái yếu điểm của toàn chương."[53]

Đây chẳng những là phương pháp làm văn mà cũng là phương pháp đọc văn. Muốn có được luôn luôn một đầu óc sáng suốt, phải biết tập mỗi khi đọc sách, xem kịch hay nghe diễn thuyết, tìm ngay cái ý chánh, phân biệt cái gì là yếu điểm, những gì là phụ thuộc, nhứt định đừng để mình lôi xuống theo những đề phụ…

Nhứt là khi đọc sách. Phải đọc suốt một hơi, để tìm nắm lấy cái đại ý của toàn tập, bấy giờ sẽ trở lại, đọc kỹ từng thiên, từng đoạn, từng câu. Nhưng phải biết bao giờ cũng để ý đến chỗ thuần nhất của nó. Hãy tập tóm lại đại ý của toàn chương thành một câu gọn gàng và đầy đủ. Vậy trước hãy tóm một chương thành còn một đoạn, rồi hãy tóm đoạn ấy thành một câu và tóm câu ấy thành một đề.

Công việc nầy đâu phải dễ như người ta thường đã tưởng. Câu văn mình tóm lại ấy phải nắm được cái cốt yếu của toàn thiên, tức là cái lý độc nhất vô nhị chi phối tất cả những đề phụ thuộc chung quanh nó. Trong những khi dạy học, tôi bao giờ cũng bắt buộc học sinh phải theo kỷ luật nầy một cách hết sức gắt gao. Đọc xong một bài văn, tôi bắt chúng phải tự tìm ra cái đề của nó, và tóm tắt lại bằng một câu. Đâu phải là một công việc dễ dàng: có khi suốt giờ, chúng cũng không sao tìm cho ra đúng được cái ý chánh của toàn bài… Tôi luôn luôn để tự chúng tìm lấy, tôi chỉ khêu gợi thôi, chớ không nóng tánh mà tìm sẵn cho chúng nó bao giờ cả. Như thế, thật thụ dụng vô cùng và tôi nhận thấy chúng nó cũng hứng thú vô cùng trong sự tìm tòi ấy. Thét lâu ngày chúng tạo được cho mình một thói quen tốt là bất kỳ dứng trước một việc gì phiền phức bực nào cũng không bao giờ để tinh thần mình bị lôi cuốn vào những chi tiết chi ly vụn vặt, không phân biệt được cái gì chánh cái gì phụ… Người xưa có nói: "Tri kỳ lý giả, nhứt ngôn nhi chung; bất tri kỳ lý giả lưu tán vô cùng." (Biết được cái *lý* của nó, thì một lời nói là hết; không rõ được cái *lý* của nó thì lưu tán vô cùng, - nghĩa là nói mãi mà không rồi).

Đây, nào phải chỉ là công phu trong những khi đọc sách làm văn mà thôi đâu, ta phải lấy nó làm công phu của suốt đời bất kỳ là đứng trước một trường hợp nào…

Tóm lại, bao giờ ta cũng nên nhớ mãi nơi lòng cái phương pháp làm việc nầy của thống soái Foch. Bất kỳ là đứng trước một việc gì, một bức thơ hay một công văn, đọc một bài báo hay một quyển sách… nghĩa là từ một việc nhỏ đến một việc lớn nào, thống soái bao giờ cũng lẩm nhẩm câu: "Việc gì đây?" (De quoi s'agit-il?). Để chi? Để tìm cái chánh đề và giải quyết liền vấn đề ấy trong phạm vi nó, không hoang mang lạc lõng theo những câu chuyện ngoài lề.

Thường thường trong khi đeo đuổi một vấn đề gì, người ta thường hay bị xao lãng theo những điều kiện không ăn chịu vào đề, thành ra hay bị lôi cuốn vào những chuyện không đâu mà quên mất cái cốt yếu của vấn đề mình đang giải quyết. Câu châm ngôn của Foch mới xem, thật là giản dị và tầm thường, nhưng nếu đem nó ra thực hành, sẽ thấy nó là một phương pháp tuyệt hay để tránh cho ta những sai lầm trong khi cần phải giải quyết một vấn đề gì.

"Trong một hội nghị kia, người ta nhóm lại để bàn bạc về một vấn đề đặc biệt về sử học. Trong đó có một bực thông thái kia lại đem những ý kiến rất hay của ông về tôn giáo chen vào cuộc thảo luận ấy. Vấn đề thật hay và lý thú, các hội viên bắt đầu sôi nổi theo đó để thảo luận. Viên chánh hội trưởng thấy thế, bèn cho các hội viên hay: "Những điều các ông cãi ấy không còn phải là vấn đề của hội nghị hôm nay. Chúng ta phải theo cái nào: chân lý hay chương trình nghị sự hôm nay?" (la vérité ou l'ordre du jour).[54] Tư tưởng đúng, ở đây, đâu phải là tư tưởng sa đà… mà phải biết buộc mình ở trong ranh rấp của vấn đề mình đã đề cập, nghĩa là mình phải biết hi sinh tất cả những vấn đề khác không ăn chịu với nó, hoặc ăn chịu một cách không chặt chẽ, mặc dầu là những vấn đề rất trọng hệ hơn, rất lý thú hơn…

Table of Contents